

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Ngọc Châu

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬT
TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Phạm Thị Ngọc Châu

Giảng viên hướng dẫn : Th.s Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2012

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	3
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	3
1.1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	3
1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả KD.....	4
1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.2.1. Doanh thu	6
1.1.2.2. Chi phí.....	9
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh	11
1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	11
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán	17
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng	21
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	25
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	28
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	30
1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	32
1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.....	32

1.3.2. Hình thức kế toán nhật ký – Sổ cái	33
1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	34
1.3.4. Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ.....	35
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	37
Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.	38
2.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	38
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty	39
2.1.3. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco trong 2 năm gần đây.....	41
2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco	41
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.	45
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	50
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	50
2.2.2. Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.....	60
2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	65
2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng	71
2.2.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	78
2.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	85
2.2.7. Kế toán chi phí tài chính	91
2.2.8. Kế toán hoạt động khác.....	96
2.2.9. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	101
Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	109

3.1. Đánh giá thực trạng chung công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	109
3.1.1. Ưu điểm	109
3.1.2. Nhược điểm	111
3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	112
3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính	112
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường quản lý tài chính	113
3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco	113
KẾT LUẬN	126
TÀI LIỆU THAM KHẢO	127

DANH MỤC SƠ ĐỒ

<u>Sơ đồ 1.1:</u> Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu	16
<u>Sơ đồ 1.2:</u> Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên	19
<u>Sơ đồ 1.3:</u> Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ	20
<u>Sơ đồ 1.4:</u> Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng.....	22
<u>Sơ đồ 1.5:</u> Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	24
<u>Sơ đồ 1.6:</u> Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính....	27
<u>Sơ đồ 1.7:</u> Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác.....	29
<u>Sơ đồ 1.8:</u> Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	31
<u>Sơ đồ 1.9:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung	32
<u>Sơ đồ 1.10:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.....	33
<u>Sơ đồ 1.11:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	34
<u>Sơ đồ 1.12:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ.....	35
<u>Sơ đồ 1.13:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	36
<u>Sơ đồ 2.1:</u> Sơ đồ bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	42
<u>Sơ đồ 2.2:</u> Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty TNHH MTV vật tư và vận tải Itasco...	46
<u>Sơ đồ 2.3:</u> Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco	48
<u>Sơ đồ 2.4:</u> Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	52
<u>Sơ đồ 2.5:</u> Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	60
<u>Sơ đồ 2.6:</u> Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	66
<u>Sơ đồ 2.7:</u> Trình tự hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	71

<u>Sơ đồ 2.8</u> : Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	78
<u>Sơ đồ 2.9</u> : Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	85
<u>Sơ đồ 2.10</u> : Trình tự hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	92
<u>Sơ đồ 2.11</u> : Trình tự hạch toán hoạt động khác tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	96
<u>Sơ đồ 2.12</u> : Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2011 tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.....	103

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<u>Biểu 2.1</u> : Hóa đơn GTGT đầu ra số 0018150	53
<u>Biểu 2.2</u> : Phiếu kê toán số 018150.....	56
<u>Biểu 2.3</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK511).....	58
<u>Biểu 2.4</u> : Sổ cái tài khoản (TK511)	59
<u>Biểu 2.5</u> : Hóa đơn GTGT đầu ra số 0018099	61
<u>Biểu 2.6</u> : Phiếu kê toán số 018099.....	63
<u>Biểu 2.7</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK512).....	63
<u>Biểu 2.8</u> : Sổ cái tài khoản (TK512)	64
<u>Biểu 2.9</u> : Phiếu xuất kho số 018150.....	68
<u>Biểu 2.10</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK632).....	69
<u>Biểu 2.11</u> : Sổ cái tài khoản (TK632)	70
<u>Biểu 2.12</u> : Ủy nhiệm chi	72
<u>Biểu 2.13</u> :Phiếu báo nợ	73
<u>Biểu 2.14</u> :Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK641).....	76
<u>Biểu 2.15</u> :Sổ cái tài khoản (TK641)	77
<u>Biểu 2.16</u> :Hóa đơn GTGT (Tiền điện) số 0245220	79
<u>Biểu 2.17</u> :Ủy nhiệm chi	80
<u>Biểu 2.18</u> :Phiếu báo nợ	81
<u>Biểu 2.19</u> :Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK642).....	83
<u>Biểu 2.20</u> :Sổ cái tài khoản (TK642)	84
<u>Biểu 2.21</u> :Sổ hạch toán chi tiết của tài khoản	86
<u>Biểu 2.22</u> :Phiếu trả lãi tài khoản.....	87
<u>Biểu 2.23</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 515).....	89
<u>Biểu 2.24</u> : Sổ cái tài khoản (TK 515)	90
<u>Biểu 2.25</u> : Phiếu báo nợ	93
<u>Biểu 2.26</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 635).....	94
<u>Biểu 2.27</u> : Sổ cái tài khoản (TK 635)	95
<u>Biểu 2.28</u> : Hóa đơn GTGT số 0019716.....	97
<u>Biểu 2.29</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 711).....	98

<u>Biểu 2.30</u> : Sổ cái tài khoản (TK 711)	99
<u>Biểu 2.31</u> : Sổ cái tài khoản (TK 811)	100
<u>Biểu 2.32</u> : Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 911).....	104
<u>Biểu 2.33</u> : Sổ cái tài khoản (TK 911)	105
<u>Biểu 2.34</u> : Sổ cái tài khoản (TK 421)	106
<u>Biểu 2.35</u> : Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011.....	107
<u>Biểu 3.1</u> : Sổ chi tiết thanh toán với Cty TNHH MTV than Thống Nhất – Vinacomín	116
<u>Biểu 3.2</u> : Bảng xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán hàng hóa, vật tư	126
<u>Biểu 3.3</u> : Bảng xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán bảo hộ lao động	119
<u>Biểu 3.4</u> : Phiếu báo nợ ngân hàng Quân đội.....	123

LỜI NÓI ĐẦU

Sự ra đời và phát triển của ngành kế toán đi liền với sự ra đời và phát triển của nền sản xuất, kinh doanh. Khi nền sản xuất, kinh doanh của xã hội ngày càng phát triển thì công tác kế toán càng trở nên quan trọng và trở thành một công cụ đắc lực, không thể thiếu trong quản lý kinh tế của Nhà nước và của các Doanh nghiệp.

Ngày nay với xu hướng tự do cạnh tranh hàng loạt các xí nghiệp, nhà máy, công ty được mở ra. Nhu cầu buôn bán trên thị trường ngày càng được mở rộng. Đây là một cơ hội tốt để các doanh nghiệp cạnh tranh phát triển tạo cho nền kinh tế sự đa dạng về hình thức kinh doanh, mặt hàng kinh doanh. Và đây cũng là một thách thức đòi hỏi các doanh nghiệp không ngừng hoàn thiện bộ máy quản lý, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, áp dụng các hệ thống quản lý mới, sử dụng một cách tốt nhất, hiệu quả nhất và tiềm năng về sức người để tạo ra càng nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ với chất lượng cao, tạo ra được nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp và tăng tích lũy cho nhà nước. Mặt khác, sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có những đánh giá cụ thể hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp. Vấn đề đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào để có được lợi nhuận cao nhất nhưng chi phí bỏ ra là thấp nhất. Do đó, các doanh nghiệp trong nước

luôn luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Như vậy trong quá trình hạch toán kế toán việc phản ánh kết quả tiêu thụ, ghi nhận doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp đầy đủ, kịp thời góp phần đẩy tăng tốc độ chu chuyển vốn lưu động tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình kinh doanh. Việc ghi chép chính xác các nghiệp vụ kinh tế này có ảnh hưởng lớn đến tình hình thực hiện tài chính doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp có được cái nhìn toàn diện đúng đắn về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các Doanh nghiệp luôn mong muốn tối ưu hóa hiệu quả của các nguồn lực, vận dụng tối đa các chính sách, biện pháp kinh tế để thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm giảm thiểu chi phí và hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Điều này phụ thuộc rất nhiều vào công tác tổ chức kiểm soát các khoản chi phí, doanh thu và tính toán kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Doanh nghiệp. Vì thế, để hoạt động kinh doanh có hiệu quả, bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng phải quan tâm tới các yếu tố doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, trong thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco em đã mạnh dạn đi sâu tìm hiểu **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco”**.

Nội dung bài khóa luận gồm 3 chương chính sau:

- *Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*
- *Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.*
- *Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm tăng cường công tác quản lý tài chính tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.*

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1. Sự cần thiết của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Sản xuất hàng hoá ra đời đánh dấu sự phát triển của nền sản xuất xã hội và đến nay nó đã phát triển đến một trình độ cao đó là nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường (nhu cầu sản xuất và nhu cầu tiêu dùng). Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng, trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Có thể nói việc tổ chức tốt quy trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy doanh nghiệp cần xây dựng kế hoạch để thực hiện tốt khâu bán hàng đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, tăng vòng quay vốn từ đó có tích tích lũy để tái tạo sản xuất và tiếp tục mở rộng hoạt động kinh doanh.

Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ dưới hình thức các khoản tiền đã chi, các khoản khấu trừ vào tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu được các khoản doanh thu, thu nhập là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu được trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp vốn làm tăng vốn chủ sở hữu.

Cùng với tiêu thụ hàng hóa, xác định kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh

nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết, giúp ban lãnh đạo doanh nghiệp đánh giá, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

Đối với doanh nghiệp, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ là nguồn lợi nhuận chính, nó là khoản chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Vì vậy việc tổ chức công tác kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng cho việc thu nhận, xử lý, cung cấp các thông tin cho doanh nghiệp, các cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách chế độ kế toán, tài chính, chính sách thuế....

1.1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Hoà mình vào sự phát triển kinh tế của nước nhà cùng với các chính sách mở của Nhà nước, tiến trình gia nhập các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới đã đầy đủ và có hiệu lực làm cho hàng hoá xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày càng tăng tạo nên sức ép cho các công ty trong nước. Để đứng vững trong guồng quay của nền kinh tế thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp phải biết kinh doanh có hiệu quả, hợp lý chặt chẽ, nghiêm túc có hiệu quả công tác quản lý tiết kiệm chi phí nâng cao doanh thu, lợi nhuận.

Qua quá trình kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh để mỗi doanh nghiệp xây dựng các kế hoạch quản lý sản xuất, các biện pháp nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh tăng nhanh vòng quay vốn liên tục mở rộng quá trình sản xuất kinh doanh của mình. Muốn vậy, doanh nghiệp phải làm tốt công tác quản lý và đặc biệt là công tác hạch toán kế toán - đây là công cụ giúp cho doanh nghiệp tồn tại và đứng vững vì nó cung cấp cho ban lãnh đạo các thông tin số liệu chính xác về tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để chống chọi với sức ép của thị trường và xu thế cạnh tranh toàn cầu, các

doanh nghiệp phải tự chủ sản xuất, tự hạch toán kinh tế để có lợi nhuận cao nhất. Sử dụng các biện pháp quản lý để kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí nâng cao năng suất lao động để có hiệu quả kinh doanh cao nhất. Thực hiện được đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nhà nước, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên về vật chất và tinh thần.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong quá trình phản ánh và quản lý tình hình sản xuất kinh doanh, giúp cho các nhà quản lý thấy được hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kỳ (biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hay lỗ) từ đó có những biện pháp hoạch định cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian tiếp theo nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

1.1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng nhu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại thành phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.
- Tham mưu các giải pháp thúc đẩy bán hàng, tăng vòng quay của vốn.
- Cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình bán hàng cho chủ doanh nghiệp kịp thời có số liệu, tình hình chỉ đạo hoạt động mua - bán kinh doanh của doanh nghiệp.
- Kiểm tra đôn đốc và thu hồi tiền hàng, khách hàng nợ, theo dõi chi tiết từng khách hàng, từng lô hàng và từng số tiền và thời hạn phải trả, tình hình trả nợ của khách hàng.
- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định

kết quả kinh doanh.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước để họ có căn cứ đánh giá sức mua, đánh giá tình hình tiêu dùng, đề xuất các chính sách ở tầm vĩ mô.

1.1.2. Khái quát về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

Doanh thu: là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

a. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Khái niệm:

+ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền đã thu được hoặc sẽ thu từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hóa đơn, trên hợp đồng cung cấp lao vụ, dịch vụ.

+ Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Doanh thu tiêu thụ nội bộ là những khoản thu do bán hàng và cung cấp dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp, đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới...

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng: Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì chỉ ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lí hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì thì doanh thu được ghi nhận trong kì theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kì đó.

Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

b. Các khoản giảm trừ doanh thu

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng, doanh nghiệp cần có những chế độ khuyến khích đối với những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được chiết khấu thương mại, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc có thể yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm có:

- Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

- Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân đặc biệt thuộc về người bán như hàng hóa kém phẩm chất, không đúng quy cách, hàng xấu, giao hàng không đúng hẹn...

- Hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ

bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất; kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách... Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là sắc thuế đánh vào một số hàng hóa, dịch vụ đặc biệt nằm trong danh mục Nhà nước quy định. Nó là thuế gián thu, thuế được nộp vào giá bán và do người tiêu dùng phải gánh chịu khi mua hàng hóa, dịch vụ nhưng qua các cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ

- Thuế xuất khẩu: được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên GTGT thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng và nó tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Bao gồm các khoản doanh thu:

- Tiền lãi: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ...

- Cổ tức, lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phần hoặc vốn góp.

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại.

- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

- Lãi tỷ giá hối đoái.

- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.

- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Điều kiện ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

d. Thu nhập khác

Là khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản TSCĐ.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- Các khoản thuế được Ngân sách Nhà nước hoàn lại.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.1.2.2. Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 “ Chuẩn mực chung ” ban hành và công bố theo QĐ số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng BTC thì:

Chi phí: là các khoản chi phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, cho các hoạt động khác... mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

a. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với thành phẩm tiêu thụ, giá vốn là trị giá sản xuất ghi sổ; còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng hóa tiêu thụ.

b. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển...

c. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng...

d. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

e. Chi phí khác

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- + Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- + Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- + Các khoản chi phí khác.

1.1.2.3. *Xác định kết quả kinh doanh*

Khái niệm:

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động trong doanh nghiệp trong một thời gian nhất định (tháng, quý, năm). Đây là chỉ tiêu tổng hợp rất quan trọng để đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Lợi nhuận của doanh nghiệp bao gồm:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính; chi phí tài chính; chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Nội dung của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

+ Phản ánh ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

+ Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời và chính xác các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh. Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

+ Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận và làm nhiệm vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

a. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn Giá trị gia tăng.
- ✓ Hóa đơn bán hàng thông thường.
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
- ✓ Giấy báo Nợ, giấy báo Có của Ngân hàng.
- ✓ Hợp đồng kinh tế.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

– Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

– Cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê

TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

– Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;

– Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;

– Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ;

– Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ;

– Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;

– Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

– Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp hai.

➤ **Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Kết cấu Tài khoản:

Bên Nợ:

– Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

– Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

– Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;

– Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911 "Xác định kết

quả kinh doanh".

Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp hai.

➤ **Tài khoản 521 “Chiết khấu thương mại”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho khách hàng do khách hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng hóa).

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 531 “Hàng bán bị trả lại”**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá bán ghi trên hóa đơn) do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng kém chất lượng, mất phẩm chất...

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại sang TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc TK512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác

định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 532 “Giảm giá hàng bán”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh do người bán chấp nhận giảm trừ cho người mua vì sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất, không đúng quy cách... và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

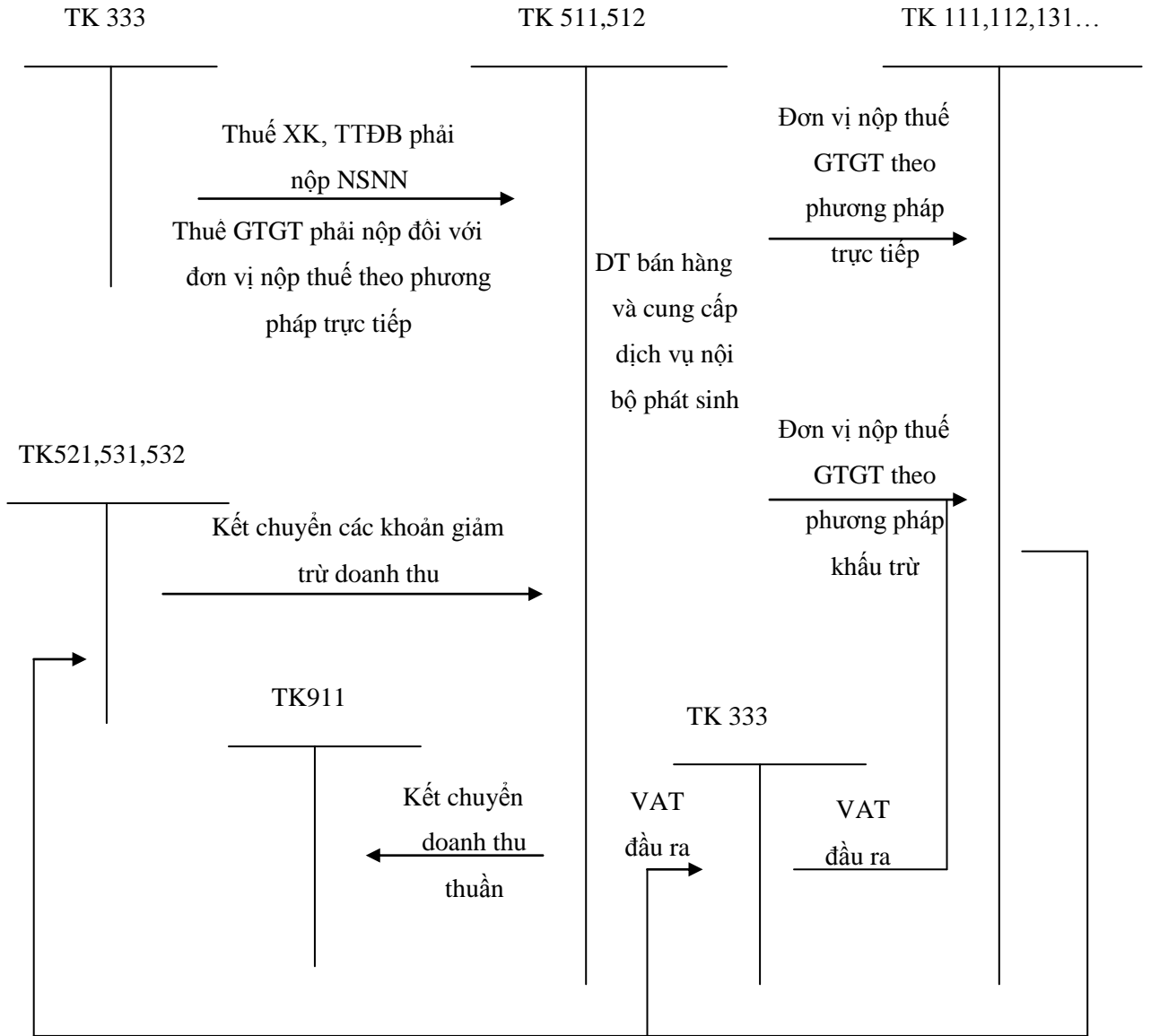
– Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong HĐKT.

Bên Có:

– Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc TK512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán



CKTM, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

a. Các phương pháp xác định giá vốn

Muốn xác định đúng đắn kết quả bán hàng trước hết cần xác định đúng đắn trị giá vốn hàng bán. Việc tính trị giá vốn hàng bán phụ thuộc vào đơn giá của hàng hoá trong các thời kỳ khác nhau. Nếu hàng hoá mua với giá ổn định từ kỳ này sang kỳ khác thì việc tính giá hàng bán rất đơn giản. Nhưng nếu hàng hoá giống nhau được mua vào với giá khác nhau thì việc xác định giá vốn hàng bán là rất quan trọng.

Theo chuẩn mực số 02-HTK ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, việc tính giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

- *Phương pháp giá thực tế đích danh*: được sử dụng với các loại hàng hóa đặc biệt có giá trị cao và có tính tách biệt hoặc được áp dụng đối với những doanh nghiệp có ít mặt hàng, mặt hàng ổn định. Theo phương pháp này, hàng được xác định trị giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì sẽ được xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

- *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

○ Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\frac{\text{ĐG}}{\text{BQ}} = \frac{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} * \text{Đơn giá tồn đầu} + \text{Số lượng nhập trong kỳ} * \text{Đơn giá nhập}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

○ Bình quân liên hoàn:

$$\text{ĐG sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá trị thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

- *Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)*: Theo phương pháp

này, hàng nào nhập về trước sẽ xuất ra trước; xuất hết số lượng hàng nhập trước mới tính đến số nhập hàng sau theo giá mua thực tế của từng lượng hàng. Trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ được coi là số hàng nhập lần đầu tiên.

- *Phương pháp nhập sau – xuất trước (LIFO)*: Theo phương pháp này, hàng nào nhập về sau cùng sẽ xuất ra trước tiên; xuất hết số nhập sau cùng đó đến số nhập ngay trước đó. Phương pháp này ngược với phương pháp nhập trước – xuất trước.

b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT.
- ✓ Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- ✓ Biên bản kiểm nhận hàng hóa.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

c. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

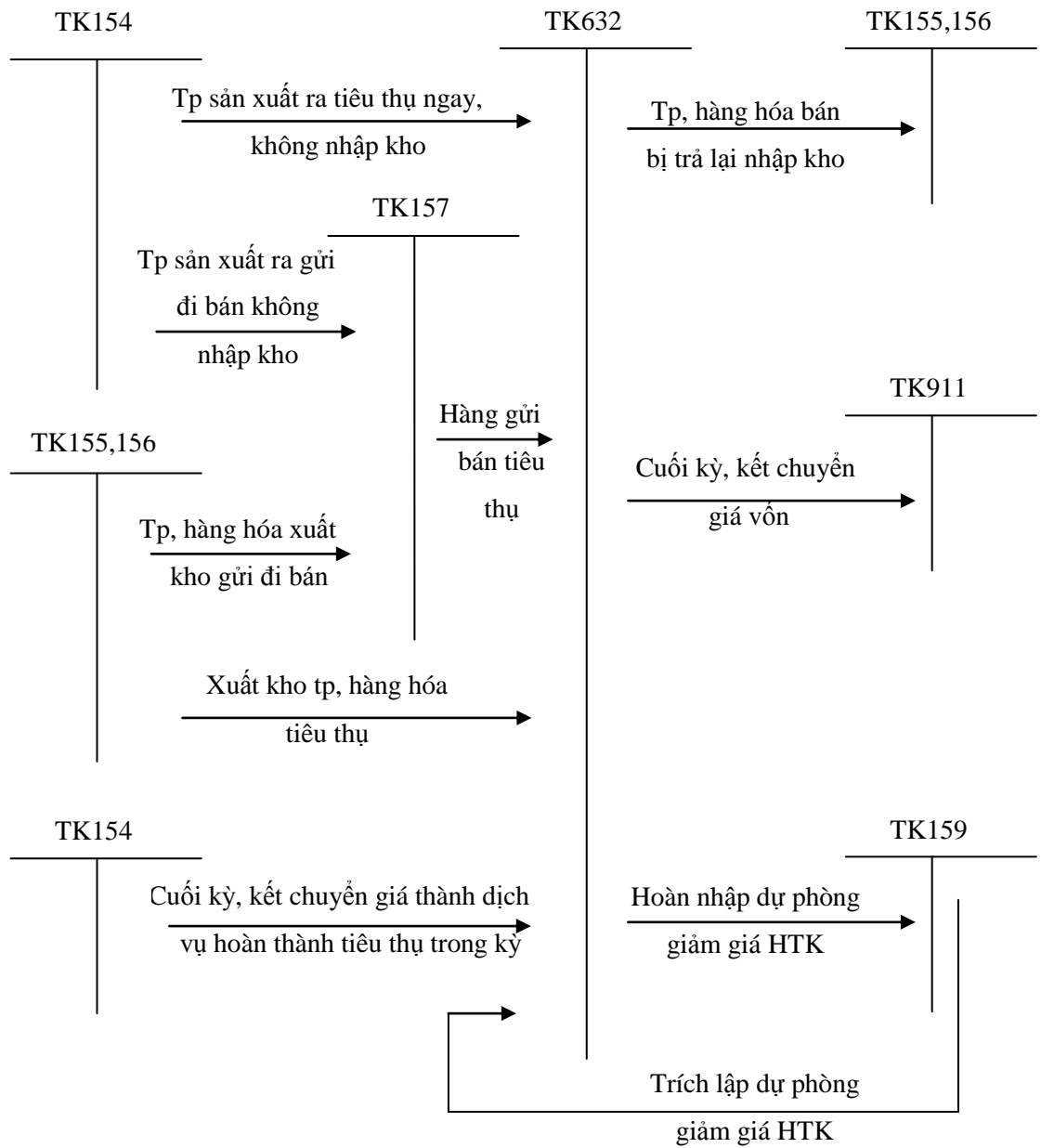
- Giá vốn hàng xuất bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

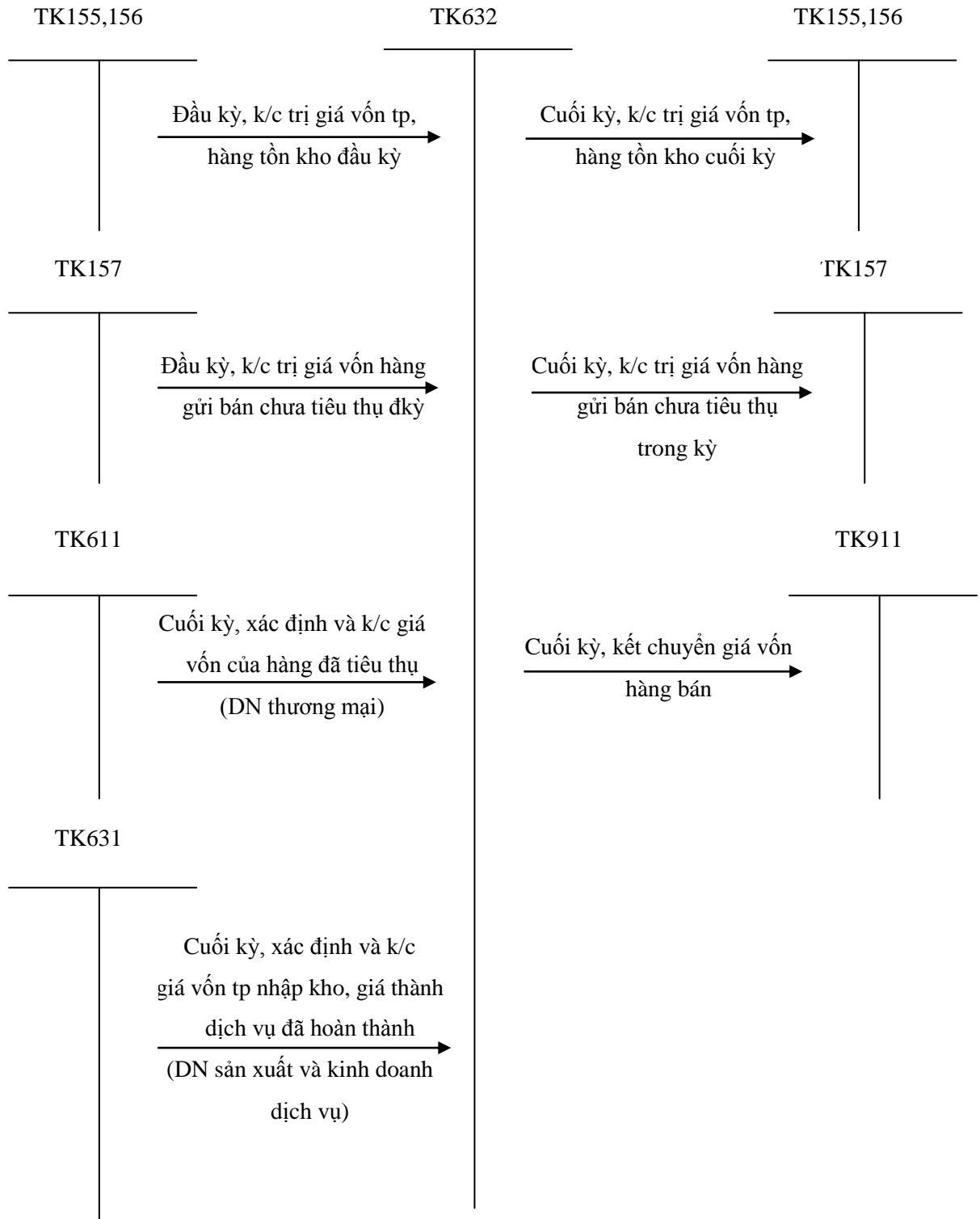
- Kết chuyển giá vốn của hàng đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

d. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ sử dụng

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- ✓ Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Hóa đơn GTGT.
- ✓ Phiếu xuất kho.
- ✓ Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

b. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 641 "Chi phí bán hàng"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các CP thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bao gồm các CP chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành, CP bảo quản, đóng gói vận chuyển...

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

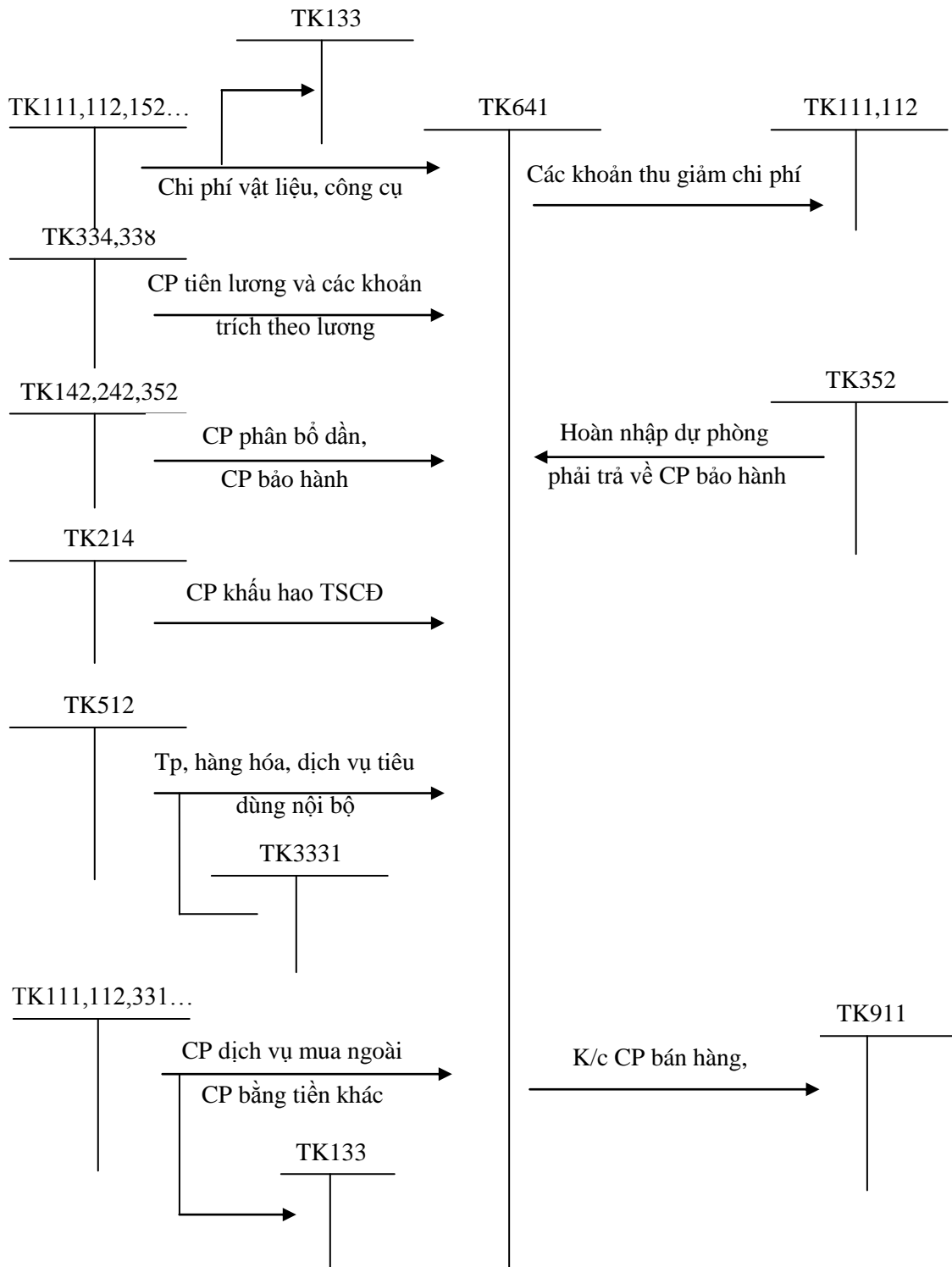
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ

Bên Có:

- Kết chuyển Chi phí bán hàng sang TK 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

a. Chứng từ sử dụng

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- ✓ Bảng phân bổ công cụ, dụng cụ
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Hóa đơn GTGT.
- ✓ Phiếu chi, Giấy báo nợ của ngân hàng...

b. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), BHXH, BHYT, KPCĐ của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuê môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

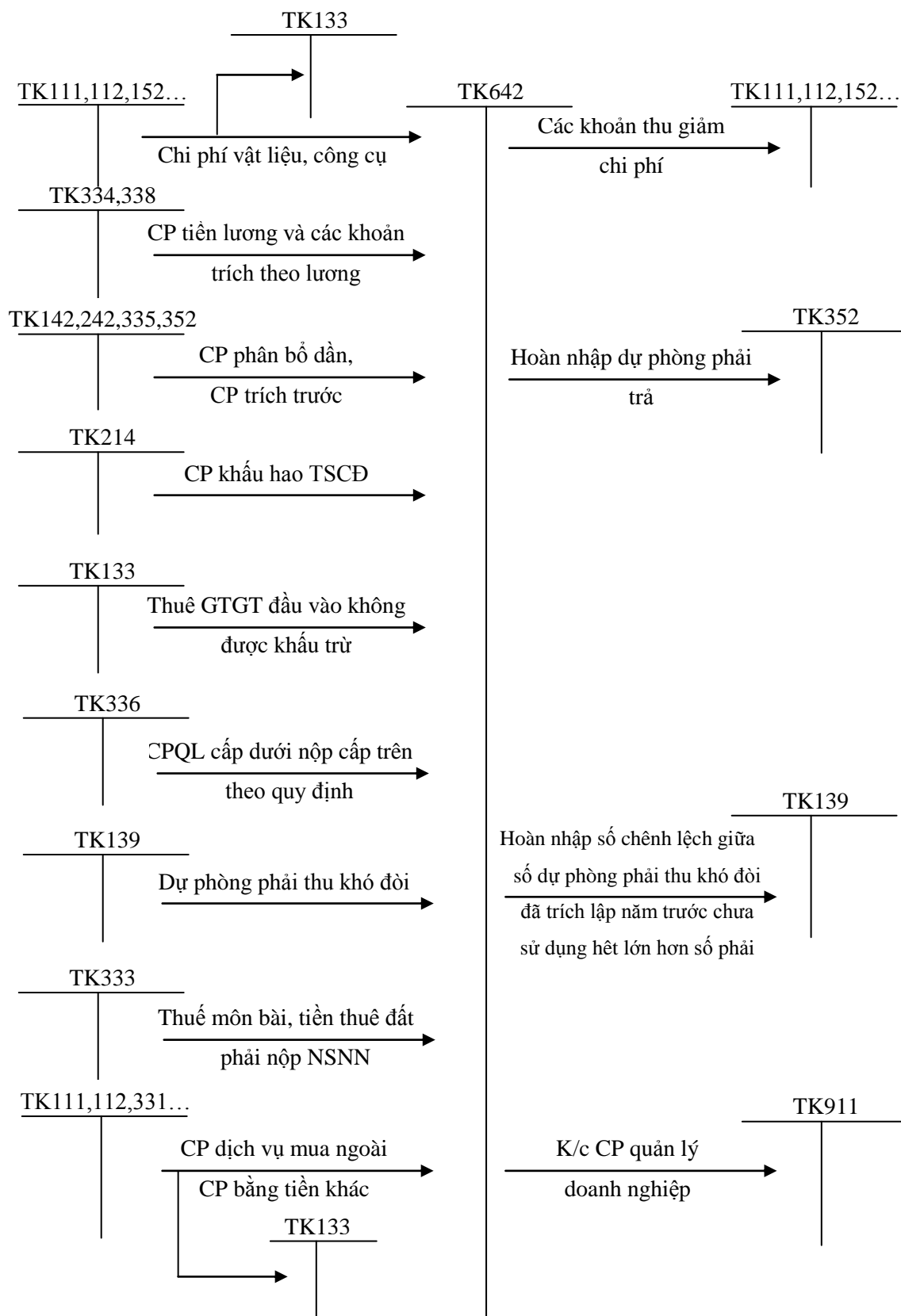
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

c. Quy trình hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

a. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, giấy báo có
- ✓ Các khế ước cho vay, đi vay, biên bản ghi nhận nợ
- ✓ Sổ phụ ngân hàng
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

b. Tài khoản sử dụng

➤ Tài khoản 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 635 “Chi phí tài chính”.**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

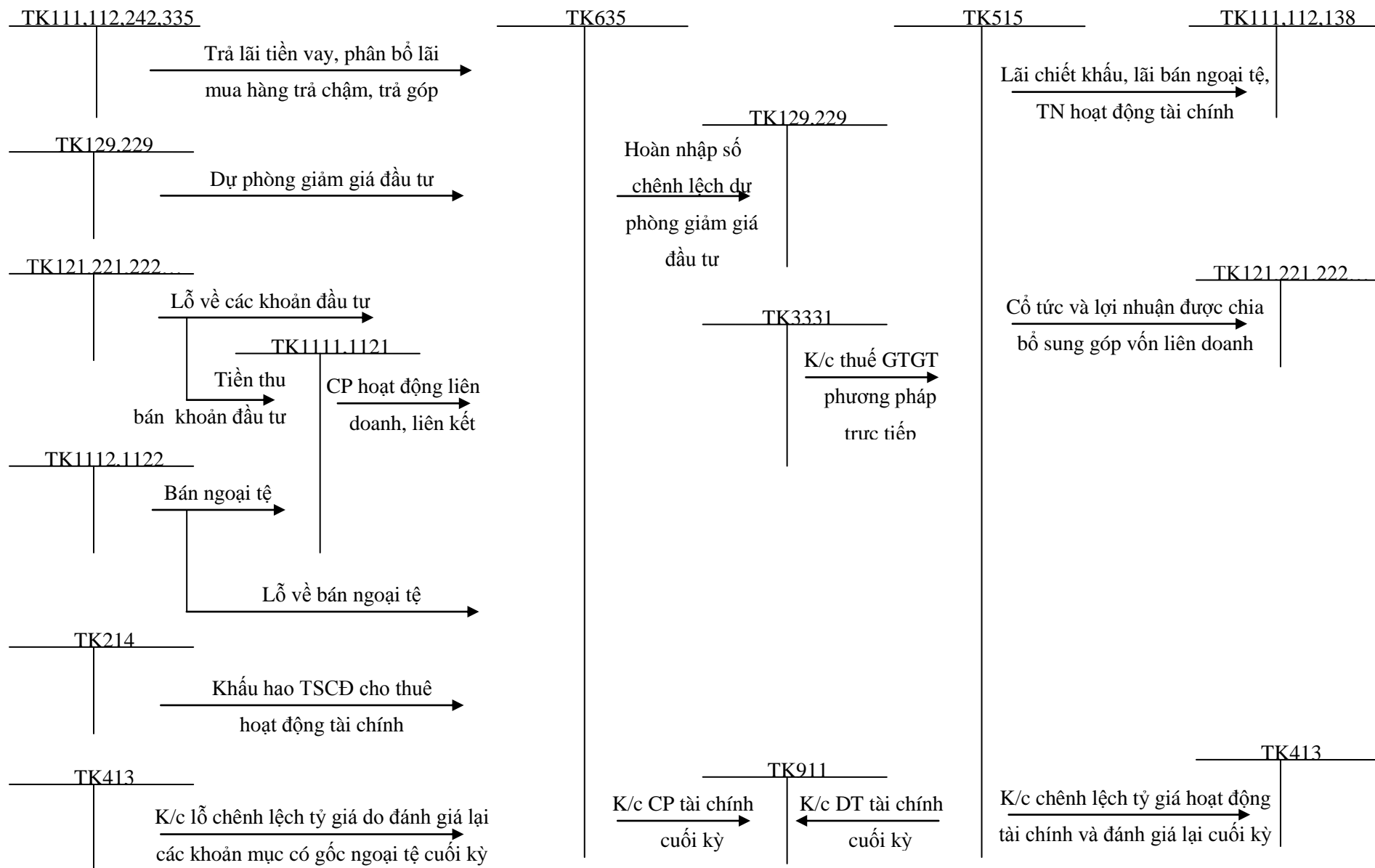
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá hối đoái giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

Bên Có

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải nộp kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết).
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.6. *Kế toán thu nhập khác và chi phí khác*

a. *Chứng từ sử dụng*

- ✓ Biên bản đánh giá lại tài sản, biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường...

b. *Tài khoản sử dụng*

➤ **Tài khoản 711 “Thu nhập khác”.**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

– Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

– Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

Bên Có:

– Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

➤ **Tài khoản 811 “Chi phí khác”**

Tài khoản này phản ánh các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

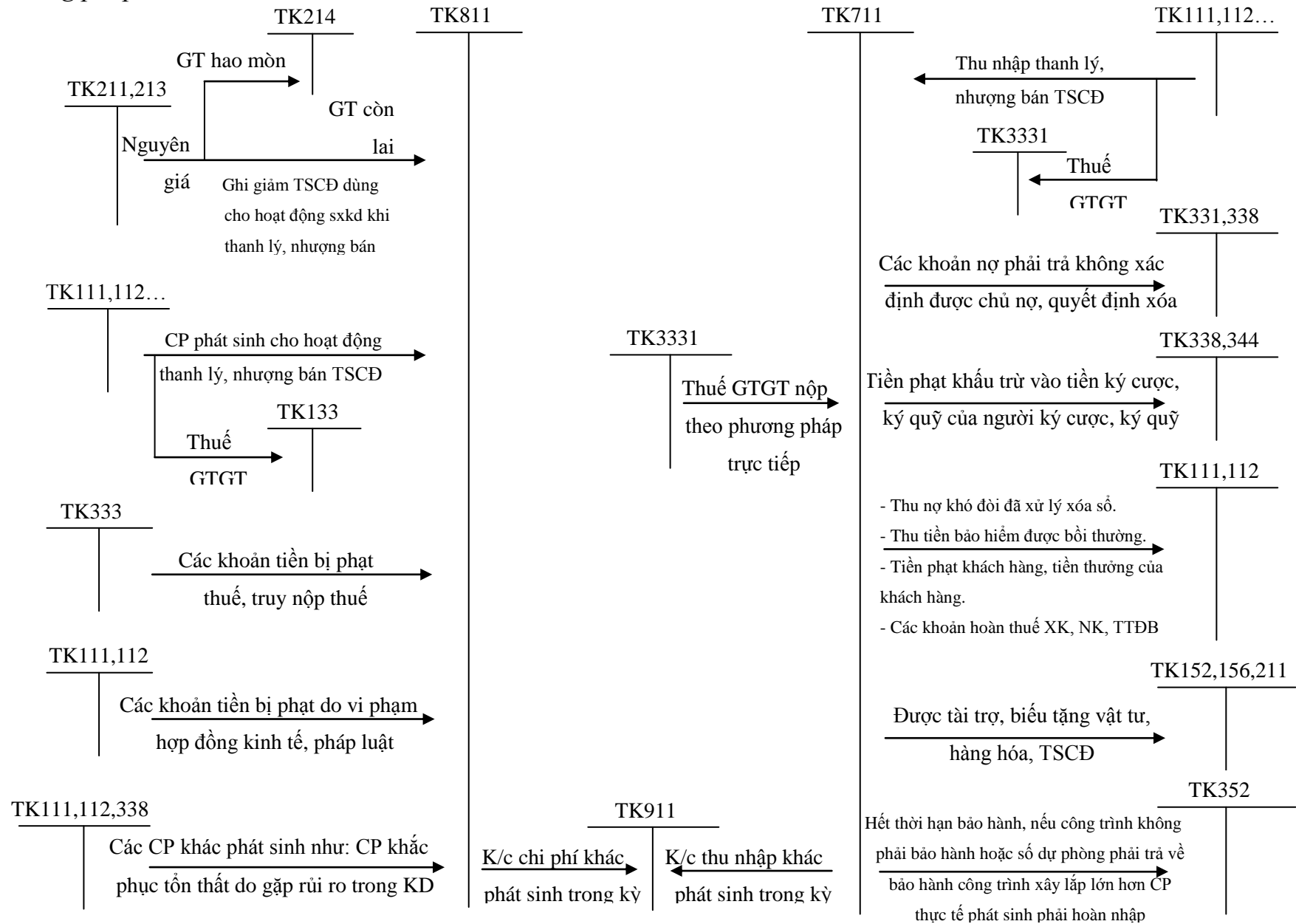
Bên Nợ:

– Các khoản chi phí khác phát sinh

Bên Có :

– Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán kết chuyển

b. Tài khoản sử dụng

➤ **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết cấu tài khoản:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Kết chuyển lãi.

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Tài khoản 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”:**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

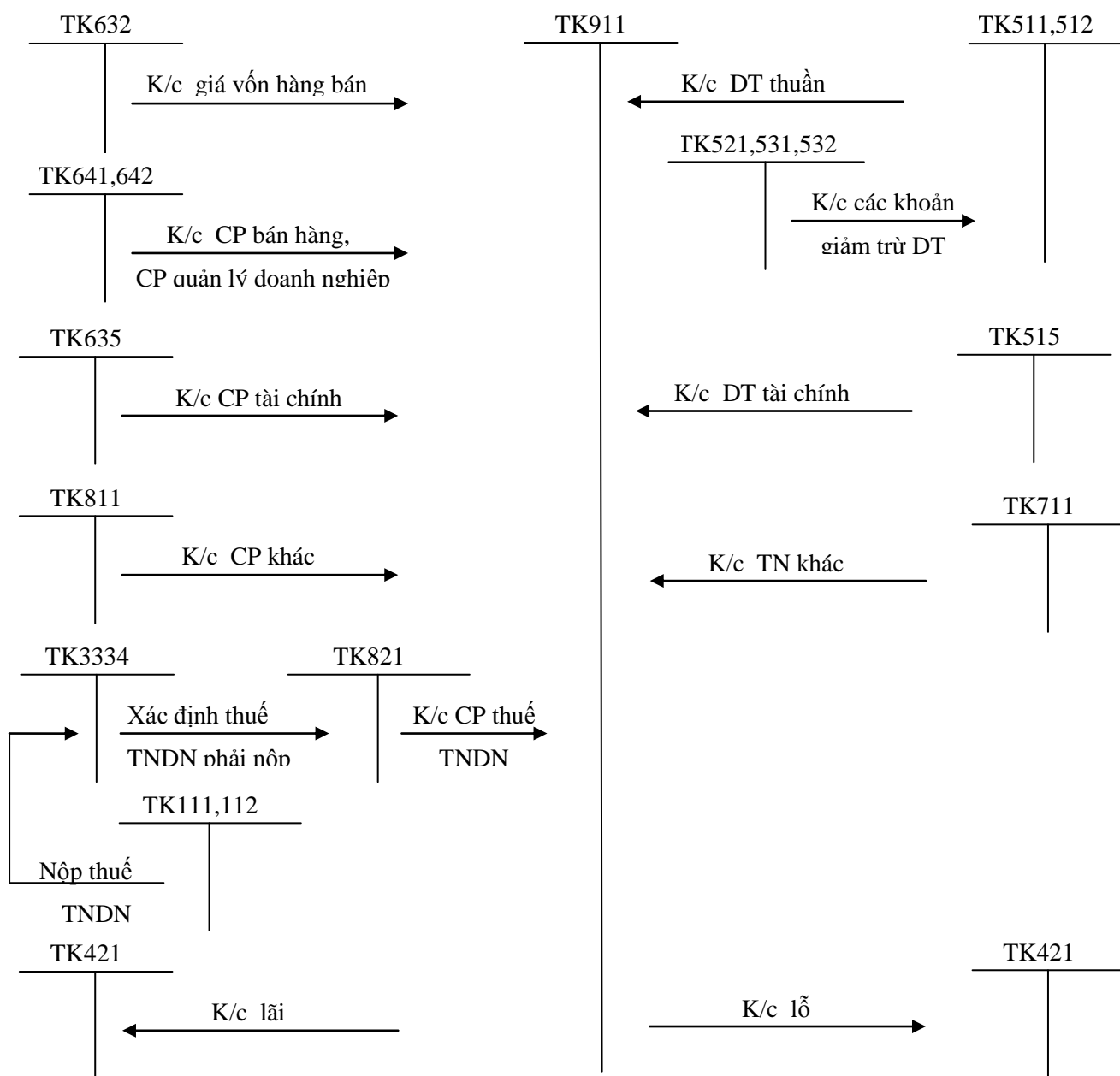
- TK 8211 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành”
- TK 8212 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại”

➤ **Tài khoản 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”:**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

c. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.3.1. Hình thức kế toán nhật ký chung

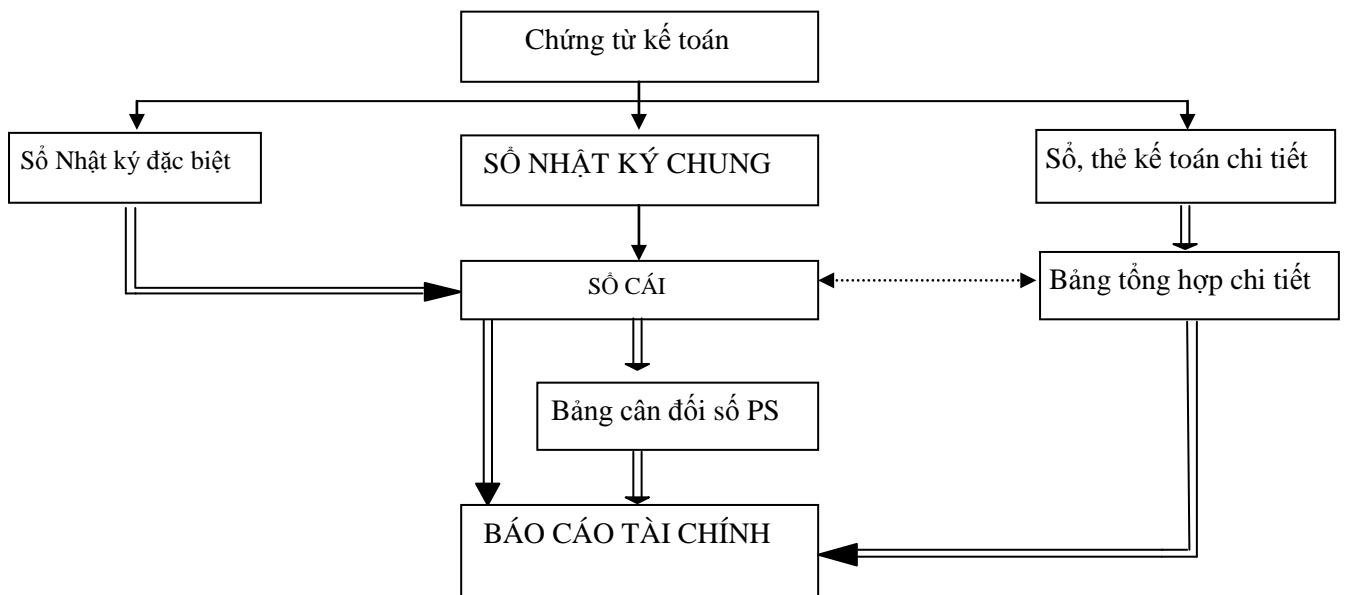
a. Đặc trưng cơ bản

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật Ký Chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi vào sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật Ký Chung gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

- ✓ Sổ Nhật Ký Chung, sổ Nhật Ký đặc biệt.
- ✓ Sổ cái.
- ✓ Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

b. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

1.3.2. Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

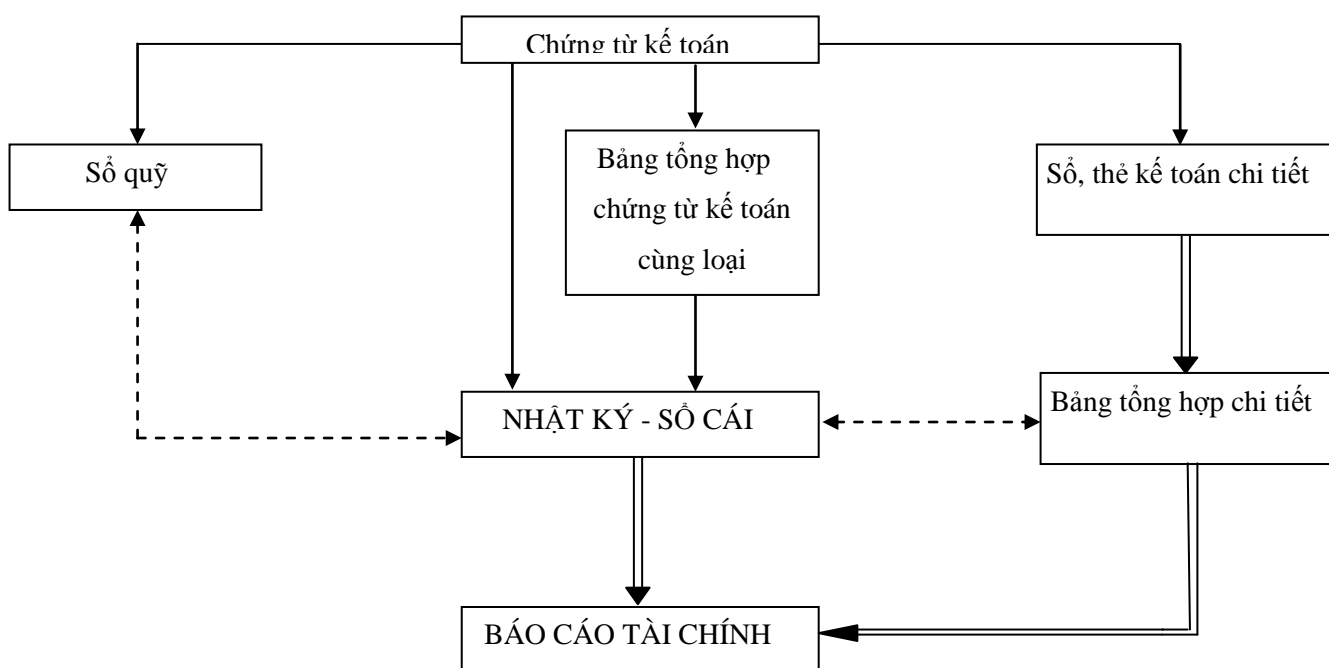
a. Đặc trưng cơ bản

Các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký –sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký- sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc là bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái gồm có các loại sổ kế toán như sau:

- ✓ Sổ Nhật ký –sổ cái.
- ✓ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

b. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái

1.3.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

a. Đặc trưng cơ bản

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

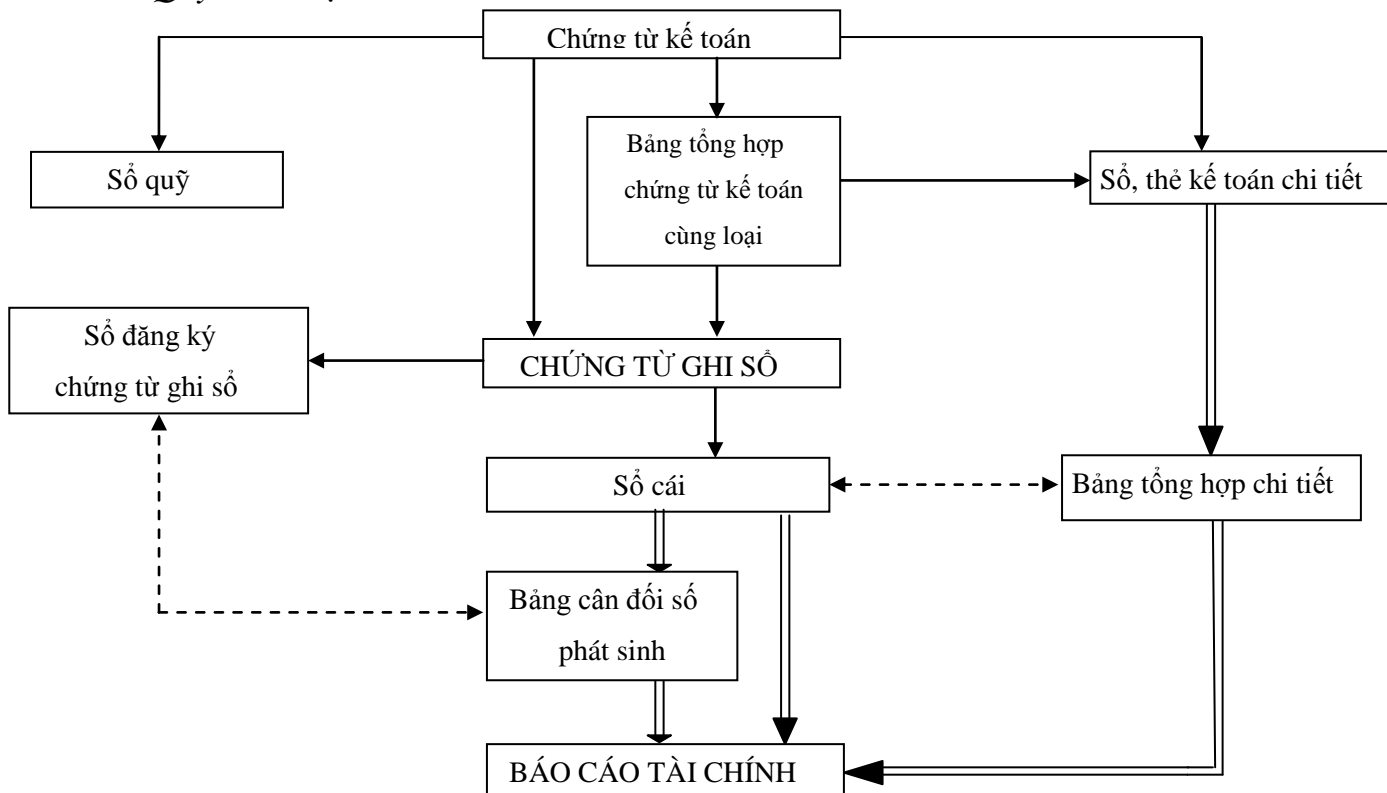
- Ghi theo trình tự thời gian ghi trên sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.
- Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm

và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau:

- ✓ Chứng từ ghi sổ.
- ✓ Sổ đăng kí chứng từ ghi sổ.
- ✓ Sổ cái.
- ✓ Các sổ và thẻ kế toán chi tiết.

b. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán nhật ký – chứng từ

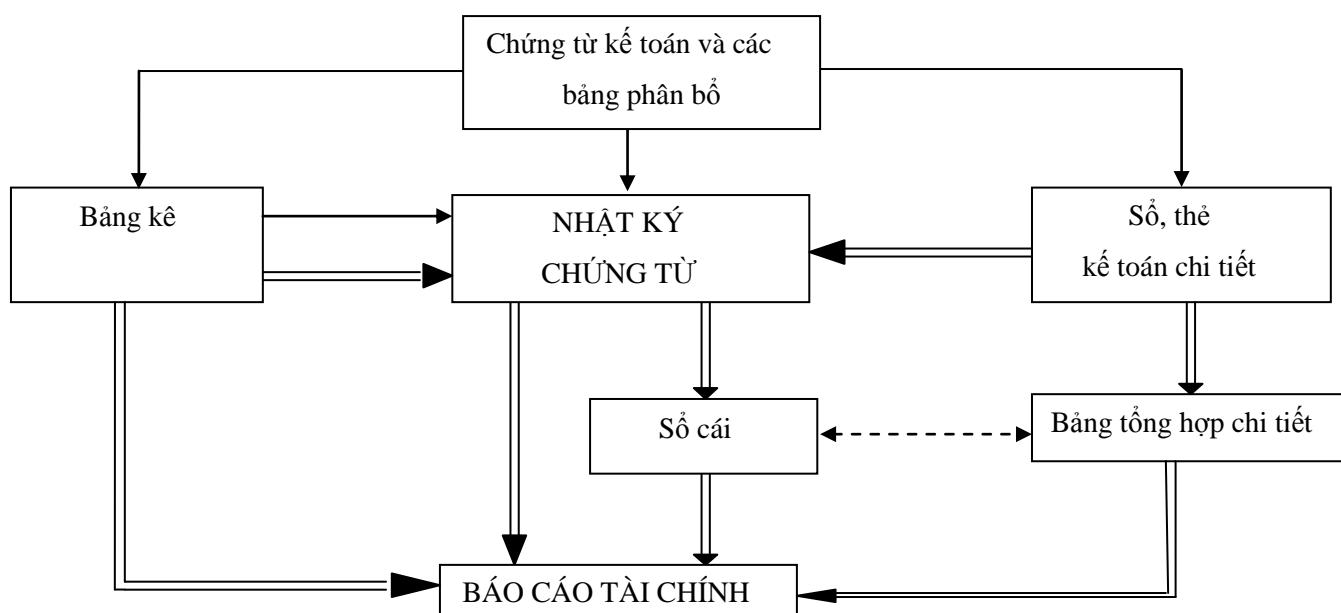
a. Đặc trưng cơ bản

- Tập hợp, hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của TK kết hợp với phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TK đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với việc hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong một quy trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lí kinh tế tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- ✓ Sổ nhật ký chứng từ.
- ✓ Bảng kê.
- ✓ Sổ cái.
- ✓ Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

b. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ

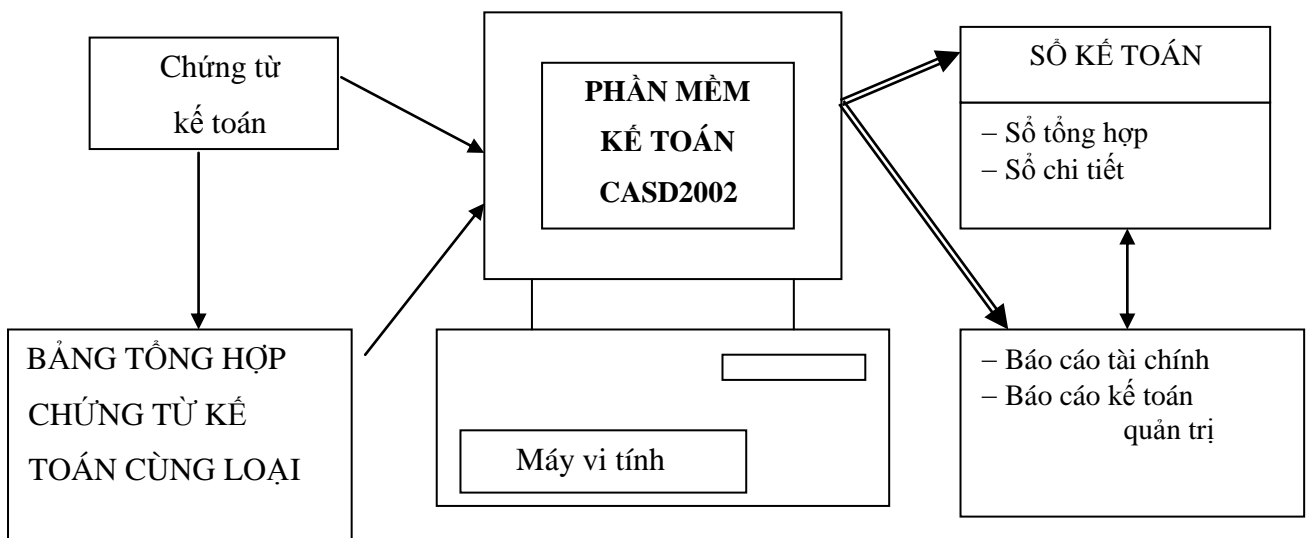
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

a. Đặc trưng cơ bản

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

b. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm cần thiết nào, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

***Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu,
chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV
Vật tư và vận tải Itasco.***

2.1. Giới thiệu chung về Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

- Tên doanh nghiệp : Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco
- Trụ sở : số 4 Cù Chính Lan – Phường Minh Khai – Quận Hồng Bàng
– Hải Phòng.
- Điện thoại : (031) 3746547
- Fax : (031) 3842984
- Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty: Nguyễn Văn Sỹ
- Email : xnvattuvantai@vnn.vn
- Đơn vị chủ quản : Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ

VINACOMIN

- o Trụ sở giao dịch : số 1 Phan Đình Giót – Phương Liệt - Thanh Xuân – Hà Nội
- o Loại hình doanh nghiệp : Công ty cổ phần Nhà Nước
- o Quy mô doanh nghiệp : Doanh nghiệp lớn

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco tiền thân là một tổng kho thiết bị của Bộ Công nghiệp nặng được hình thành từ thời kỳ chiến tranh chống Mỹ cứu nước (1969) làm nhiệm vụ tiếp nhận, bảo quản, cung cấp thiết bị máy móc cho ngành Công nghiệp trong thời chiến.

Khi đất nước thống nhất, Công ty – lúc đó là Tổng kho II thuộc Công ty Vật tư – Bộ Điện và Than – vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hóa dự trữ của Bộ Điện và Than.

Đến năm 1988, Tổng kho II sát nhập với Xí nghiệp Giao nhận Vận chuyển lấy tên là Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Vật tư và Vận tải thuộc Công ty xuất

nhập khẩu than Coalimex – Bộ Mỏ và Than (sau này chuyển thành Bộ Năng Lượng). Lúc này ngoài nhiệm vụ tiếp nhận và bảo quản hàng hóa dự trữ, Công ty còn được giao nhiệm vụ vận tải thủy, vận tải bộ vật tư thiết bị cho ngành Than.

Khi Nhà nước thành lập một số Tổng công ty như: Tổng công ty 90, Tổng công ty 91... Trong đó có Tổng công ty Than Việt Nam được thành lập năm 1995, Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải – Itasco tách khỏi Công ty xuất nhập khẩu than Coalimex và trực thuộc Công ty Thương mại và Dịch vụ tổng hợp – Than Việt Nam theo quyết định số 1214 TVN/TCNS ngày 01/07/1995 của Tổng công ty Than Việt Nam.

Thực hiện chủ trương đổi mới Cổ phần hóa doanh nghiệp của Nhà nước cũng như của ngành Than, đến năm 2005, Công ty Đầu tư Thương mại và Dịch vụ đổi sang mô hình công ty cổ phần và từ đây có tên là Chi nhánh công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV - Xí nghiệp Vật tư và Vận tải thuộc công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – TKV.

Đến ngày 01 tháng 07 năm 2010, Xí nghiệp được chuyển thành Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty

a. Cơ sở vật chất kỹ thuật

Trụ sở tại số 4 Cù Chính Lan – Hồng Bàng – Hải Phòng có diện tích 4.211m² gồm: Nhà làm việc 3 tầng, 2 kho hàng, nhà xưởng sân bãi, phương tiện vận tải (xe với trọng tải 400 tấn), phương tiện vận tải thủy có 07 đoàn tàu, trong đó có 06 tàu đẩy và 01 đoàn kéo.

Tại phường Đông Hải – Hải An – Hải Phòng có diện tích 49.091 m² bao gồm: 01 nhà làm việc 2 tầng, 01 kho hàng, sân bãi để hàng.

Tại phường Lãm Hà – Kiến An – Hải Phòng với diện tích 24.830 m² bao gồm: nhà làm việc, xưởng sửa chữa phương tiện thủy.

Tại cây số 7 thị xã Quảng Yên – Hưng Yên – Quảng Ninh có diện tích 4000m² bao gồm: nhà văn phòng làm việc, 04 kho sân bãi.

b. Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	29.300
2	Đóng tàu và cầu kiện nổi (đóng tài đẩy 150-200 mã lực, sà lan 250 - 500 tấn)	30.110
3	Bán ô tô và xe có động cơ khác	451
4	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4.530
5	Đại lý (bán hàng cho các hãng nước ngoài trừ chứng khoán và bảo hiểm)	46.101
6	Bán buôn hàng may mặc	46.413
7	Bán buôn giày dép	46.414
8	Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng	46.591
9	Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện	46.592
10	Bán buôn máy móc thiết bị phụ tùng máy khác	46.599
11	Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	46.613
12	Bán buôn sắt thép	46.622
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4.933
14	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy	50
15	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa	5.210
16	Cải tạo phương tiện thủy, bộ các loại	

2.1.3. Tình hình sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco trong 2 năm gần đây.

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2011	Chênh lệch
1	GT tổng sản lượng	VNĐ	282.162.697.930	299.656.785.202	17.494.087.272
2	Lao động BQ	Người	202	202	-
3	Tiền lương BQ	VNĐ	6.771.000	7.877.000	1.106.000
4	Doanh thu thuần	VNĐ	388.418.052.320	484.257.869.915	95.839.817.595
5	Tổng chi phí	VNĐ	386.242.383.253	481.384.281.428	95.032.898.175
6	Lợi nhuận	VNĐ	2.175.669.067	5.933.951.078	3.758.284.011

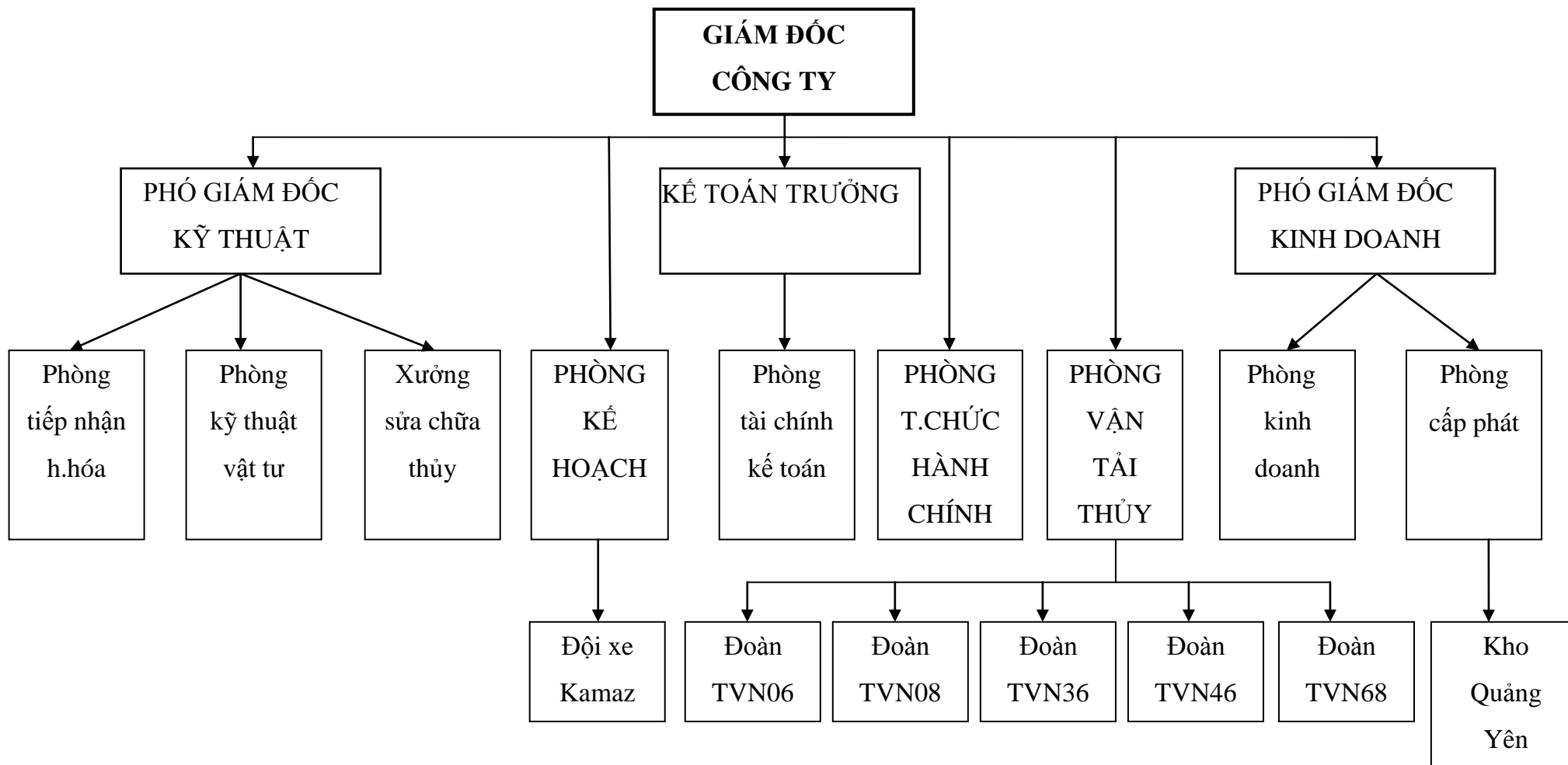
(Theo nguồn: Phòng kinh doanh công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

Thông qua số liệu trên ta thấy tình hình sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco năm 2011 so với năm 2010 có những biến động tốt lên. Doanh thu thuần của doanh nghiệp tăng 95.839.817.595 VND tương ứng với 24%, làm cho lợi nhuận và tiền lương của toàn doanh nghiệp tăng lên. Đây có thể được coi là thành tích của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh. Công ty đã không ngừng nâng cao trình độ tay nghề và ý thức của cán bộ công nhân viên cũng như đầu tư mở rộng quy mô, thay đổi cơ cấu mặt hàng kinh doanh, lĩnh vực kinh doanh góp phần phát triển công ty.

2.1.4. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải

Itasco



(Nguồn: Phòng hành chính Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

- Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban:

Giám đốc công ty:

- ✓ Là người điều hành mọi hoạt động SXKD của công ty
- ✓ Là người chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan quản lý, cơ quan pháp luật Nhà nước về toàn bộ hoạt động của công ty về thu, nộp các khoản phải nộp cho Nhà nước và cấp trên.
- ✓ Điều hành trực tiếp một số phòng nghiệp vụ về hoạt động SXKD bao gồm phòng tổ chức hành chính, phòng kế hoạch, phòng tài chính kế toán, đội vận tải, chi nhánh Quảng Yên, xưởng sửa chữa phương tiện thủy.

Phó giám đốc kỹ thuật:

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về công tác kỹ thuật, tham gia điều hành:

- ✓ Điều hành trực tiếp xưởng sửa chữa thủy về kỹ thuật, phương án sửa chữa phương tiện cho công ty cũng như bên ngoài. Có trách nhiệm quản lý, theo dõi, đơn đốc việc thực hiện các hợp đồng vận tải, thực hiện công tác sửa chữa phương tiện của xưởng sửa chữa.
- ✓ Điều hành phòng kỹ thuật vật tư về công tác kỹ thuật và đảm bảo chất lượng vật tư cho công tác sửa chữa và quản lý hàng hóa dự trữ của Tổng công ty.
- ✓ Điều hành phòng tiếp nhận hàng hóa về công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa.

Phó giám đốc kinh doanh:

Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty về các lĩnh vực trực tiếp tham gia điều hành quản lý kinh doanh công ty bao gồm :

- ✓ Điều hành trực tiếp phòng kinh doanh về mua, bán vật tư hàng hóa.
- ✓ Điều hành trực tiếp phòng cấp phát về công tác nhận hàng ủy thác, công tác tiếp nhận vận chuyển ủy thác của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong Tổng.

Kế toán trưởng và phòng tài chính kế toán:

- ✓ Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty về công tác thống kê, kế toán tổ chức hạch toán quá trình SXKD, quản lý tài chính của công ty.

✓ Chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty, trước Bộ máy quản lý cấp trên, trước Nhà nước (về hoạt động tài chính, thuế...) về công tác hạch toán quá trình SXKD và việc chấp hành chế độ kế toán tài chính

✓ Có nhiệm vụ tham mưu giúp việc cho lãnh đạo công ty, cho các phòng ban chức năng, các tổ đội chi nhánh, cho mỗi công nhân viên về chế độ quản lý tài chính, chế độ tiền lương, chi phí... trong hoạt động SXKD.

Phòng kế hoạch:

✓ Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty về việc lập kế hoạch SXKD, ký kết các hợp đồng kinh tế, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch.

✓ Có nhiệm vụ lập dự toán và quyết toán XDCB trong công ty.

Phòng tổ chức hành chính:

✓ Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty về công tác nhân sự, lao động, tiền lương và công tác nội chính trong công ty.

✓ Có nhiệm vụ tổ chức quản lý nhân sự, lao động về tiền lương của toàn công ty, tổ chức quản lý phục vụ hành chính và điều hành hoạt động 05 xe con phục vụ trong công ty.

Phòng vận tải thủy:

✓ Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty về công tác thực hiện các hợp đồng vận chuyên hàng. Lập kế hoạch và tiến độ SXKD của từng đoàn phương tiện, theo dõi việc vận chuyên.

Phòng tiếp nhận hàng hóa:

✓ Chịu sự điều hành của Phó giám đốc kỹ thuật về công tác lập kế hoạch, tổ chức thực hiện tiếp nhận và vận chuyên hàng hóa ủy thác của Tổng công ty và các đơn vị thành viên.

Phòng kỹ thuật vật tư:

✓ Chịu sự điều hành trực tiếp của Phó giám đốc kỹ thuật về vật tư, phụ tùng thay thế, an toàn của phương tiện vận tải, quản lý kho vật tư thiết bị.

Xưởng sửa chữa thủy:

✓ Chịu sự chỉ đạo của Giám đốc công ty về cơ cấu quản lý nhân sự, quản lý kinh tế dưới sự chỉ đạo của Phó giám đốc kỹ thuật về phương diện lập dự toán sửa chữa phương tiện, đảm bảo đúng kỹ thuật, chất lượng.

Phòng kinh doanh:

✓ Chịu sự chỉ đạo của Phó giám đốc kinh doanh về mua, bán vật tư hàng hóa, ký kết hợp đồng kinh tế

Phòng cấp phát:

✓ Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Phó giám đốc kinh doanh về công tác quản lý kho bãi và cầu cảng, giao nhận hàng hóa dự trữ của công ty.

Đội xe ô tô:

✓ Chịu sự điều hành trực tiếp của phòng kế hoạch về công tác thực hiện các hợp đồng vận chuyển với bên ngoài và hợp đồng nhận khoán với lái xe trong công ty.

Đoàn tàu và xà lan:

✓ Chịu sự điều hành của phòng vận tải thủy thực hiện các hợp đồng vận tải hàng hóa đường thủy cho các nhà máy.

Kho Quảng Yên:

✓ Chịu sự điều hành của phòng cấp phát thực hiện công tác về tổ chức nhân sự SXKD nói chung tại chi nhánh Quảng Yên.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

a. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty

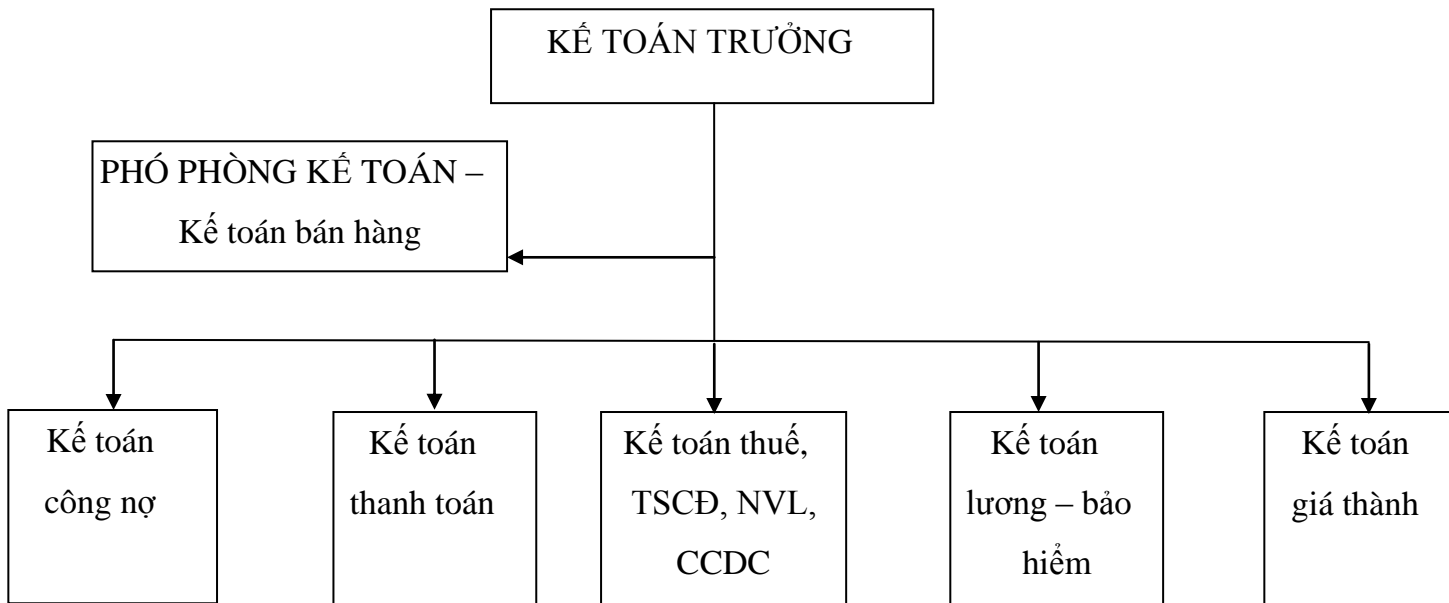
Bộ máy kế toán của công ty TNHH MTV vật tư và vận tải Itasco được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung nhằm tạo điều kiện cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Toàn bộ các chứng từ ban đầu của các bộ phận đều được tập trung về phòng kế toán công ty để phân loại, tổng hợp hạch toán theo đúng chế độ kế toán.

Việc tổ chức bộ máy kế toán ở công ty tạo ra được những mối quan hệ giữa các phân hành kế toán nhằm thực hiện đầy đủ các chức năng thông tin và kiểm tra hoạt động SXKD của công ty.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán

Công ty TNHH MTV vật tư và vận tải Itasco



(Nguồn: Phòng hành chính Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

- Chức năng, nhiệm vụ:

Kế toán trưởng:

✓ Là người điều hành toàn bộ hoạt động, nghiệp vụ của phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, kế toán Tổng công ty về kết quả hoạt động của bộ máy kế toán công ty, chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin do bộ máy kế toán công ty cung cấp.

✓ Trực tiếp tham gia công tác nghiệp vụ trong bộ máy kế toán của công ty làm công tác kế toán tổng hợp, xác định kết quả SXKD, tổng hợp BCTC và phân tích hoạt động kinh tế của công ty.

Phó phòng kế toán(Kế toán bán hàng):

✓ Là người giúp việc cho kế toán trưởng trong việc điều hành công tác nghiệp vụ của phòng kế toán.

✓ Trực tiếp công tác nghiệp vụ bao gồm: theo dõi các khoản phải trả cho người bán, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ (xác định giá vốn hàng bán, doanh thu) tập hợp chi phí SXKD toàn doanh nghiệp theo dõi xuất tồn kho hàng hóa.

Kế toán công nợ:

✓ Theo dõi các khoản phải thu của khách hàng, các khoản công nợ nội bộ, theo dõi tình hình thiêu thừa của đoàn phương tiện.

Kế toán thanh toán:

✓ Theo dõi kế toán vốn bằng tiền, thanh toán các khoản thuế, thu nộp ngân sách nhà nước, làm công tác kế toán đầu tư của công ty.

Kế toán thuế, TSCĐ, vật liệu, CCDC:

✓ Theo dõi tình hình biến động về tài sản, trích khấu hao về tài sản cố định, tình hình sửa chữa về tài sản cố định, theo dõi nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ theo dõi hàng dự trữ của Tổng công ty.

✓ Theo dõi thuế và các khoản phải nộp NSNN, nộp cấp trên.

Kế toán lương và BH:

✓ Thanh toán lương, thưởng, BHXH, BHYT, KPCĐ, phải trả, phải thu khác.

Kế toán giá thành:

✓ Theo dõi giá thành của các đoàn phương tiện trong công ty.

b. Chế độ kế toán áp dụng

- Chế độ kế toán : Theo quyết định số 15-2006/ QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán áp dụng: Bắt đầu áp dụng ngày 01/01/N đến 31/12/N.

- Kỳ kế toán tính theo tháng.

- Đơn vị tiền tệ : VNĐ

- Nguyên tắc đánh giá TSCĐ : theo giá trị còn lại

- Phương pháp khấu hao TSCĐ : khấu hao đường thẳng

- Phương pháp hàng tồn kho : theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá : phương pháp thực tế đích danh

- Phương pháp tính VAT : phương pháp khấu trừ

- Hệ thống báo cáo tài chính gồm có: Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính giữa niên độ

- Báo cáo tài chính năm:

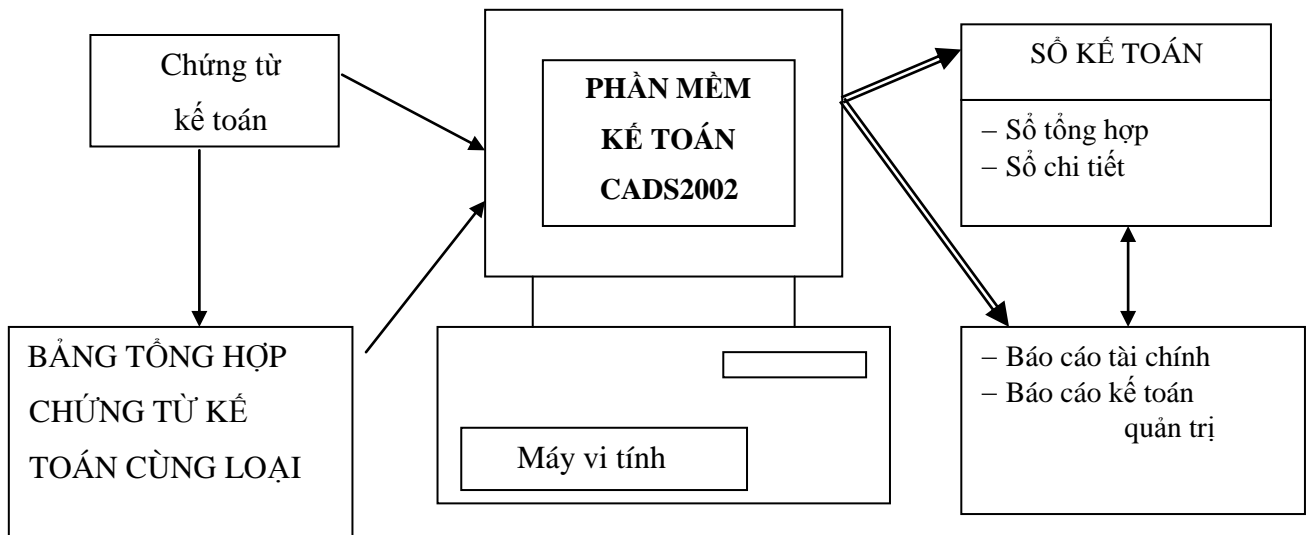
- o Bảng cân đối kế toán
- o Báo cáo kết quả kinh doanh
- o Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- o Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính giữa niên độ

- o Bảng cân đối kế toán
- o Báo cáo kết quả kinh doanh
- o Bảng thuyết minh báo cáo tài chính

c. Hình thức kế toán công ty áp dụng

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh cũng như trình độ và khả năng của đội ngũ kế toán công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco áp dụng hình thức kế toán máy:

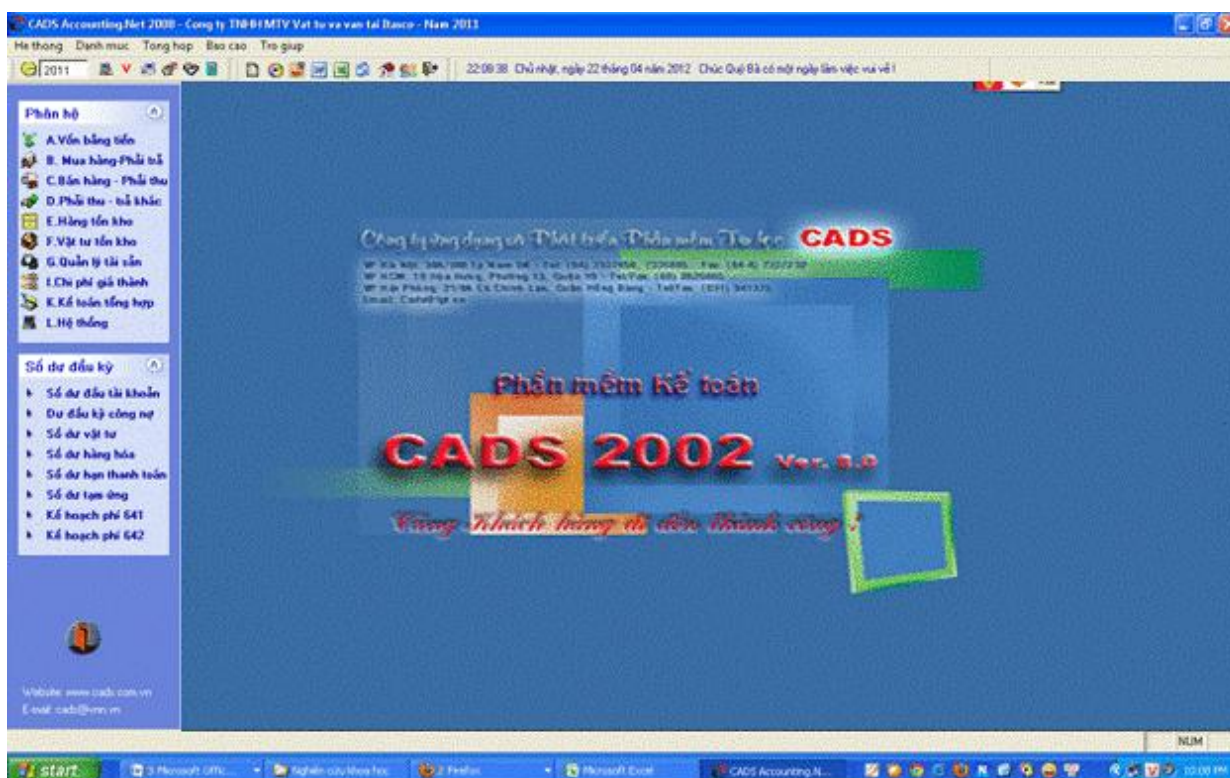


Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

- Chi tiết trình tự ghi sổ trên phần mềm kế toán máy được khái quát như sau:
 - Nhằm đơn giản hóa trong việc ghi chép, tổng hợp và thiết lập các form, mẫu biểu theo quy định và phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm soát hoạt động kế toán cũng như tính chính xác, công ty đã sử dụng phần mềm kế toán máy (CADS) do Công ty cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ VINACOMIN mua bản quyền và cài đặt theo hình thức Nhật ký - Chứng từ.
 - Dưới đây là giao diện của phần mềm kế toán CADS:



Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức Nhật ký – Chứng từ nên sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Các loại sổ của hình thức kế toán công ty sử dụng: Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết, Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản.

Khâu đầu tiên của quá trình hạch toán trên máy vi tính là khâu thu thập, xử lý phân loại chứng từ và định khoản kế toán. Đây là khâu quan trọng nhất vì kế toán phải vào dữ liệu cho máy thật đầy đủ, chính xác, còn thông tin đầu ra như Sổ nhật ký chứng từ, sổ chi tiết... và báo cáo kế toán đều do phần mềm máy tính tự xử lý thông tin, tính toán và đưa ra các bảng biểu liên quan.

Quy trình xử lý dữ liệu trên phần mềm kế toán CADS2002 như sau:

- Khai báo các khoản danh mục chính
- Khai báo số dư đầu kỳ
- Nhập nghiệp vụ kinh tế phát sinh
- Xử lý dữ liệu
- Kiểm tra và in báo cáo

Tất cả các đối tượng cần quản lý trong công ty đã được mã hóa, khai báo và cài đặt trong chương trình phần mềm kế toán:

1) Thông tin đầu vào: đầu kỳ kế toán căn cứ vào thông tin nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật dữ liệu vào máy theo đúng quan hệ đối ứng tài khoản. Máy tính sẽ tự động vào bảng kê, Nhật ký chứng từ, sổ chi tiết theo từng đối tượng và tự động tổng hợp ghi vào Bảng tổng hợp theo định khoản.

2) Chương trình được làm tự động qua các bút toán kết chuyển đã cài đặt. Khi kế toán chọn bút toán kết chuyển đúng, máy sẽ tự động chuyển toàn bộ giá trị dư Nợ (dư Có) hiện thời của tài khoản được kết chuyển sang bên Có (bên Nợ) của tài khoản được kết chuyển.

3) Thông tin đầu ra: Kế toán có thể in ra các sổ chi tiết, Nhật ký chứng từ,... bất kỳ lúc nào, sổ cái được in ra vào cuối quý từ nghiệp vụ đã được cập nhật. Các sổ báo cáo là kết quả của các bút toán kết chuyển chỉ có dữ liệu sau khi kế toán sử dụng bút toán kết chuyển tự động.

❖ Lưu ý: Phần mềm chỉ in được các loại sổ chi tiết theo tài khoản đối ứng, sổ cái tài khoản, bảng kê số 1, bảng kê số 2, nhật ký chứng từ số 1, nhật ký chứng từ số 2, nhật ký chứng từ số 10.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a. Đặc điểm.

- Phương thức tiêu thụ sản phẩm

Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco sử dụng cả phương pháp bán buôn và bán lẻ hàng hóa, thiết bị, phụ tùng. Trong đó chủ yếu là phương thức bán buôn vì công ty có thị trường tiêu thụ rộng, gần như tất cả các công ty Than với số lượng và giá trị lớn. Do đó, hàng hóa được bán theo hợp đồng. Cán bộ kinh doanh thường lập phương án kinh doanh cho từng loại mặt hàng và khách hàng mua hàng, lập hợp đồng mua, bán và hiệu quả kinh doanh chặt chẽ.

Hoạt động bán lẻ của công ty sử dụng phương thức bán hàng chuyển thẳng. Theo hình thức này thì phương án kinh doanh được Giám đốc duyệt, hàng được chuyển thẳng cho người mua theo hợp đồng bằng phương tiện vận tải tự có hoặc thuê ngoài. Chi phí vận tải do công ty chịu hoặc do bên mua chịu tùy theo hợp đồng đã ký giữa hai bên.

- Phương thức thanh toán

Phương thức bán chịu và thanh toán bằng chuyển khoản được áp dụng với hầu hết khách hàng do phần lớn khách hàng của công ty là khách hàng truyền thống với quy mô hoạt động lớn.

- b. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01 GTGT – 3LL). Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên.

- Các chứng từ khác có liên quan.

- c. Tài khoản sử dụng*

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” được theo dõi chi tiết trên các tài khoản như sau:

- o TK 5111 “Doanh thu bán hàng hóa, vật tư”

- o TK 5112 “Doanh thu vận tải bộ”

- o TK 5113 “Doanh thu vận tải thủy”

- o TK 5114 “Doanh thu sửa chữa thủy”

- o TK 5115 “Doanh thu cầu cảng, kho bãi”

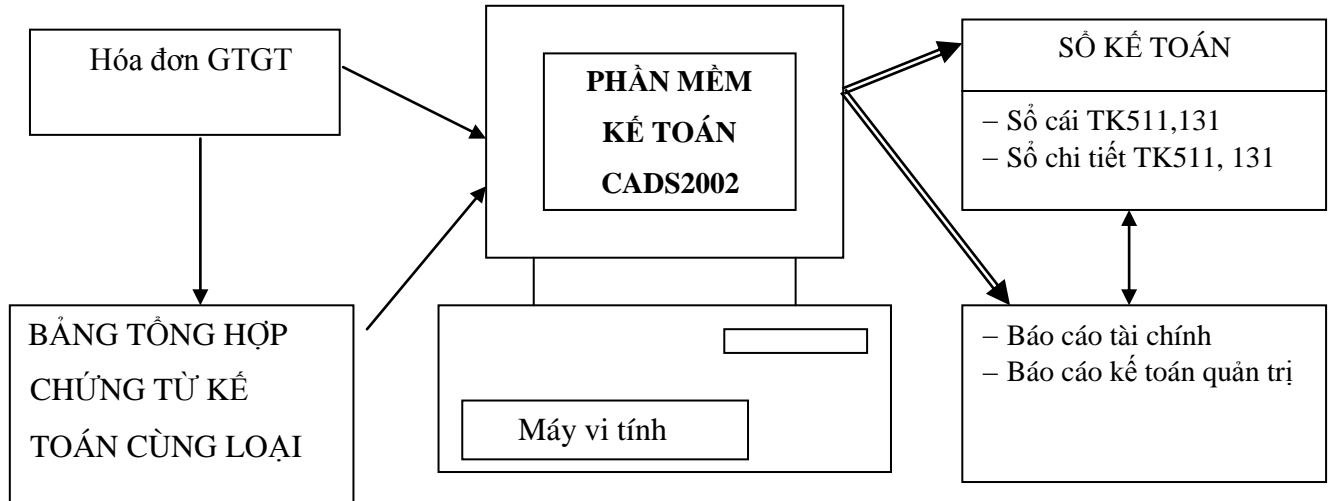
- o TK 5116 “Doanh thu tiếp nhận”

- o TK 5118 “Doanh thu bảo hộ lao động”

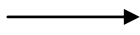
- TK 131 “Phải thu khách hàng”

- TK 1311 “Phải thu khách hàng trong ngành Than”
- TK 1312 “Phải thu khách hàng ngoài ngành Than”
- TK 33311 “Thuế GTGT đầu ra”
- ...

d. Quy trình hạch toán



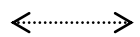
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.4: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Ví dụ 1: Ngày 23 tháng 12 năm 2011 bán cho công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin phụ tùng khoan khí nén với số tiền là 157.080.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn số 0018150, kế toán định khoản:

Nợ TK 1311: 157.080.000

Có TK 5111: 142.800.000

Có TK 33311: 142.280.000

Và tiến hành nhập số liệu vào phần mềm như sau:

✓ Vào màn hình làm việc của phần mềm



✓ Vào phần hành “Bán hàng – Phải thu” chọn phân hệ “Bán hàng”



✓ Khi màn hình nhập số liệu của hóa đơn bán hàng xuất hiện, kế toán sẽ tiến hành nhập số liệu chi tiết theo hóa đơn:

Mã hàng	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá bán VND	Tiền bán VND
MBPA800	Búa khoan khí ép, búa khoan h LÒ				142 800 000

Tổng tiền hàng: 142 800 000 Tiền kho

Chết khấu: %

Thuế VAT 10%: 14 280 000 Thuế GTGT đầu ra

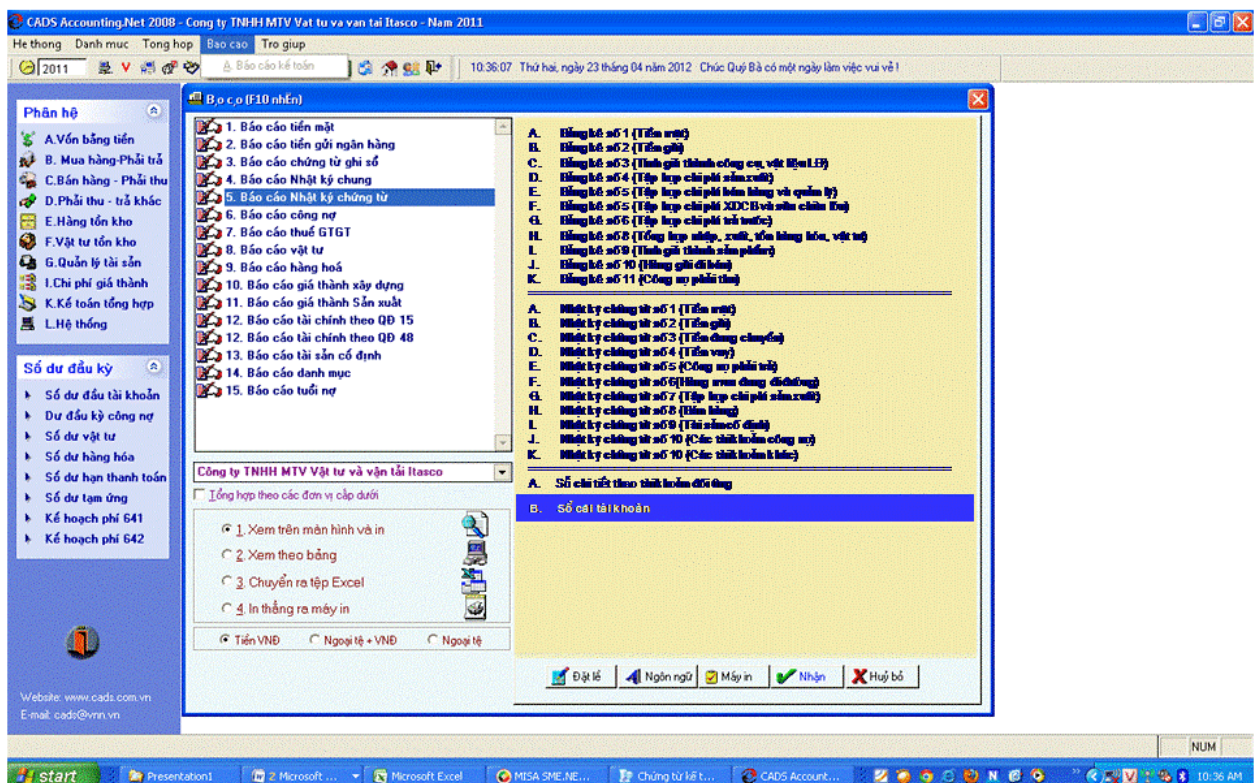
Tổng tiền thanh toán: 157 080 000 Mã thuế: 5700101238 Tên hàng: Búa khoan khí ép, hơi

- Nhập các thông tin.
 - o Số serial: AA/11P
 - o Số CT: 018150 (được đánh theo số hóa đơn GTGT)
 - o Ngày CT: 23/12/2011
 - o Diễn giải: Xuất bán hàng búa khoan khí ép, búa khoan khí nén.
 - o Đối tượng: màn hình sẽ hiện lên các đối tượng mà công ty giao dịch theo mã đối tượng và tên đầy đủ, kế toán sẽ chọn đối tượng mà mình giao dịch
 - o Mã hàng: trên màn hình hiện lên các mặt hàng trong kho, kế toán chọn mặt hàng mình bán, máy sẽ tự động nhảy tên hàng, đơn vị tính
 - o Nhập giá bán như trên hóa đơn
- Khi nhập xong hóa đơn, kế toán chọn “mới” hoặc ấn phím F4 để ghi dữ liệu vào máy.
- In phiếu kế toán, kế toán kích “in” hoặc ấn F7.
- Phần mềm sẽ tự động chạy vào các sổ liên quan của các TK511, 632, 156, 131.

Biểu 2.2: Phiếu kế toán số 018150

Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco MST 0200647274			
<h2 style="margin: 0;">PHIẾU KẾ TOÁN</h2>			
Tên: Công ty TNHH MTV than Khe Chàm - Vinacomin Địa chỉ: Mông Dương - Cẩm Khê - Quảng Ninh		Số CT: 018150 Ngày CT: 23/12/2011	
STT	Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
1	51111 - Doanh thu bán hàng		142.800.000
2	33311 - Thuế GTGT đầu ra		14.280.000
3	1311 - Phải thu của người mua	157.080.000	
Kế toán theo dõi		Ngày... tháng... năm 2011 Kế toán trưởng	

- Xem sổ sách của kế toán, kế toán chọn **“Báo cáo” / “Báo cáo kế toán” / “Báo cáo nhật ký chứng từ”** và chọn sổ sách muốn xem.



Sau đó sẽ hiện ra màn hình của sổ cái tài khoản:

A. Sắp xếp theo hình thức nhật ký chung

Mã tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Mã ct, sp:

TK nợ TK có

Theo quý Theo tháng

Tiêu đề báo cáo:

Nhận Hủy bỏ

Hoặc màn hình của sổ chi tiết

B. Sắp chi tiết tại khoản

Mã tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Mã ĐT:

Mã ct, sp:

Mã ct, sp đối ứng:

Từ ngày:

Đến ngày:

In chi tiết Gộp TK

Tiêu đề báo cáo:

Nhận Hủy bỏ

Kế toán tiến hành nhập tài khoản muốn xem và ấn nhận.

Biểu 2.3: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK511)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng

Dư nợ đầu kỳ: -
Phát sinh nợ: 50.159.929.321
Phát sinh có: 50.159.929.321
Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
01/12	017992	Xuất bán hàng vòng bi moay ơ xe HD465-7 (Công ty cổ phần than Đèo Nai – Vinacomin)	1311		110.000.000
01/12	018523	Cước VC than tháng 12/2011 (Công ty kinh doanh than Bắc Lạng)	1311		79.226.640
02/12	018524	Cước VC than tháng 12/2011 (Công ty kinh doanh than Bắc Lạng)	1311		25.884.548
...
14/12	018438	Xuất bán hàng thép tấm, thép góc, thép tròn (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1311		216.307.335
14/12	018439	Xuất bán hàng thép tròn, thép hình, dây mạ kẽm (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1311		173.187.500
...
23/12	018150	Xuất bán hàng búa khoan khí ép, búa khoan hơi (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1311		142.800.000
23/12	019753	Xuất bán hàng phụ tùng dầu máy TY7E (Công ty tuyển than Hòn Gai – Vinacomin)	1311		8.400.000
...
31/12	5483	Kết chuyển doanh thu bán hàng hóa 5111 → 9111	9111	13.983.626.275	
...

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.4: Sổ cái tài khoản (TK511)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 511

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	29.394.966.983	30.823.097.102	53.543.887.466	40.132.234.981	...	33.661.745.168	40.659.114.337	41.988.203.557	50.159.929.321	475.077.201.934
PS Có	29.394.966.983	30.823.097.102	53.543.887.466	40.132.234.981	...	33.661.745.168	40.659.114.337	41.988.203.557	50.159.929.321	475.077.201.934
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

91111	3.969.125.000	12.834.400.025	15.570.496.770	15.608.279.700	...	11.531.528.010	18.803.206.780	14.106.012.750	13.983.626.275	159.341.279.825
9112	13.000.000	19.500.000	396.345.154	683.205.279	...	573.499.999	645.818.182	458.307.847	8.807.027.317	25.781.959.108
9113	21.815.577.983	16.604.951.077	34.894.743.038	20.850.033.951	...	17.822.871.449	19.863.239.053	25.328.687.387	23.865.239.874	249.981.283.291
9114	39.592.000				...					39.592.000
9115	2.400.000		2.400.000	51.568.051	...	163.449.137	160.304.867	169.290.852	196.984.087	1.505.082.331
9116	2.811.700.000	708.000.000	1.437.109.304	800.000.000	...	2.340.794.573	636.545.455	173.609.721	2.328.160.768	24.199.403.179
9118	743.572.000	656.246.000	1.242.793.200	2.139.148.000	...	1.229.602.000	550.000.000	1.752.295.000	978.891.000	14.228.602.200

1311	29.352.974.983	30.823.097.102	53.180.233.008	39.851.348.751	...	32.896.296.032	39.738.845.833	41.491.597.796	49.962.945.234	470.487.009.856
1312	41.992.000		363.654.458	280.886.230	...	765.449.136	920.268.504	496.605.761	196.984.087	4.590.192.078

Ngày ... tháng... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.2 Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.

a. Đặc điểm

– Đặc điểm của doanh thu bán hàng nội bộ gần giống với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Tuy nhiên nó chỉ phản ánh doanh thu cung cấp dịch vụ như dịch vụ vận chuyển, lưu kho cho nội bộ công ty Cổ phần đầu tư, Thương mại và dịch vụ - Vinacomin.

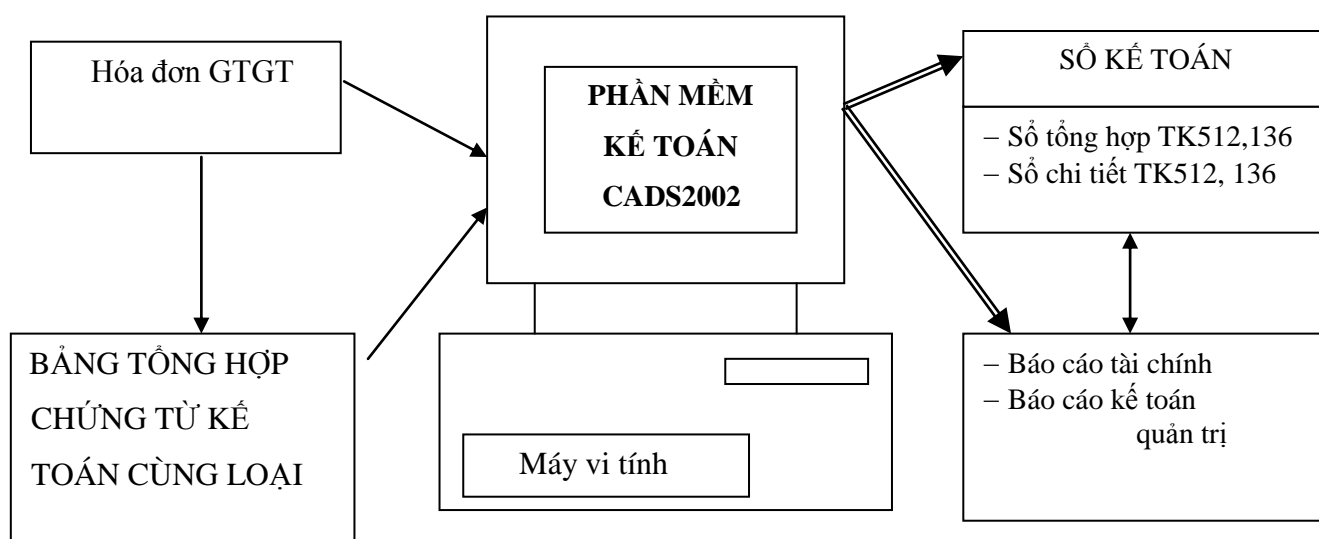
b. Chứng từ sử dụng

– Hóa đơn GTGT

c. Tài khoản sử dụng

- TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”
- TK 5121 “Doanh thu bán hàng nội bộ”
- TK 5122 “Doanh thu dịch vụ nội bộ”
- TK 5123 “Doanh thu hàng dự trữ nội bộ”
- TK 5124 “Doanh thu vận tải bộ nội bộ”
- TK 136 “Phải thu nội bộ”

d. Quy trình hạch toán




Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ tại công ty TNHH MTV

Ví dụ 2: Ngày 15 tháng 12 năm 2011, vận chuyển 15 bộ linh kiện SCANIA cho Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và dịch vụ - Vinacomin bao gồm doanh thu tiếp nhận là 98.245.909 đồng và doanh thu vận chuyển là 423.806.318 đồng.

Biểu 2.5: Hóa đơn GTGT đầu ra số 0018099

TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM		HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001	
Địa chỉ: 226 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P	
Mã số thuế: 5700100256		Liên 3: Thanh toán nội bộ		Số: 0018099	
		Ngày 15 tháng 12 năm 2011			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco					
Mã số thuế: 0201182399			Số tài khoản:		
Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư, Thương mại và Dịch vụ - Vinacomin					
Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội			Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán:			Mã số thuế: 0200170658		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cước vận chuyển 9 cont cáp điện			140.810.622	140.810.622
	dự trữ				
Cộng tiền hàng:					140.810.622
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			14.081.062
Tổng cộng tiền thanh toán:					154.891.682
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi tư triệu tám trăm chín mươi một nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng./.					
Người mua hàng	Người bán hàng	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị		
(Ký, ghi rõ họ, tên)	(Ký, ghi rõ họ, tên)	(Ký, ghi rõ họ, tên)	(Ký, ghi rõ họ, tên)		
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Căn cứ vào hóa đơn số 0018099, kế toán định khoản:

Nợ TK 1361: 154.891.682

Có TK 5123: 140.810.622

Có TK 33311: 14.081.062

Và tiến hành nhập số liệu vào phần mềm như sau:

- ✓ Vào phần hành “**Bán hàng – Phải thu**” chọn phân hệ “**Bán hàng**”
- ✓ Kéo mũi tên xuống chọn “**Phiếu kế toán**”
- ✓ Khi màn hình nhập số liệu của xuất hiện, kế toán sẽ tiến hành nhập số

liệu chi tiết theo hóa đơn:

TK nợ	Ct.sp nợ	TK có	Ct.sp có	Mã DT	Tiền	Diễn giải chi tiết
1361		5123		136PPT	140.810.622	Cước vận chuyển 9 cont cấp

Tổng tiền trước thuế: 140.810.622
Tổng tiền thuế VAT: 14.081.062
Tổng tiền thanh toán: 154.891.684

- Khi nhập xong hóa đơn, kế toán chọn “mới” hoặc ấn phím F4 để ghi dữ liệu vào máy.
- In phiếu kế toán, kế toán kích “in” hoặc ấn F7.
- Phần mềm sẽ tự động chạy vào các sổ liên quan của các TK512, 136...

Biểu 2.6: Phiếu kế toán số 018099

Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco MST 0200647274			
PHIẾU KẾ TOÁN			
Tên: Công ty CP đầu tư, TM&DV - Vinacomin Địa chỉ: Số 1 Phan Đình Giót - Phương Liệt - Thanh Xuân - Hà Nội		Số CT: 018099 Ngày CT: 15/12/2011	
STT	Tài khoản	Phát sinh Nợ	Phát sinh Có
1	5122 - Doanh thu hàng dự trữ nội bộ		140.810.622
3	33311 - Thuế GTGT đầu ra		14.081.062
4	1361 - Phải thu nội bộ	154.891.682	
Kế toán theo dõi		Ngày... tháng... năm 2011 Kế toán trưởng	

Biểu 2.7: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK512)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Dư nợ đầu kỳ:	-
Phát sinh nợ:	960.305.715
Phát sinh có:	960.305.715
Dư nợ cuối kỳ:	-

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
15/12	018099	Cước vận chuyển 9 cont cáp điện dự trữ (Cty CP đầu tư, TM&DV – Vinacomin)	1361		140.810.622
22/12	019709	Cước vận chuyển 15 bộ linh kiện SCANIA (Cty CP đầu tư, TM&DV – Vinacomin)	1361		522.052.227
28/12	018558	Phí lưu kho hàng dự trữ quý IV/2011 (Cty CP đầu tư, TM&DV – Vinacomin)	1361		297.442.866
31/12	5720	Kết chuyển doanh thu dịch vụ nội bộ	911N2	98.245.909	
31/12	5721	Kết chuyển doanh thu hàng dự trữ nội bộ	911N3	438.253.488	
31/12	5722	Kết chuyển doanh thu vận tải bộ nội bộ	911N4	423.806.318	

Kế toán ghi sổ

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán trưởng

Biểu 2.8: Sổ cái tài khoản (TK512)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 512

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	3.386.616.637	2.561.464.152	227.534.285	208.797.579	...	45.514.830			960.305.715	9.180.668.081
PS Có	3.386.616.637	2.561.464.152	227.534.285	208.797.579	...	45.514.830			960.305.715	9.180.668.081
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

911N1				40.491.000	...					40.491.000
911N2	486.748.500	321.068.250			...				98.245.909	1.534.029.702
911N3		151.065.918	227.534.285	168.306.579	...	45.514.830			438.253.488	1.303.603.056
911N4	2.899.868.137	2.089.329.984			...				423.806.318	6.302.544.323

1361	3.386.616.637	2.561.464.152	227.534.285	168.306.579	...	45.514.830			960.305.715	9.140.177.081
1362				40.491.000	...					40.491.000

Ngày ... tháng... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

a. Đặc điểm

– Công ty bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp.
– Tính giá vốn hàng bán theo phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này, hàng được xác định trị giá theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập cho đến lúc xuất. Khi xuất lô hàng nào thì sẽ được xác định theo giá thực tế đích danh của lô hàng đó.

– Đối với hàng hóa, vật tư: Công ty mua về nhập kho, sau đó sẽ xuất bán cho các đơn vị kinh doanh khác.

– Đối với hoạt động dịch vụ và sản xuất: Công ty tập hợp chi phí riêng cho từng loại dịch vụ vào chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công phát sinh và đối với chi phí sản xuất chung thì công ty phân bổ cho từng đối tượng theo chỉ tiêu doanh thu.

– Công ty áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

b. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác liên quan

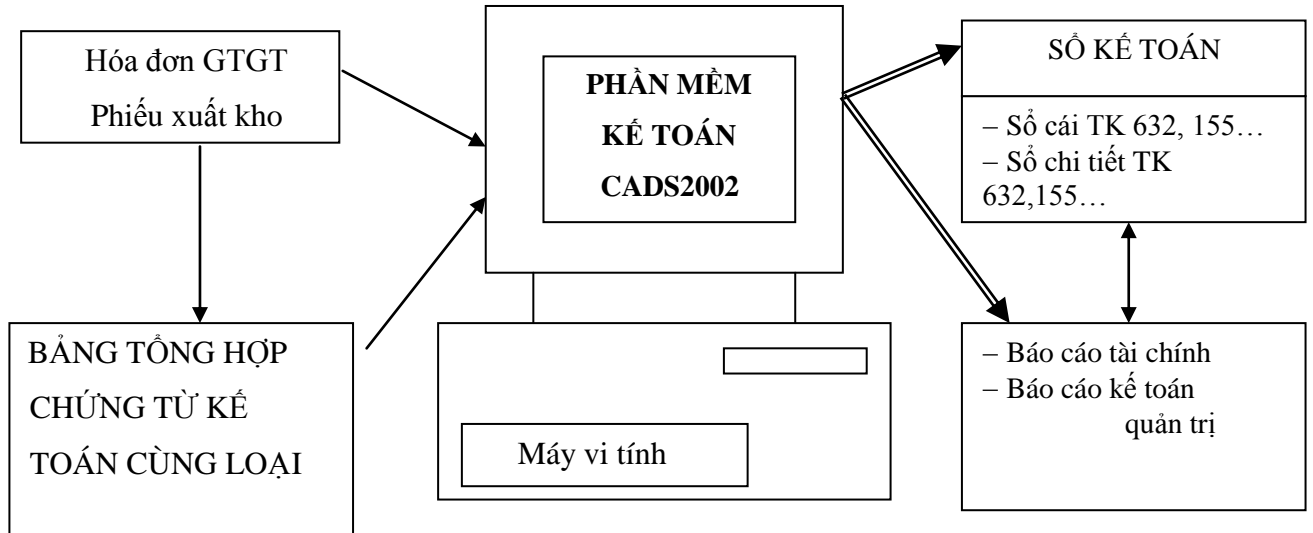
c. Tài khoản sử dụng

– TK 632 “Giá vốn hàng bán” được theo dõi chi tiết trên các tài khoản như sau:

- TK 6321 “Giá vốn bán hàng hóa, vật tư”
- TK 6322 “Giá vốn vận tải bộ”
- TK 6323 “Giá vốn vận tải thủy”
- TK 6324 “Giá vốn sửa chữa thủy”
- TK 6325 “Giá vốn cầu cảng, kho bãi”
- TK 6326 “Giá vốn tiếp nhận”
- TK 6328 “Giá vốn bảo hộ lao động”
- TK 632N “Giá vốn nội bộ”

- TK 156 “Hàng hóa”
- TK 155 “Thành phẩm”
- ...

d. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←...> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.6: *Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco*

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT và các chứng từ khác có liên quan, kế toán tiến hành nhập dữ liệu vào máy tính.

Cuối kỳ, kế toán thực hiện in các sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

Ví dụ 3: Ngày 23 tháng 12 năm 2011 bán cho công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin phụ tùng khoan khí nén với số tiền là 157.080.000 đồng, đã bao gồm VAT 10%. Trị giá nhập kho của lô hàng là 132.806.000 đồng.

Từ ví dụ 1, theo hóa đơn GTGT số 0018150 khi kế toán nhập số liệu vào phần mềm, phần mềm kế toán sẽ tự động tính giá vốn theo phương pháp thực tế

đích danh, phụ thuộc vào mã hàng mà doanh nghiệp đã đặt đối với từng loại hàng hóa theo định khoản:

Nợ TK 6321: 132.806.000

Có TK 1561: 132.806.000

HDHV (F2 lọc, F3 sửa/không ghi, F4 mới/ghi, F7 in, CTRL+F8 xóa, F9 máy tính, F12 x...)

Mã chứng từ: 01. HHFV - Hoá đơn bán hàng, tên VND, giá thực tế

Số máy	SỐ CT	Ngày CT	TK nợ DT	Mã sp nợ DT	TK có DT	Mã sp có DT	TK nợ GV	Mã sp nợ GV
AA/11P	018150	23/12/2011	1311		51111		63211	

Ông (bà): _____ Khoản mục: _____
 Địa chỉ: TKV004 Công ty TNHH MTV than Khe Châm-Vinaco Vụ việc: _____
 Kho: 01 Kho Kinh doanh Tỷ giá: VND 1.00
 Bộ phận: _____ Diễn giải: Xuất bán hàng hóa khoan khí ép, búa khí

Mã hàng	Tên hàng	Đv tính	Số lượng	TK kho	TK giá vốn	Giá vốn VND	Tiền vốn VNE
MHFA839	Búa khoan khí ép, búa khoan hi LO			1561	6321		132.806.000

Tổng tiền hàng: 142.800.000 **Tồn kho**

Chiết khấu: _____ %
 Thuế VAT: 10 % 14.280.000 1311 30311 Thuế GTGT đầu ra
 Tổng tiền thanh toán: 157.080.000 Mã thuế: 5700101229 Tên hàng: Búa khoan khí ép, hơi

← → + Mới Sửa Lọc In Xóa Thoát

Sau đó kế toán in ra phiếu xuất kho:

Biểu 2.9: Phiếu xuất kho số 018150

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO				Số:018150			
Số 4 Cù Chính Lan – Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng							
PHIẾU XUẤT KHO							
Ngày 23 tháng 12 năm 2011				Nợ 6321			
Số: 018150				Có 1561			
Họ tên người nhận hàng:							
Lý do xuất: Xuất bán hàng búa khoan khí ép, búa khoan hơi (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)							
Xuất tại kho: Kho kinh doanh							
Mã số khách hàng: TKV004							
Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin							
STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	SỐ LƯỢNG		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
1	Búa khoan khí ép 7665MZ	MHPA838	Bộ		06	14.136.000	84.816.000
2	Búa khoan hơi ZQST35/20	MHPA838	Bộ		04	11.997.500	47.990.000
CỘNG							132.806.000
Tổng giá trị: 132.806.000							
Cộng thành tiền: <i>Một trăm ba mươi hai triệu, tám trăm linh sáu nghìn đồng chẵn.</i>							
Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Phụ trách cung tiêu	Kế toán trưởng	Giám đốc		

Biểu 2.10: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK632)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ỨNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Dư nợ đầu kỳ: -
Phát sinh nợ: 43.768.003.667
Phát sinh có: 43.768.003.667
Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
01/12	017992	Xuất bán hàng vòng bi moay ơ xe HD465-7 (Công ty cổ phần than Đèo Nai – Vinacomin)	1561	103.400.000	
08/12	018436	Xuất bán hàng phụ tùng đầu máy, toa xe, bóng đèn (Công ty Kho vận Đá Bạc – Vinacomin)	1561	44.000.000	
08/12	018437	Xuất bán hàng phụ tùng phụ tùng máy xúc Kawasaki (Công ty Kho vận Đá Bạc – Vinacomin)	1561	146.930.000	
...
14/12	018438	Xuất bán hàng thép tấm, thép góc, thép tròn (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1561	203.349.690	
14/12	018439	Xuất bán hàng thép tròn, thép hình, dây mạ kẽm (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1561	155.264.100	
...
23/12	018150	Xuất bán hàng búa khoan khí ép, búa khoan hơi (Công ty TNHH MTV than Khe Chàm – Vinacomin)	1561	132.806.000	
23/12	019753	Xuất bán hàng phụ tùng đầu máy TY7E (Công ty tuyển than Hòn Gai – Vinacomin)	1561	7.860.000	
...
31/12	5700	Kết chuyển giá vốn hàng hóa, vật tư 6321 → 9111	9111		12.842.566.118
31/12	5708	Kết chuyển giá vốn vận tải thủy 6323 → 9113	9113		

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.11: Sổ cái tài khoản (TK632)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 632

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	30.264.766.261	30.345.179.313	51.984.672.154	38.417.769.899	...	31.277.947.813	40.662.914.609	40.373.800.398	43.768.003.667	452.823.035.799
PS Có	30.264.766.261	30.345.179.313	51.984.672.154	38.417.769.899	...	31.277.947.813	40.662.914.609	40.373.800.398	43.768.003.667	452.823.035.799
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

1542	685.865.612	717.558.535	621.796.566	672.222.396	...	826.517.486	992.877.128	735.997.229	6.737.730.378	23.652.309.758
1543	21.592.652.939	15.267.516.104	33.861.582.727	19.900.969.969	...	16.059.205.963	20.267.073.196	24.139.365.727	22.992.519.859	241.631.478.990
...
1561	4.262.493.400	12.512.212.200	15.419.225.158	16.261.066.312	...	11.818.865.968	18.045.243.728	14.443.445.790	13.542.965.918	157.498.066.532

9111	3.651.781.400	11.916.275.000	14.567.148.958	14.444.506.312	...	10.804.362.922	17.702.743.728	13.055.011.890	12.842.566.118	148.081.157.737
9112	7.800.000	17.900.000	155.259.582	672.222.396	...	826.517.486	992.877.128	735.997.229	6.737.730.378	21.808.048.627
9113	21.592.652.939	15.267.516.104	33.861.582.727	19.900.969.969	...	16.059.205.963	20.267.073.196	24.139.365.727	22.992.519.859	241.631.478.990
...

Ngày ... tháng... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng

a. Đặc điểm

Các chi phí bán hàng liên quan đến hoạt động bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm như: chi phí vận chuyển, chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí điện, điện thoại, văn phòng phẩm... phát sinh ở bộ phận bán hàng.

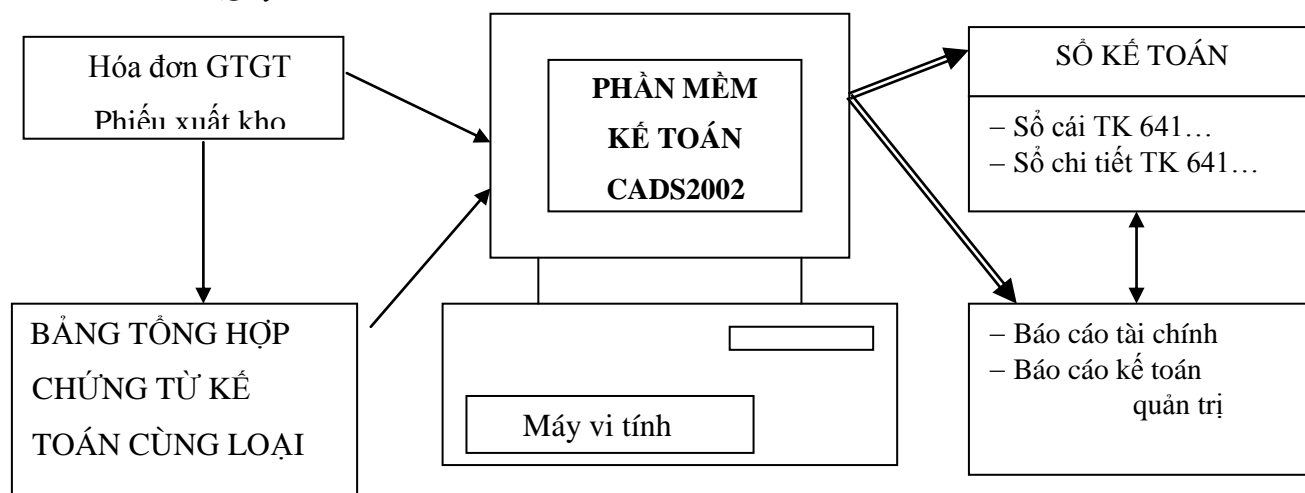
b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ tiền gửi Ngân hàng

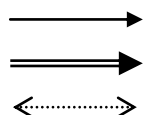
c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 641 “Chi phí bán hàng”
- ✓ TK 111 “Tiền mặt”
- ✓ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”
- ✓ TK 331 “Phải trả người bán”

d. Quy trình hạch toán



Ghi chú:



- Nhập số liệu hàng ngày
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng

tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Ví dụ 4: Ngày 21 tháng 12 năm 2011, công ty trả tiền mua hàng theo hóa đơn 0000063 cho công ty TNHH TM thiết bị phụ tùng Ngọc Liên tại ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Bắc Hải số tiền 65.591.240 đồng. Khi chuyển tiền, công ty phải chịu khoản phí chuyển tiền là 10.000 đồng tính vào chi phí bán hàng.

Khi trả tiền mua hàng thông qua chuyển khoản, công ty gửi ủy nhiệm chi đến ngân hàng.

Biểu 2.12: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI		SỐ:	
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN		<div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Phản do NH ghi</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin-bottom: 5px;">Tài khoản nợ</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Tài khoản có</div>	
Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải – Itasco Số tài khoản: 2521100552008 Tại Ngân hàng: TMCP Quân Đội – CN Bắc Hải			
Lập ngày: 21/12/2011			
Tỉnh, TP: Hải Phòng			
Tên đơn vị nhận tiền: Công ty TNHH TM thiết bị phụ tùng Ngọc Liên Số tài khoản: 12469488001 Tại Ngân hàng: Tiên Phong – CNHP			
Tỉnh, TP: Hải Phòng			
Số tiền bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu năm trăm chín mươi một ngàn hai trăm bốn mươi đồng.		<div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">Số tiền bằng số</div> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px;">65.591.240 VND</div>	
Nội dung thanh toán: Cty 1tv V.tư & V.tải trả tiền mua hàng (HĐ: 063)			
Đơn vị trả tiền Kế toán Chủ tài khoản		Ngân hàng A Ghi số ngày 21/12/2011 Kế toán Kế toán trưởng	Ngân hàng B Ghi số ngày..... Kế toán Kế toán trưởng

Ngân hàng sẽ gửi giấy báo nợ cho công ty khi đã thực hiện việc chuyển tiền.

Biểu 2.13: Phiếu báo nợ

NGAN HANG TMCP QUAN DOI Le Chan (LC)		MST NH:	
PHIEU BAO NO			
Ngày: 21/12/11		GDV: 6978_LCRT1.8__OFS_BROWSERTC	
Ma giao dich: FT11355361029570		Nguyen te: VND	
Tai khoan/ Khách hang		So tien	
Tai khoan No:		2521100552008	Du dau: 3,410,482,037
		VT & VT – ITASCO	Du cuoi: 3,344,878,697
Tai khoan Co:		VND1625009990001	
CTIEN DIEN TU HO – KV NGOAI HA NOI			
So tien bang chu:		So tien:	65,591,240
SAU MUOI LAM TRIEU SAU TRAM LINH		Phi:	10,000
HAI NGHIN HAI TRAM BON MUOI VND		VAT:	1,000
		Tong tien:	65,602,240
Dien giai:		CTY 1TV VT VA VT TRA TIEN MUA HANG (HD: 063)	
KE TOAN VIEN		KIEM SOAT	KE TOAN TRUONG

Căn cứ vào phiếu báo nợ của ngân hàng, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 331: 65.591.240

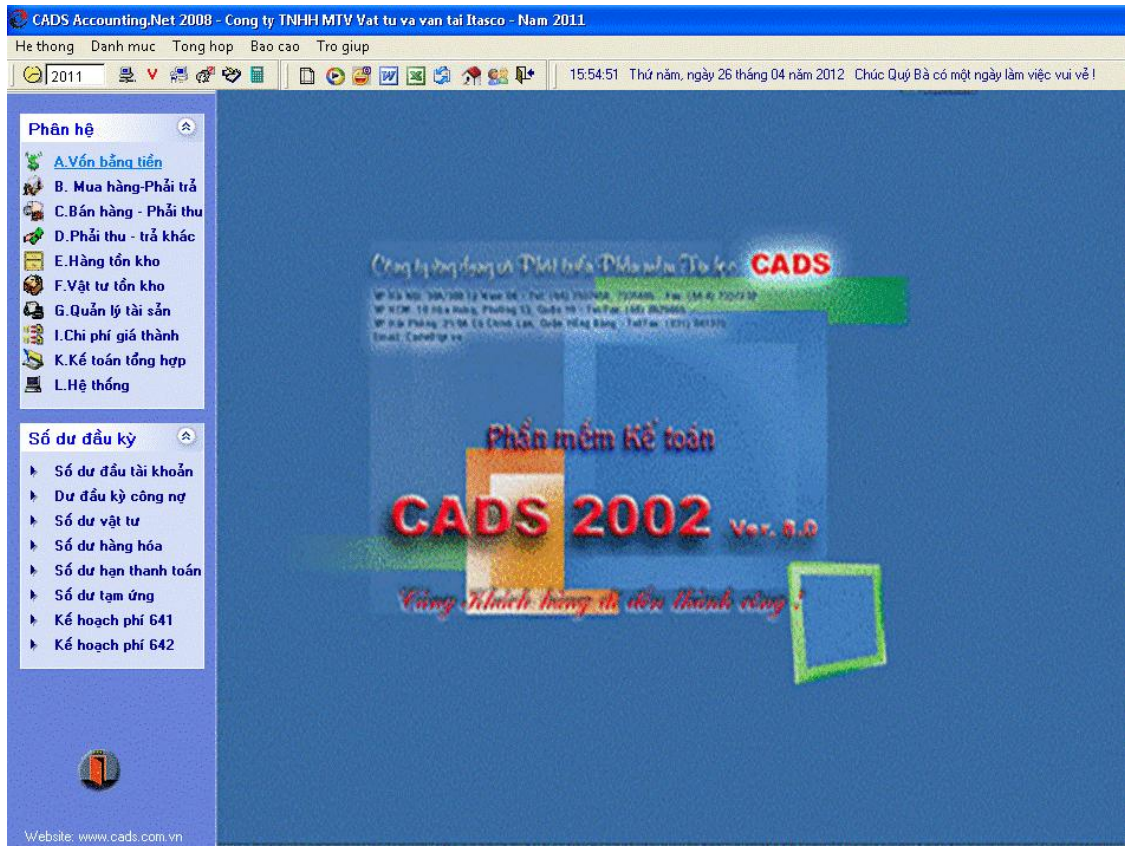
Nợ TK 641: 10.000

Nợ TK 133: 1.000

Có TK 112: 65.602.240

Từ đó kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy tính.

- ✓ Từ màn hình làm việc của phần mềm kế toán vào phần hành “vốn bằng tiền”



- ✓ Sau đó kế toán chọn phân hệ “Báo nợ” để nhập số liệu:



✓ Màn hình giấy báo nợ hiện ra:

PSKT(F2 lọc, F3 sửa, F4 mới, F5 xem DT, F7 in, Ctrl+F8 xóa chữ, F9 máy tính, F10 nhậ...

Mã chứng từ: 1. NNTV - Giấy báo nợ (chỉ) của ngân hàng, tiền VND

Số chứng từ: 21/QĐ Ngày chứng từ: 21/12/2011

Ông bà: Ngân hàng QĐ Mã ngoại tệ: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải CTừ: Phí chuyển tiền Xem cả tên đối tượng

TK nợ	Cl,ap nợ	TK có	Cl,ap có	Mã DT	Tiền	Diễn giải chi tiết
641		1126			10 000	Phí chuyển tiền
6276		1126			10 000	Phí chuyển tiền
62732		1126			690 393	Phí chuyển tiền

Tổng tiền trước thuế: 710 393
Tổng tiền thuế VAT: 71 039
Tổng tiền thanh toán: 791 432

Navigation icons: Mũi, Sửa, Lọc, In, Xóa, Thoát

✓ Kế toán tiến hành nhập những thông tin cần thiết.

Số chứng từ: 21/QĐ với quy ước đánh số chứng từ như sau:

- 21: ngày phát sinh nghiệp vụ
- QĐ: tên đơn vị giao dịch với công ty (Ngân hàng Quân Đội)

Ngày chứng từ: 21/12/2011

Diễn giải: Phí chuyển tiền

Tuy nhiên trong nghiệp vụ này, kế toán đã tiến hành định khoản gộp chung những nghiệp vụ liên quan đến phí chuyển tiền phát sinh trong cùng ngày 21/12/2011 và tại cùng ngân hàng Quân Đội.

Biểu 2.14: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK641)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Dư nợ đầu kỳ: -

Phát sinh nợ: c

Phát sinh có: 519.822.126

Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
06/12	06/HB	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121	20.000	
06/12	06/QĐ	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Quân Đội)	1126	286.588	
07/12	07/HB	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121	675.629	
...
21/12	21/QĐ	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Quân Đội)	1126	10.000	
21/12	PC610	TT tiền vận chuyển, tiếp khách theo PA số 693, 745, 820, 909, 872, 957 (Nguyễn Văn Luân)	1111	11.000.000	
...
27/12	27/HB	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121	535.236	
27/12	PC631	TT tiền vận chuyển theo PA số 850 (Hoàng Mạnh Hà)	1111	15.000.000	
...
31/12	5795	KC chi phí bán hàng	911		519.822.126

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.15: Sổ cái tài khoản (TK641)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 641

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	162.937.408	402.921.798	862.413.471	460.676.927	...	478.007.808	625.030.271	561.528.570	519.822.126	6.610.372.959
PS Có	162.937.408	402.921.798	862.413.471	460.676.927	...	478.007.808	625.030.271	561.528.570	519.822.126	6.610.372.959
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

1111	23.867.956	122.226.169	107.653.258	181.655.335	...	214.554.518	78.923.218	101.551.909	153.674.181	2.012.357.897
1121	198.544	196.636	1.815.117	1.450.387	...	2.141.716	2.144.659	38.275.306	3.973.794	77.843.353
1122	399.025		30.000	830.000	...	40.000	10.000	752.696	157.400	77.869.899
1126	5.826.951	1.377.267	9.220.823	17.993.038	...	11.282.592	20.791.278	13.464.497	9.266.176	309.772.961
...
3389	494.940	494.940	409.165	494.940	...	561.744	561.744	561.744	561.744	6.379.637

911	162.937.408	402.921.798	862.413.471	460.676.927	...	478.007.808	625.030.271	561.528.570	519.822.126	6.610.372.959

Ngày ... tháng... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Đặc điểm

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty bao gồm các khoản chi phí quản lý chung, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN.

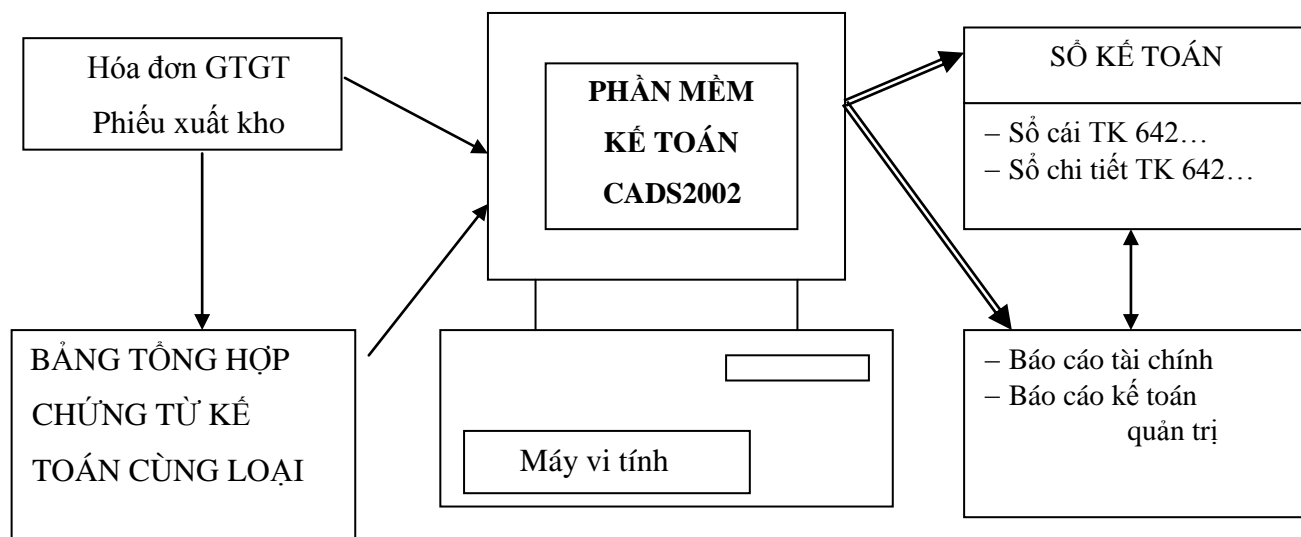
b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu chi, giấy báo Nợ
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao
- ✓ Hóa đơn GTGT...

c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”
- ✓ TK 111 “Tiền mặt”
- ✓ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”
- ✓ TK 214 “Khấu hao TSCĐ”...

d. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.8: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT (Liên 2), phiếu chi, ủy nhiệm chi... kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm máy tính.


Từ đó, máy tính sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ kế toán sẽ in ra sổ sách và báo cáo tài chính.

Ví dụ 5: Ngày 22 tháng 12 năm 2011 công ty thanh toán tiền điện cho điện lực Hải An số tiền 1.597.596 đồng đã bao gồm thuế GTGT 10%.

Dựa vào hóa đơn GTGT (Tiền điện)

Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT (Tiền điện) số 0245220

		HÓA ĐƠN GTGT (TIỀN ĐIỆN) (Liên 2: Giao khách hàng) Kỳ: 1 Từ ngày: 16/11 Đến ngày: 15/12			Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: UQ/11T Số: 0245220		
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng		Điện lực Hải An					
Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo		Số 7 Nguyễn Văn Hoi – Hải An – HP					
Điện thoại: 0312 210 206		MST: 0200340211 – 030		ĐT sửa chữa: 0312219297			
Tên khách hàng: Cty TNHH MTV Vat tu & van tai ITASCO							
Địa chỉ: Dong Hai							
Điện thoại:		MST: 02011823399		Số công tơ: 524130		Số hộ: -	
Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền	Mã KH PH12800000318 Mã T.toán PH12800000318 Mã NN: 3101 Mã giá: 100%KDDV Mã trạm: PH1200162 Cấp ĐA: 2 SỔ GCS: HAQ55-017 P GCS: 15 Mã tổ: 00 ID HĐ: 28867319
KT	207	181	30	780 780	1.862	1.452.360	
Ngày 19 tháng 12 năm 2011 Bên bán điện			Cộng	780		1.452.360	
Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT						145.236	
Tổng cộng tiền thanh toán						1.597.596	
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu nam trăm chín mươi bay nghìn năm trăm chín mươi sau đồng							

Công ty sẽ gửi ủy nhiệm chi đến ngân hàng

Biểu 2.17: Ủy nhiệm chi

ỦY NHIỆM CHI		SỐ:	
CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN THU, ĐIỆN Lập ngày: 22/12/2011		Phần do NH ghi Tài khoản nợ	
Tên đơn vị trả tiền: Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải – Itasco			
Số tài khoản: 2521100552008		Tài khoản có	
Tại Ngân hàng: TMCP Quân Đội – CN Bắc Hải	Tỉnh, TP: Hải Phòng		
Tên đơn vị nhận tiền: CN Cty TNHH MTV Điện lực HP – Điện lực Hải An			
Số tài khoản: 0921000333008			
Tại Ngân hàng: TMCP An Bình – CN Hải Phòng	Tỉnh, TP: Hải Phòng		
Số tiền bằng chữ: Một triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm chính mươi sáu đồng.		Số tiền bằng số 1.597.596 VND	
Nội dung thanh toán: Cty 1tv V.tư & V.tải trả tiền điện (HĐ: 245220)			
Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A	Ngân hàng B
Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi số ngày 22/12/2011	Ghi số ngày.....
		Kế toán Kế toán trưởng	Kế toán Kế toán trưởng

Ngân hàng sẽ gửi giấy báo nợ cho công ty khi đã thực hiện việc chuyển tiền.

Biểu 2.18: Phiếu báo nợ

NGAN HANG TMCP QUAN DOI Le Chan (LC)		MST NH:	
PHIEU BAO NO			
Ngày: 22/12/11		GDV: 7009_LCRT1.8__OFS_BROWSERTC	
Ma giao dich: FT11356002060801		Nguyen te: VND	
Tai khoan/ Khách hang		So tien	
Tai khoan No:		2521100552008	Du dau: 6,400,225,973
		VT & VT – ITASCO	Du cuoi: 6,398,616,277
Tai khoan Co:		VND1625009990001	
		CTIEN DIEN TU HO – KV NGOAI HA NOI	
So tien bang chu:		So tien:	1,597,596
MOT TRIEU SAU TRAM LINH TAM		Phi:	10,000
NGHIN NAM TRAM CHIN MUOI SAU VND		VAT:	1,000
		Tong tien:	1,608,596
Dien giai:		CTY 1TV VT VA VT TRA TIEN DIEN (HD: 245220)	
KE TOAN VIEN		KIEM SOAT	KE TOAN TRUONG

Căn cứ vào phiếu báo nợ của ngân hàng, kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 642: 1.452.360

Nợ TK 133: 145.236

Có TK 112: 1.597.596

Nợ TK 642: 10.000

Nợ TK 133: 1.000

Có TK 112: 11.000

Từ đó kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy tính.

- ✓ Kế toán chọn phân hành “**Vốn bằng tiền**” \ “**Báo nợ**” và tiến hành nhập thông tin cần thiết

TK nợ	CLáp nợ	TK có	CLáp có	Mã BT	Tiền	Diễn giải chi tiết
642		1126			1.452.360	Trả tiền điện (HĐ: 245220)

Tổng tiền trước thuế: 1.452.360
Tổng tiền thuế VAT: 145.236
Tổng tiền thanh toán: 1.597.596

Số chứng từ: 22/ĐHA với quy ước đánh số chứng từ như sau:

- 22: ngày phát sinh nghiệp vụ
- ĐHA: tên đơn vị giao dịch với công ty (Điện lực Hải An)

Ngày chứng từ: 22/12/2011

Diễn giải: Trả tiền điện (HĐ 245220)

- ✓ Sau đó kế toán ấn F4 hoặc “Mới” để lưu, in những sổ sách liên quan.

Biểu 2.19: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK642)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Dư nợ đầu kỳ: -
Phát sinh nợ: 2.561.989.342
Phát sinh có: 2.561.989.342
Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
01/12	01/QĐ	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121	150.000	
05/12	PC542	TT tiền chi phí văn phòng (Cao Thị Kim Anh)	1111	1.392.273	
...
22/12	22/QĐ	Phí chuyển tiền (Ngân hàng Quân Đội)	1126	10.000	
22/12	22/ĐHA	Trả tiền điện (HĐ: 245220) (Điện lực Hải An)	1126	1.452.360	
...
27/12	PC637	TT tiền công tác phí (Vũ Văn Thương)	1111	3.080.000	
27/12	PC638	TT tiền công tác phí, tiền tiếp khách (Bùi Văn Dương)	1111	8.855.500	
...
31/12	PBKH	Trích KHTSCĐ tháng 12/2011	2141	10.829.941	
31/12	115KCCP	Kết chuyển CP quản lý DN	911		2.561.989.342

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.20: Sổ cái tài khoản (TK642)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 642

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	1.275.282.186	1.408.790.224	1.990.883.673	966.830.139	...	1.450.335.423	1.266.698.137	1.111.159.033	2.561.989.342	18.155.918.356
PS Có	1.275.282.186	1.408.790.224	1.990.883.673	966.830.139	...	1.450.335.423	1.266.698.137	1.111.159.033	2.561.989.342	18.155.918.356
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

1111	70.099.439	46.447.538	120.041.912	77.202.844	...	102.241.398	102.942.881	77.422.309	776.201.275	2.288.151.093
1121	1.513.365	995.437	47.804.472	1.988.623	...	6.019.740	97.933.468	26.666.084	126.141.064	315.175.963
1126	88.290.278	9.582.208	8.312.107	2.588.840	...	6.995.020	17.173.150	7.729.877	137.387.622	402.080.503
...
2141	15.308.793	15.308.793	15.308.793	15.308.793	...	15.308.793	15.308.793	15.308.793	10.829.941	179.226.664
...

911	1.275.282.186	1.408.790.224	1.989.165.673	966.830.139	...	1.450.335.423	1.263.153.137	1.111.159.033	2.561.989.342	18.155.918.356

Ngày ... tháng... năm...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.6 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a. Đặc điểm

Công ty là đơn vị kinh doanh vật tư – thiết bị, tiếp nhận hàng ủy thác của Tập đoàn Than – Khoáng sản Việt Nam nên doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chỉ phát sinh lãi tiền gửi trên các Ngân hàng mà công ty mở tài khoản giao dịch.

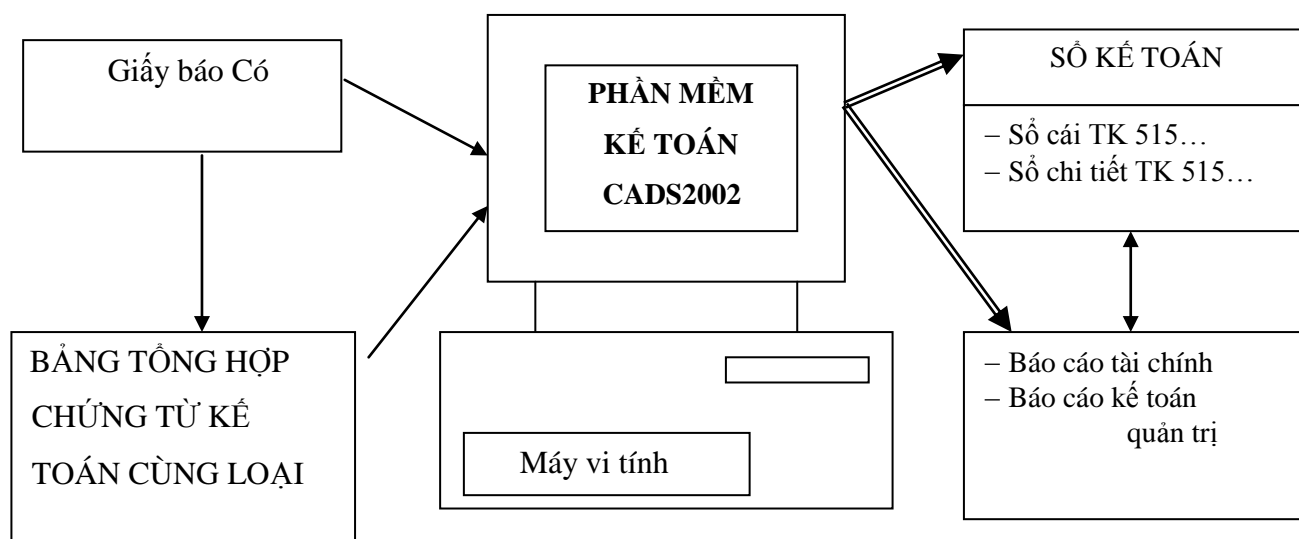
b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo Có của Ngân hàng

c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- ✓ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”

d. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←...→ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty TNHH

MTV Vật tư và vận tải Itasco

Hàng ngày, căn cứ giấy báo có kê toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm máy tính.


Từ đó, máy tính sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ kế toán sẽ in ra sổ sách và báo cáo tài chính.

Ví dụ 6: Ngày 26 tháng 12 năm 2011, công ty nhận được lãi tiền gửi từ ngân hàng Quân Đội với tổng số tiền là 7.897.156 đồng.

Ngân hàng gửi đến công ty số chi tiết hạch toán tài khoản, phiếu trả lãi tài khoản như sau:

Biểu 2.21: Sổ hạch toán chi tiết của tài khoản

		SỔ HẠCH TOÁN CHI TIẾT CỦA TÀI KHOẢN		
		Từ ngày: 24/12/2011 Đến ngày 24/12/2011		
Chi nhánh:	Lê Chân (LC)			
Tên khách hàng:	VT & VT – ITASCO			
Mã khách hàng:	908402			
Tài khoản:	2521100552008	Loại tiền: VND		
	Số dư đầu:	7,155,065,231		
Ngày giao dịch:	Mã giao dịch:	Phát sinh nợ:	Phát sinh có	Nội dung
20111224	2524700024004-2011122		551,736	But toan tra lai
20111224	2521100552008-2011122		7,345,420	But toan tra lai
	Tổng cộng	0	7,897,156	
	Số dư cuối	7,162,962,387		
LẬP BẢNG		KIỂM SOÁT		

Biểu 2.22: Phiếu trả lãi tài khoản

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI				
PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN				
<i>Từ ngày: 24/12/2011 Đến ngày: 24/12/2011</i>				
Khách hàng: 908402 CTY TNHH MTV VTU VA VTAI – ITASCO				
Tài khoản: 2521100552008			Nguyên tệ: VND	
Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2011	2	460,300,406	2.4	61,373
28/11/2011	1	260,300,406	2.4	17,353
29/11/2011	1	929,403,233	2.4	61,960
30/11/2011	1	870,338,058	2.4	58,023
01/12/2011	2	870,098,058	2.4	116,013
03/12/2011	1	872,019,978	2.4	58,135
04/12/2011	2	1,218,851,774	2.4	162,514
06/12/2011	1	448,069,085	2.4	29,871
07/12/2011	1	464,816,085	2.4	30,988
08/12/2011	1	426,114,485	2.4	28,408
09/12/2011	4	527,581,428	2.4	140,688
13/12/2011	1	9,342,231,680	2.4	622,815
14/12/2011	1	9,276,302,080	2.4	618,420
15/12/2011	1	8,801,582,658	2.4	586,772
16/12/2011	3	8,415,612,070	2.4	1,683,122
19/12/2011	1	7,615,612,070	2.4	507,707
20/12/2011	1	3,410,482,037	2.4	227,365
21/12/2011	1	6,400,225,973	2.4	426,682
22/12/2011	1	7,142,965,231	2.4	476,198
23/12/2011	3	7,155,065,231	2.4	1,431,013
				Tổng tiền: 7,345,420
Bằng chữ: Bảy triệu ba trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi VND chẵn				
Tài khoản trích nợ: PL 50000				
Tài khoản ghi có: 2521100552008				
Ngày lập phiếu: 31/12/2011				
Người lập phiếu		Kiểm soát	Kế toán trưởng	

✓ Kế toán tiến hành nhập số liệu vào máy theo định khoản:

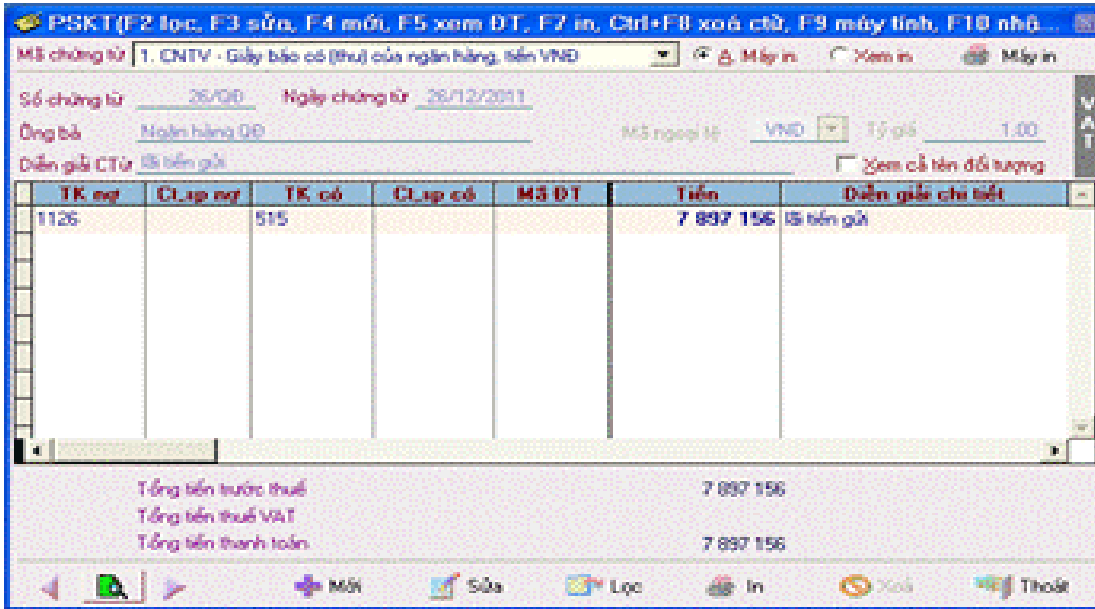
Nợ TK 1126: 7.897.156

Có TK 515: 7.897.156

✓ Vào phần hành “**Vốn bằng tiền**” chọn phân hệ “**Báo cáo**”



- ✓ Giao diện của giấy báo Có hiện ra, kế toán tiến hành nhập số liệu liên quan:



- ✓ Sau đó kế toán ấn F4 hoặc “Mới” để lưu, in những sổ sách liên quan bằng ấn F7 hoặc “In”

Biểu 2.23: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 515)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 515 – Doanh thu tài chính

Dư nợ đầu kỳ: -
 Phát sinh nợ: 17.455.038
 Phát sinh có: 17.455.038
 Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
26/12	26/QĐ	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Quân Đội)	1126		7.897.156
31/12	31/HB	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Hồng Bàng)	1121		8.714.764
31/12	31/NT	Lãi tiền gửi (Ngân hàng Ngoại Thương)	1122		843.118
31/12	5647	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	17.455.038	

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.24: Sổ cái tài khoản (TK 515)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 515

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	14.043.665	11.053.517	9.289.930	19.289.291	...	13.054.077	14.480.844	11.118.366	17.455.038	323.923.180
PS Có	14.043.665	11.053.517	9.289.930	19.289.291	...	13.054.077	14.480.844	11.118.366	17.455.038	323.923.180
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

911	14.043.665	11.053.517	9.289.930	19.289.291	...	13.054.077	14.480.844	11.118.366	17.455.038	323.923.180

1121	4.921.345	3.287.359	3.681.214	9.001.827	...	8.430.940	4.915.651	5.984.587	8.714.764	67.663.043
1122	1.969.363	1.414.382	1.296.777	1.293.857	...	676.726	1.700.246	968.357	843.118	14.872.076
1123			9.366		...					15.320
1124	2.471.169	1.435.690	1.983.688	2.877.377	...					10.977.073
1126	4.681.788	4.916.086	2.318.885	6.116.230	...	3.946.411	7.864.947	4.165.422	7.897.156	59.988.013
413					...					170.407.655

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.7 Kế toán chi phí tài chính

a. Đặc điểm

Là đơn vị kinh doanh đa dạng các ngành nghề, hàng hóa của ngành Than với giá trị lớn. Là đơn vị phụ thuộc nên nguồn vốn kinh doanh có hạn. Do vậy được sự ủy quyền của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ - TKV, Công ty được bảo trợ vay vốn của các Ngân hàng và công ty giao dịch. Chính vì vậy chi phí tài chính phát sinh trong Công ty là lãi vay Ngân hàng, lãi vay vốn đầu tư và lãi vay ngắn hạn khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường vào cuối tháng, căn cứ vào các khế ước vay vốn ngân hàng, cuối tháng đối chiếu và ngân hàng lập giấy báo Nợ để thu số tiền lãi vay mà công ty phải trả theo từng khế ước vay.

Ngoài ra chi phí tài chính của công ty còn bao gồm lãi vay vốn đầu tư do vốn vay đầu tư là Công ty Mẹ đứng nhận nợ với Ngân hàng và cấp tài sản xuống công ty để sử dụng nên lãi vay vốn đầu tư công ty phải thanh toán trả công ty Mẹ.

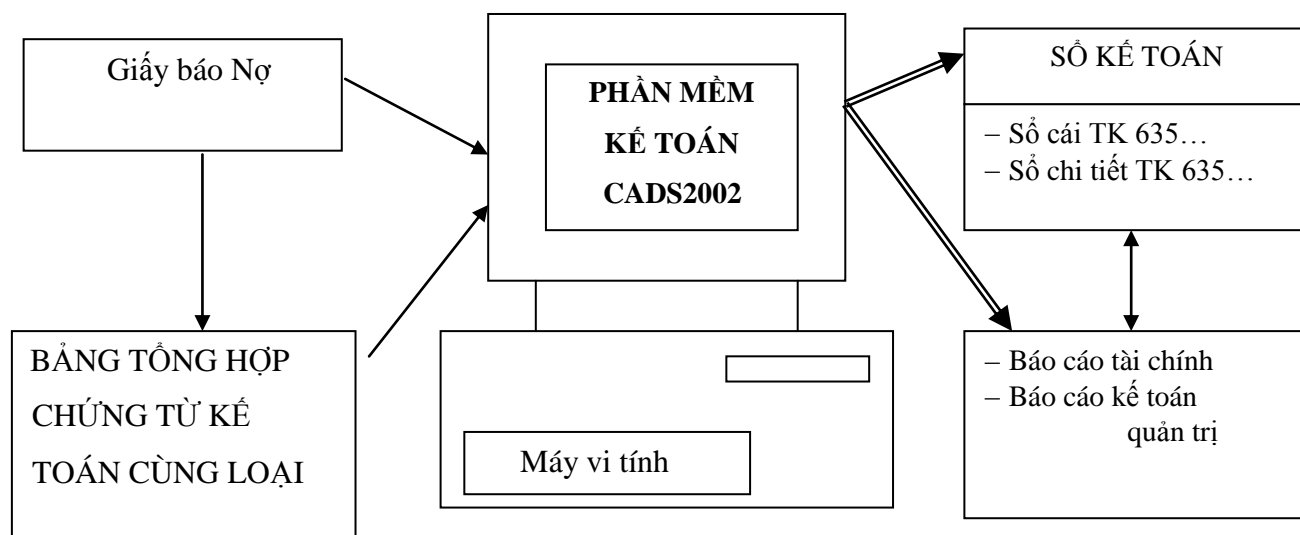
b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Giấy báo Nợ của Ngân hàng
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 635 “Chi phí tài chính”
- ✓ TK 112 “Tiền gửi ngân hàng”
- ✓ TK 336 “Phải trả nội bộ”

d. Quy trình hạch toán



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán chi phí tài chính tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Hàng ngày, căn cứ giấy báo có kế toán hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào phần mềm máy tính.

Từ đó, máy tính sẽ tự động chuyển số liệu vào các sổ chi tiết và sổ cái các tài khoản liên quan.

Cuối kỳ kế toán sẽ in ra sổ sách và báo cáo tài chính.

Ví dụ 7: Cuối tháng 12 năm 2011, kế toán nhận được giấy báo Nợ của Ngân hàng Quân Đội về lãi tiền vay phải trả Ngân hàng với tổng số tiền là 91.798.091 đồng trong đó gồm 5 phiếu báo nợ với 5 lần vay như sau:

Mã giao dịch	Số tiền
LD1131200230	15.434.155
LD1130800179	11.312.431
LD1132000001	20.412.902
LD1129900096	27.500.000
LD1134000138	17.138.603
Tổng	91.798.091

Biểu 2.25: Phiếu báo nợ

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI Le Chan (LC)			
PHIẾU BÁO NỢ			
Ngày: 30/12/2011	Số chứng từ:		
Ma giao dịch: LD1131200230	Nguyên tệ: VND		
Khách hàng: 908402	Số tiền		
CTY TNHH MTV VTU VA VTAI - ITASCO			

Tai khoản No:	2521100552008	Số tiền	15,434,155
CTY TNHH MTV VTU VA VTAI - ITASCO			

Tai khoản Co:	LD1131200230	Số tiền	15,434,155

So tien bang chu:	So tien:		15,434,155
Mười lăm triệu bốn trăm ba mươi tư nghìn một trăm năm mươi lăm đồng			

Dien giai:			
Kế toán viên Kiểm soát Kế toán trưởng			

Các phiếu báo nợ khác tương tự với mã giao dịch và số tiền như trên

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 91.798.091

Có TK 1126: 91.798.091

- ✓ Và tiến hành nhập số liệu vào máy theo thao tác “**Vốn bằng tiền**” \ “**Báo nợ**”

PSKT(F2 lọc, F3 sửa, F4 mới, F5 xem DT, F7 in, Ctrl+F8 xoá ctừ, F9 máy tính, F10 nhà...)

Mã chứng từ: 1. NNTV - Giấy báo nợ (chỉ) của ngân hàng, tiền VND

Số chứng từ: 30/QĐ Ngày chứng từ: 30/12/2011

Ông bà: Ngân hàng QĐ Mã ngoại tệ: VND Tỷ giá: 1.00

Diễn giải CTừ: Lãi tiền vay Xem cả tên đối tượng

TK nợ	Clap nợ	TK có	Clap có	Mã DT	Tiền	Diễn giải chi tiết
635		1126			17 138 603	Lãi tiền vay
635		1126			27 500 000	Lãi tiền vay
635		1126			15 434 155	Lãi tiền vay
635		1126			11 312 431	Lãi tiền vay
635		1126			20 412 902	Lãi tiền vay
Tổng tiền trước thuế					91 798 091	
Tổng tiền thuế VAT						
Tổng tiền thanh toán					91 798 091	

Một số nút chức năng: MÃ, Sửa, Lọc, In, Xóa, Thoát

✓ Sau đó kế toán ấn F4 hoặc “Mới” để lưu, in những sổ sách liên quan.

Biểu 2.26: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 635)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Dư nợ đầu kỳ: -
 Phát sinh nợ: 162.025.339
 Phát sinh có: 162.025.339
 Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
30/12	30/QĐ	Lãi tiền vay (Ngân hàng Quân Đội)	1126	91.798.091	
31/12	KCCLTG	Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	413	12.356.500	
31/12	LVDT	Lãi vay đầu tư tháng 12/2011 (Lãi vay đầu tư phải nộp Cty)	3362	57.870.748	
31/12	5794	Kết chuyển CP tài chính	911		162.025.339

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.27: Sổ cái tài khoản (TK 635)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 635

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	57.945.715	59.646.753	439.454.099	58.322.965	...	300.189.554	264.427.714	152.926.663	162.025.339	2.840.435.892
PS Có	57.945.715	59.646.753	439.454.099	58.322.965	...	300.189.554	264.427.714	152.926.663	162.025.339	2.840.435.892
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

1126	20.650.229	23.128.256	23.954.266	6.584.048	...	24.454.382	19.353.024	63.619.279	91.798.091	370.738.698
3312				522.000	...					522.000
3351			383.217.180		...					383.217.180
3362	37.295.486	36.518.497	32.282.653	32.282.653	...	235.212.452	245.074.690	27.930.646	57.870.748	1.952.767.792
413				18.934.264	...	40.522.720		61.376.738	12.356.500	133.190.222
-----					...					
911	57.945.715	59.646.753	439.454.099	58.322.965	...	300.189.554	264.427.714	152.926.663	162.025.339	2.840.435.892

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.8. Kế toán hoạt động khác

a. Đặc điểm

Kế toán thu nhập khác ít phát sinh và thường ghi nhận doanh thu là các Công ty Bảo hiểm bồi thường sự cố xảy ra cho các phương tiện và doanh thu nhượng bán TSCĐ. Đồng thời khi công ty sửa chữa những phương tiện đó thì chi phí được ghi vào chi phí khác.

Trong tháng 12 năm 2011, hoạt động khác của công ty chỉ phát sinh doanh thu bán sắt vụn và không phát sinh nghiệp vụ liên quan đến chi phí khác.

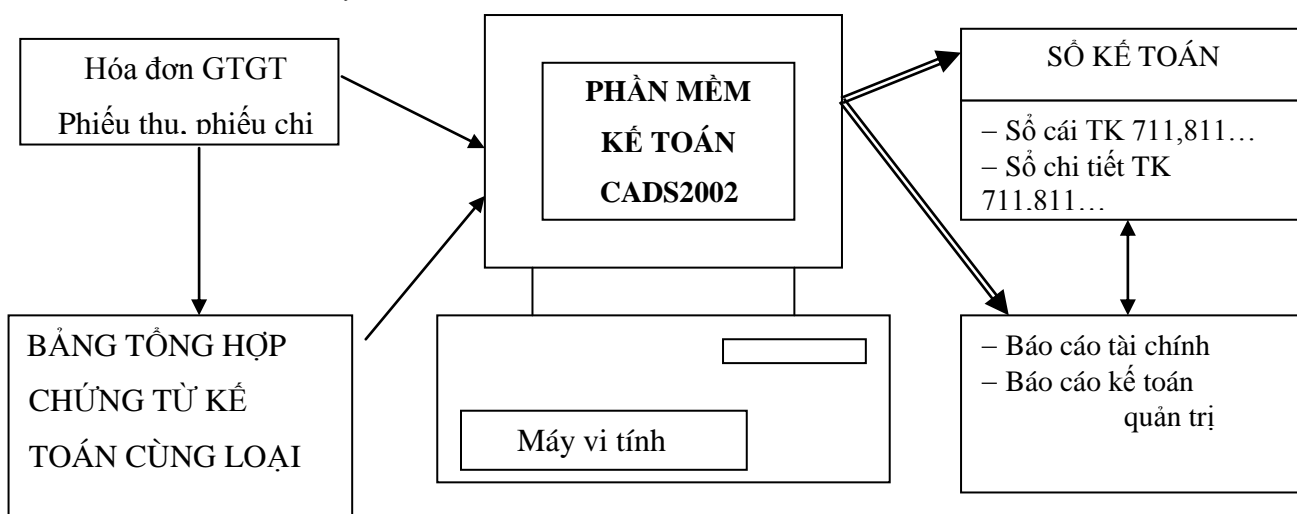
b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ ...

c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 711 “Thu nhập khác”
- ✓ TK 811 “Chi phí khác”
- ✓ TK 111 “Tiền mặt”
- ✓ ...

d. Quy trình hạch toán




Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ==> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 2.11: Trình tự hạch toán hoạt động khác tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Ví dụ 8: Ngày 29 tháng 12 năm 2011, công ty bán sắt vụn tại xưởng sửa chữa cơ khí thu được 19.640.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Biểu 2.28: Hóa đơn GTGT số 0019716

TẬP ĐOÀN CN THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM		HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001	
Địa chỉ: 226 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội		GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P	
Mã số thuế: 5700100256		Liên 3: Thanh toán nội bộ		Số: 0019716	
		Ngày 15 tháng 12 năm 2011			
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco					
Mã số thuế: 0201182399			Số tài khoản:		
Địa chỉ: Số 4 Cù Chính Lan - Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Khách lẻ					
Tên đơn vị:					
Địa chỉ:			Số tài khoản:		
Hình thức thanh toán:			Mã số thuế: 0200170658		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sắt vụn	Kg			17.854.545
Cộng tiền hàng:					17.854.545
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.785.455
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.640.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn./.					
Người mua hàng	Người bán hàng	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị		
<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>	<i>(Ký, ghi rõ họ, tên)</i>		
	<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>				

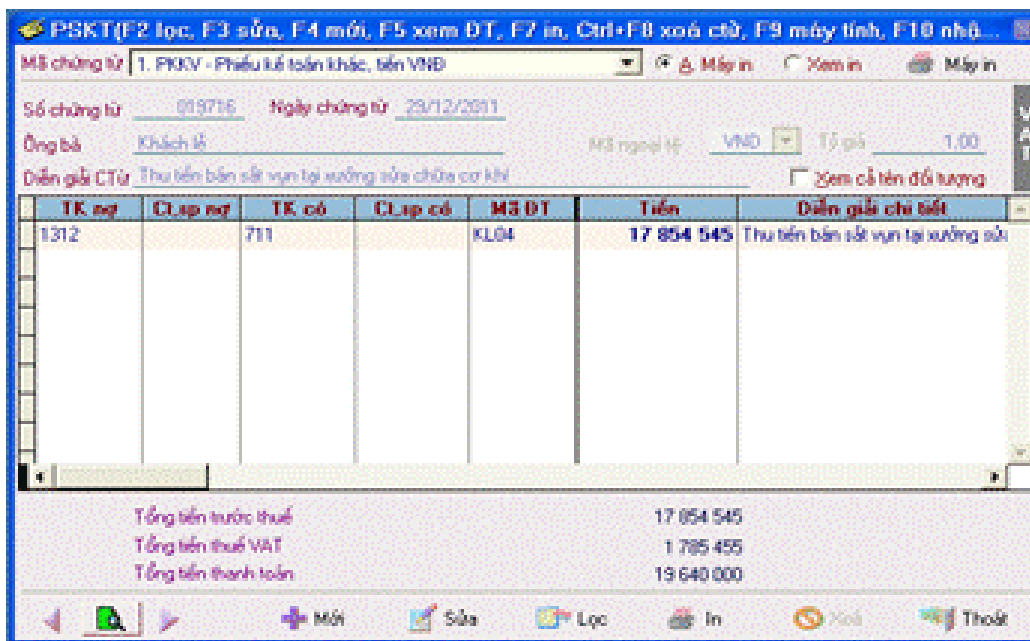
Căn cứ vào hóa đơn số 0019716, kế toán định khoản:

Nợ TK 1312: 19.640.000

Có TK 711: 17.854.545

Có TK 33311: 1.785.455

Và tiến hành nhập số liệu vào phần mềm kế toán:



✓ Sau đó kế toán ấn F4 hoặc “Mới” để lưu, in những sổ sách liên quan.

Biểu 2.29: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 711)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Dư nợ đầu kỳ: -
 Phát sinh nợ: 50.877.045
 Phát sinh có: 50.877.045
 Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
29/12	019716	Thu tiền bán sắt vụn tại xưởng sửa chữa cơ khí (Khách lẻ)	1312		17.854.545
31/12	01TD	Thanh lý lớp ô tô đã qua sử dụng (Khách lẻ)	1311		33.022.500
31/12	5802	Kết chuyển thu nhập khác	911	50.877.045	

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.30: Sổ cái tài khoản (TK 711)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 711

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	79.663.035			2.030.000.000	...	300	50.529.636	496.872.254	50.877.045	2.736.439.401
PS Có	79.663.035			2.030.000.000	...	300	50.529.636	496.872.254	50.877.045	2.736.439.401
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

911	79.663.035			2.030.000.000	...	300	50.529.636	496.872.254	50.877.045	2.736.439.401
-----					...					
1111					...			32.367.840		36.756.022
1121					...			380.328.214		380.328.214
1311					...		8.256.909			54.176.318
1312	79.663.035			2.030.000.000	...		42.272.727	84.175.600	50.877.045	2.265.177.947
3312						300		600		900

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.31: Sổ cái tài khoản (TK 811)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 811

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	62.506.945			23.454.471	...		41.714.506	99.641.600		233.611.522
PS Có	62.506.945			23.454.471	...		41.714.506	99.641.600		233.611.522
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

1121	8.916.600			1.831.743	...		41.714.506			52.462.849
1126				21.622.728	...					21.622.728
1388					...			99.641.600		99.641.600
1421	8.135.800				...					8.135.800
1422	45.454.545				...					45.454.545
152					...					6.294.000
-----					...					
911	62.506.945			23.454.471	...		41.714.506	99.641.600		233.611.522

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

2.2.9 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

a. Đặc điểm

Việc xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng, nó phản ánh được tình hình kinh doanh của công ty trong năm là lãi hay lỗ. Kết quả này được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh của công ty được xác định là chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn thực tế trong kỳ cùng với kết quả hoạt động tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và hoạt động khác trong công ty.

b. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán kết chuyển

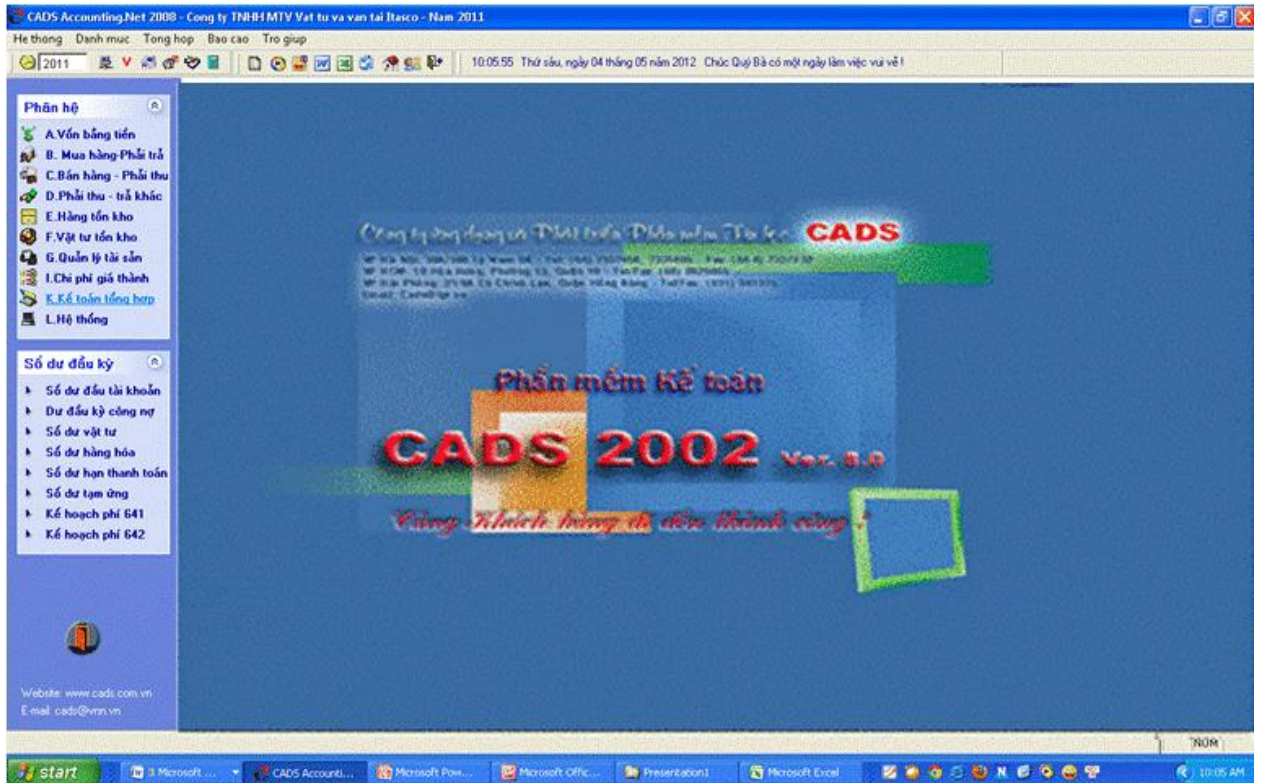
c. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”
- ✓ TK 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”
- ✓ TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”
- ✓ TK 632 “Giá vốn hàng bán”
- ✓ TK 635 “Chi phí tài chính”
- ✓ TK 641 “Chi phí bán hàng”
- ✓ TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”
- ✓ TK 711 “Thu nhập khác”
- ✓ TK 811 “Chi phí khác”
- ✓ TK 821 “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp”
- ✓ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- ✓ TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

d. Quy trình hạch toán

Cuối tháng 12 năm 2011, kế toán tổng hợp xác định kết quả kinh doanh của công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển

Kế toán vào phần “Kế toán tổng hợp”



Vào phần “kết chuyển tự động”

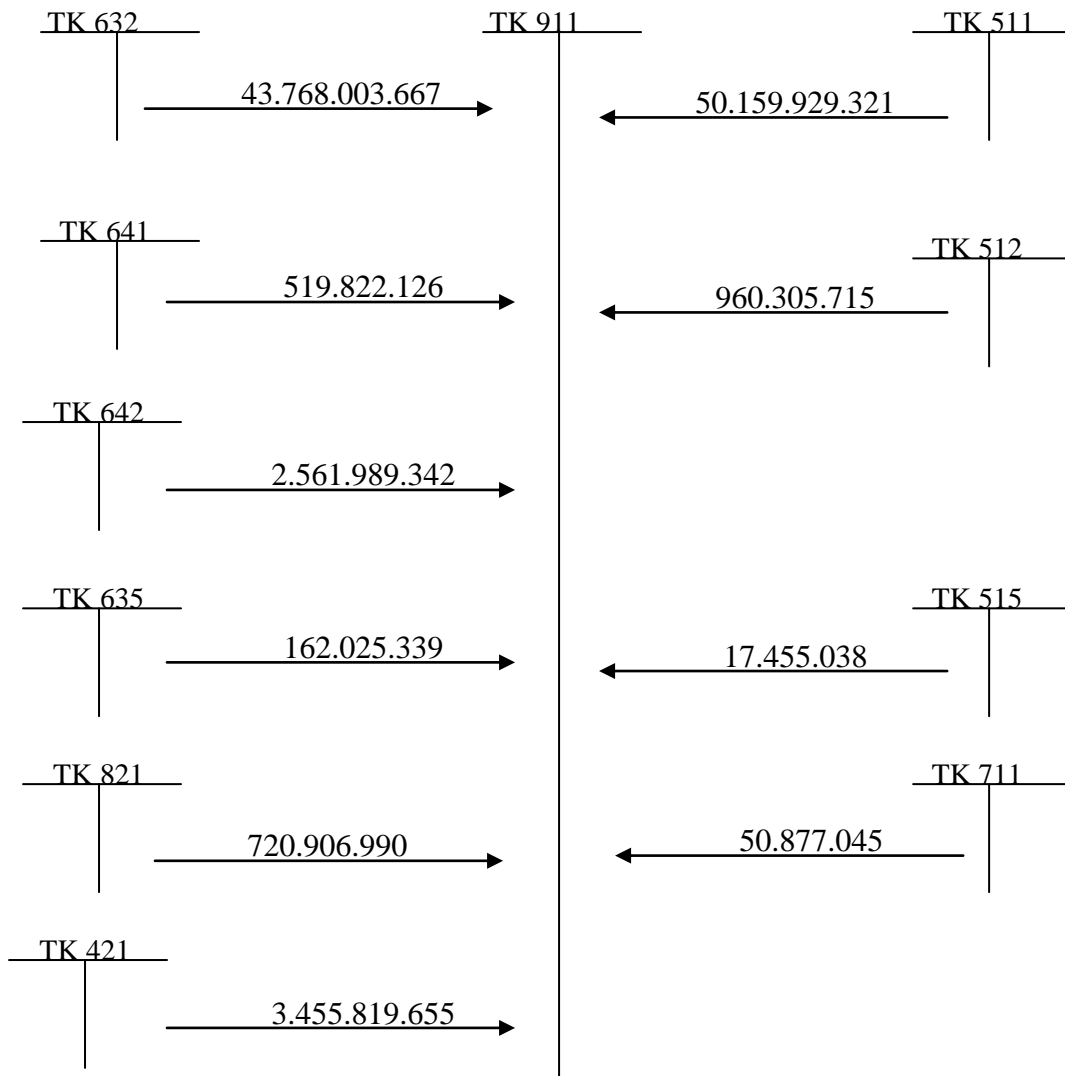


Phần mềm sẽ tự động kết chuyển sang TK 911 và động thời tính lãi, lỗ

Ví dụ 9: Cuối kỳ, công ty thực hiện kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng số tiền là 2.561.989.342 đồng

TK nợ	Clap nợ	TK có	Clap có	Mã DT	Tiền	Diễn giải chi tiết
911N3		642			387 590 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
911N2		642			8 316 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
911N4		642			400 000 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
9116		642			498 500 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
91121		642			600 000 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
91121		642			553 083 342	Kết chuyển chi phí quản lý DN
91111		642			114 500 000	Kết chuyển chi phí quản lý DN
Tổng tiền trước thuế					2 561 989 342	
Tổng tiền thuế VAT						
Tổng tiền thanh toán					2 561 989 342	

Việc kết chuyển số liệu được thể hiện qua sơ đồ dưới đây:



Sơ đồ 2.12: Sơ đồ hạch toán kết quả kinh doanh tháng 12 năm 2011 tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Biểu 2.32: Sổ chi tiết tài khoản theo tài khoản đối ứng (TK 911)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN THEO TÀI KHOẢN ĐỐI ƯNG

Từ ngày: 01/12/2011 đến ngày: 31/12/2011

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Dư nợ đầu kỳ: -

Phát sinh nợ: 52.712.119.787

Phát sinh có: 52.712.119.787

Dư nợ cuối kỳ: -

Ngày	Số CT	Diễn giải	TKĐƯ	PS Nợ	PS Có
31/12	5482	KC doanh thu tiếp nhận	5116		2.328.160.768
31/12	5483	KC doanh thu bán vật tư, hàng hóa	5111		13.983.626.275
31/12	5484	KC doanh thu cầu cảng, kho bãi	5115		196.984.087
...
31/12	5794	KC doanh thu hoạt động tài chính	515		17.455.038
31/12	5795	KC chi phí bán hàng	641	519.822.126	
...
31/12	5805	KC thuế thu nhập doanh nghiệp	8211	720.906.990	
31/12	113KCLN	KC lợi nhuận	421	3.455.819.655	

Ngày... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.33: Sổ cái tài khoản (TK 911)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 911

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK										
Dư Có ĐK										
PS Nợ	33.865.673.278	34.014.085.582	56.236.778.508	43.024.720.663	...	35.036.559.614	43.423.407.478	43.406.026.636	52.712.119.787	506.323.331.930
PS Có	33.865.673.278	34.014.085.582	56.236.778.508	43.024.720.663	...	35.036.559.614	43.423.407.478	43.406.026.636	52.712.119.787	506.323.331.930
Dư Nợ CK										
Dư Có CK										

421	1.051.851.805	1.179.076.683		2.873.418.640	...	213.833.777			3.455.819.655	12.184.321.553
63211	3.651.781.400	11.916.275.000	14.567.148.958	14.444.506.312	...	10.804.362.922	17.702.743.728	13.055.011.890	12.842.566.118	148.081.157.737
6322	7.800.000	17.900.000	155.259.582	672.222.396	...	826.517.486	992.877.128	735.997.229	6.737.730.378	21.808.048.627
...
642	1.275.282.186	1.408.790.224	1.989.165.673	966.830.139	...	1.450.335.423	1.263.153.137	1.111.15.033	2.561.989.342	18.155.918.356
-----					...					
421			1.494.993.716		...		2.100.747.580	215.558.741		6.250.370.475
51111	3.969.125.000	12.834.400.025	15.570.496.770	15.608.279.700	...	11.531.528.010	18.803.206.780	14.106.012.750	13.983.626.275	159.341.279.825
...
515	14.043.665	11.053.517	9.289.930	19.289.291	...	13.054.077	14.480.844	11.118.366	17.455.038	323.923.180

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Biểu 2.34: Sổ cái tài khoản (TK 421)

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TÀI KHOẢN: 421

NĂM: 2011

TKĐƯ	PS tháng 1	PS tháng 2	PS tháng 3	PS tháng 4	...	PS tháng 9	PS tháng 10	PS tháng 11	PS tháng 12	Tổng PS
Dư Nợ ĐK					...			1.467.215.423	1.682.774.164	
Dư Có ĐK		1.051.851.805	2.230.928.488	735.934.772	...	419.698.380	633.532.157			
PS Nợ	990.382.958	618.470.811	2.456.066.827	634.398.812	...	1.316.245.239	2.699.282.661	1.322.529.113	7.478.770.743	32.855.423.058
PS Có	2.042.234.763	1.797.547.494	961.073.111	3.507.817.452	...	1.530.079.016	598.535.081	1.106.970.372	9.161.544.907	32.855.423.058
Dư Nợ CK					...		1.467.215.423	1.682.774.164		
Dư Có CK	1.051.851.805	2.230.928.488	735.934.772	3.609.353.412	...	633.532.157				

336					...				5.647.007.739	13.129.416.734
91111			158.810.382		...					594.959.297
...
911T					...				720.906.990	720.906.990
----					...					
336					...				3.493.633.434	7.195.465.656
91111	174.721.495	516.240.849		110.765.696	...	314.742.128	447.724.729	12.697.045	584.439.116	3.054.553.436
9112	5.200.000	1.600.000	240.703.396	36.638.000	...	1986.700			916.213.597	4.875.411.064
...

Ngày ... tháng... năm

Kế toán ghi số

Kế toán trưởng

Biểu 2.35: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

BIỂU 02 – DN

Ban hành theo QĐ số 167/2000/QĐ-BTC

ngày 25/10/2000 và sửa đổi, bổ sung theo

TT số 89/2002/TT-BTC ngày 09/10/2002 của BTC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Từ ngày: 01/01/2011 đến ngày: 31/12/2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã	Kỳ trước	Kỳ này
1	2	3	4
Tổng doanh thu	01		484.257.870.015
e. Doanh thu bán hàng hóa	1a		159.341.279.825
f. Doanh thu vận tải bộ	1b		25.781.959.108
g. Doanh thu vận tải thủy	1c		249.981.283.291
h. Doanh thu sửa chữa thủy	1d		39.592.000
i. Doanh thu cầu cảng, kho bãi	1e		1.505.082.331
j. Doanh thu tiếp nhận	1f		24.199.403.179
k. Doanh thu bảo hộ lao động	1g		14.228.602.200
l. Doanh thu nội bộ	1h		9.180.668.081
Các khoản giảm trừ (03=04+05+06+07)	03		
m. Chiết khấu thương mại	04		
n. Giảm giá hàng bán	05		
o. Hàng bán bị trả lại	06		
p. Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp	07		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		484.257.869.915
2. Giá vốn hàng bán	11		452.823.035.799
q. Giá vốn hàng hóa	2a		148.081.157.737
r. Giá vốn vận tải bộ	2b		21.808.048.627
s. Giá vốn vận tải thủy	2c		241.631.478.990
t. Giá vốn sửa chữa thủy	2d		39.592.000
u. Giá vốn kho bãi	2e		3.226.515.866
v. Giá vốn tiếp nhận	2f		18.491.252.770
w. Giá vốn bảo hộ lao động	2g		13.191.460.689

x.Giá vốn nội bộ	2h		6.353.529.120
3. Lợi nhuận gộp về hàng bán và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.434.834.216
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21		323.923.180
5. Chi phí hoạt động tài chính	22		2.840.435.892
<i>Trong đó: Lãi vay phải trả</i>	23		
6. Chi phí bán hàng	24		6.610.372.959
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.155.918.356
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		4.152.030.189
9. Thu nhập khác	31		2.736.439.401
10. Chi phí khác	32		233.611.522
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.502.827.879
12. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		6.654.858.068
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51		720.906.990
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		5.933.951.078

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco)

Chương 3: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.

3.1. Đánh giá thực trạng chung công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco là một doanh nghiệp có lịch sử khá là lâu đời. Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn có những chuyển biến tích cực và có chỗ đứng trên thị trường. Để có được kết quả như ngày nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý khoa học, chặt chẽ, đồng thời lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty. Bởi nó liên quan đến khoản thu thực tế của công ty cũng như của Nhà nước, giúp cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan như thuế, Ngân hàng... cũng như lãnh đạo công ty giúp ban giám đốc có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược đúng đắn, kịp thời, hiệu quả.

3.1.1. Ưu điểm

- ***Về bộ máy kế toán***

Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Công ty đã xây dựng bộ máy kế toán riêng cho mình sao cho tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát, hạch toán nhanh chóng, kịp thời đối với các hoạt động phát sinh tại công ty, chuyên môn hóa nghiệp vụ, tạo điều kiện cho đội ngũ kế toán nâng cao trình độ, tay nghề.

Các kế toán được phân việc tương đối rõ ràng, đảm bảo sự thống nhất trong hạch toán nhưng không bị trùng lặp, đảm bảo việc kiểm tra, đối chiếu được dễ dàng, tránh sai sót, đảm bảo cung cấp những thông tin cần thiết. Công việc được thực hiện liên tục, thường xuyên, các báo cáo tài chính được lập nhanh chóng, chính xác.

- ***Về đội ngũ kế toán của công ty***

Công ty có đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn tương đối tốt, có kinh nghiệm lâu năm và gắn bó với công ty.

- ***Về hệ thống tài khoản kế toán***

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán. Bên cạnh đó công ty cũng mở rộng theo dõi chi tiết cho một số đối tượng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi một cách chính xác và nhanh nhất.

- ***Về hạch toán ban đầu***

Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, công ty đã thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học, hợp lý, giúp cho việc hạch toán được sắp xếp, phân loại đảm bảo theo đúng chế độ.

Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan và được lưu trữ cẩn thận tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

- ***Về hình thức kế toán***

Công ty hiện đang áp dụng hình thức kế toán máy với phần mềm đang được sử dụng là CADS2002. Phần mềm này giúp giảm tải được công việc của kế toán viên, đồng thời giúp cho việc hạch toán nhanh chóng, dễ dàng hơn, đưa ra được các thông tin kịp thời, nhanh chóng.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty còn tồn tại những hạn chế cần hoàn thiện sau:

- **Về hệ thống sổ kế toán:**

Phần mềm kế toán ngoài bảng kê số 1, bảng kê số 2, nhật ký chứng từ số 1, nhật ký chứng từ số 2, nhật ký chứng từ số 10 thì các bảng kê và nhật ký chứng từ khác đều không sử dụng được. Điều này sẽ khiến công ty khó có thể theo dõi được từng tài khoản cụ thể theo đúng hình thức công ty áp dụng.

- **Về quá trình luân chuyển chứng từ:**

Việc luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban về cơ bản là hợp lý. Tuy nhiên, trong quá trình luân chuyển, giữa các bộ phận chưa có biên bản giao nhận chứng từ. Điều này sẽ gây khó khăn trong việc giải quyết và quy trách nhiệm trong trường hợp chứng từ bị thất lạc.

- **Về chính sách bán hàng:**

Trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, những chiến lược liên quan đến ưu đãi cho khách hàng đóng vai trò khá là quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn, lôi cuốn khách hàng.

Thông qua quá trình thực tập và tìm hiểu về công ty, em thấy công ty không áp dụng chính sách ưu đãi như chiết khấu thanh toán khi khách hàng thanh toán sớm hay chiết khấu thương mại khi khách hàng mua hàng với số lượng nhiều. Chính vì thế, hình thức thanh toán chủ yếu của khách mua hàng tại công ty là nợ, dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn của công ty chưa được hiệu quả.

- **Về trích lập các khoản dự phòng:**

Khách hàng của công ty chủ yếu là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy nhưng công ty chưa tiến hành trích các khoản dự phòng phải thu khó đòi nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Điều đó đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán, sẽ dễ gây đột biến chi phí dẫn đến sai lệch về xác định kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

3.2.1. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong cơ chế thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt như hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải lập ra được kế hoạch kinh doanh riêng cho mình để có thể duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Muốn vậy, trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán là một bộ máy quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng các phương pháp khoa học, có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của doanh nghiệp. Việc lập các báo cáo tài chính sẽ cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm, đến tình hình tài chính của doanh nghiệp như nhà quản lý, nhà đầu tư, cơ quan thuế... một cách chính xác và cụ thể.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp là làm thế nào để tăng nhanh vòng quay vốn để duy trì hoạt động kinh doanh của mình. Để đạt được điều đó thì kế toán công ty phải hoàn thiện tốt công tác bán hàng vì:

- Công tác này sẽ giúp cho khối lượng kế toán được giảm nhẹ, cung cấp các thông tin chính xác cho nhà quản lý.

- Quá trình hoàn thiện này sẽ giúp cho việc tổ chức và luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo các thông tin trên báo cáo tài chính là chính xác và hợp lý.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của công ty.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện trên cơ sở thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.
- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

3.2.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như vấn đề lý luận đã được học, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn những hạn chế. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco như sau:

- **Kiến nghị 1: Tăng cường công tác thu hồi nợ**

Hiện nay, thực trạng các khoản phải thu của khách hàng tại công ty là rất lớn. Điều này gây khó khăn cho công ty trong các trường hợp cần gấp đến vốn. Vì vậy công ty nên sử dụng biện pháp chiết khấu thanh toán để khuyến khích khách hàng thanh toán sớm và nhanh hơn thời hạn trong hợp đồng hoặc là thanh toán ngay. Công ty nên:

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản phải thu trong và ngoài doanh nghiệp, thường xuyên đôn đốc để thu hồi nợ đúng .

- Áp dụng chiết khấu thanh toán để tránh tình trạng bị khách hàng chiếm dụng vốn của công ty. Như vậy, công ty sẽ tránh khỏi tình trạng bị chiếm dụng vốn, đồng thời làm tăng vòng quay của vốn giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Căn cứ từng khách hàng thanh toán nợ mà công ty áp dụng mức chiết khấu theo thời gian. Cụ thể:

- + Khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn trả là ½ thời gian trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán.

- + Khách hàng mua hàng và thanh toán trước thời hạn trả là ¼ thời gian trong hợp đồng sẽ được hưởng chiết khấu 0,5% trên tổng giá thanh toán.

- + Khách hàng nợ quá hạn trong hợp đồng sẽ bị áp dụng mức lãi suất theo ngân hàng.

Sau khi xác định mức chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua TK 635 “Chi phí tài chính”

Hàng tháng, kế toán căn cứ vào chứng từ ghi chép các khoản chiết khấu thanh toán dành cho từng khách hàng để nhập dữ liệu vào máy theo định khoản:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho người mua

Có TK 112,111,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Ví dụ: Ngày 09 tháng 11 năm 2011, bán quần áo, ủng Thùy Dương cho công ty TNHH MTV than Thống Nhất – Vinacomin với giá bán chưa thuế là 330.000.000 đồng, thuế GTGT 10%.

Theo hợp đồng thỏa thuận giữa hai bên ký kết, công ty TNHH MTV than Thống Nhất – Vinacomin được nợ Công ty đến ngày 15 tháng 01 năm 2012. Nhưng đến ngày 06 tháng 12 năm 2011, Công ty than Thống Nhất đã trả tiền mua hàng.

Giả sử nếu áp dụng mức chiết khấu như trên thì Công ty than Thống Nhất được hưởng mức chiết khấu 1% trên tổng giá thanh toán 363.000.000 đồng.

Công ty tiến hành định khoản:

Nợ TK 635: 3.630.000 (363.000.000 * 1%)

Có TK 1311: 3.630.000

Biểu 3.1: Sổ chi tiết thanh toán với công ty TNHH MTV than Thống Nhất - Vinacomin

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI TASCOS

Mẫu số S31 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH MTV than Thống Nhất – Vinacomin

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
...
			Số dư đầu tháng 11 năm 2011					176.335.354
09/11	018049	09/11	Xuất bán quần áo, ủng Thùy Dương Thuế GTGT đầu ra	51111 33311	330.000.000 33.000.000			539.335.354
12/11	018050	12/11	Thu tiền bán hàng T11/2011	1121		176.335.354		363.000.000
			Cộng số phát sinh		363.000.000	176.335.354		
			Số dư đầu tháng 12 năm 2011					363.000.000
06/12	06/TN	06/12	Thu tiền bán hàng T12/2011 Chiết khấu thanh toán	1121 635		359.370.000 3.630.000		-
17/12	019602	17/12	Xuất bán hàng quần áo, tạp dề, mũ, khẩu trang cấp dưỡng Thuế GTGT đầu ra	51111 33311	71.922.000 7.192.200			72.114.200
			Cộng số phát sinh		72.114.200	363.000.000		
			Số dư cuối năm					72.114.200

Ngày ... tháng ... năm

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

• **Kiểm nghi 2: Phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Hoạt động kinh doanh của công ty gồm nhiều, mỗi loại mang lại mức lợi nhuận khác nhau. Để quản lý hiệu quả chi phí công ty cần xác định được kết quả tiêu thụ của từng hoạt động. Từ đó, xây dựng kế hoạch quản lý chi phí cũng như tiêu thụ mang lại hiệu quả cao nhất.

Thực tế, kế toán công ty chỉ xác định doanh thu, giá vốn riêng cho tất cả các hoạt động tiêu thụ nhưng lại chưa thực hiện phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cho từng hoạt động.

Để phân bổ chi phí này ta cần lựa chọn một tiêu thức phân bổ cho phù hợp, khoa học. Dựa vào đặc điểm tiêu thụ của công ty mà ta có thể lựa chọn tiêu thức phân bổ theo doanh số bán như sau:

$$\text{Chi phí bán hàng (Chi phí quản lý DN) phân bổ cho hoạt động } i = \frac{\text{Doanh thu tiêu thụ hoạt động } i}{\text{Tổng doanh thu tiêu thụ của các loại hoạt động}} * \text{Tổng chi phí bán hàng (chi phí quản lý DN) cần phân bổ}$$

Sau khi phân bổ, ta sẽ xác định được kết quả sản xuất kinh doanh cho từng hoạt động đó theo công thức:

$$\text{Lãi (lỗ) của hoạt động } i = \text{Doanh thu thuần hoạt động } i - \text{Giá vốn hàng bán của hoạt động } i - \text{Chi phí bán hàng phân bổ cho hoạt động } i - \text{Chi phí quản lý DN phân bổ cho hoạt động } i$$

Ví dụ: Xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán hàng hóa trong năm 2011:

Tổng doanh thu trong năm 2011:	484.257.870.015
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư:	159.341.279.825
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư:	148.081.157.737
Chi phí bán hàng:	6.610.372.959
Chi phí quản lý doanh nghiệp:	18.155.918.356

Ta tiến hành phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN theo doanh số bán:

$$\text{CPBH phân bổ cho hoạt động bán hàng hóa, vật tư} = \frac{159.341.279.825}{484.257.870.015} * 6.610.372.959 = 2.175.091.728$$

$$\text{CPQLDN phân bổ cho hoạt động bán hàng hóa, vật tư} = \frac{159.341.279.825}{484.257.870.015} * 18.155.918.356 = 5.974.063.503$$

Biểu 3.2: Bảng xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán hàng hóa, vật tư

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tên hoạt động: Bán hàng hóa, vật tư

Năm 2011

Chỉ tiêu	Kỳ này
1. Doanh thu thuần	159.341.279.825
2. Giá vốn hàng bán	148.081.157.737
3. Lợi nhuận gộp	11.260.122.088
4. Chi phí bán hàng	2.175.091.728
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.974.063.503
6. Lợi nhuận từ việc bán hàng hóa, vật tư	3.110.966.857

Kế toán ghi sổ

*Ngày ... tháng ... năm ...
Kế toán trưởng*

Tiếp đó: Xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán bảo hộ lao động trong năm 2011:

Tổng doanh thu trong năm 2011: 484.257.870.015

Doanh thu thuần bán bảo hộ lao động: 14.228.602.200

Giá vốn bán bảo hộ lao động: 13.191.460.689

Chi phí bán hàng: 6.610.372.959

Chi phí quản lý doanh nghiệp: 18.155.918.356

Ta tiến hành phân bổ chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN theo doanh số bán:

$$\begin{aligned} \text{CPBH phân bổ cho} & \quad 14.228.602.200 \\ \text{hoạt động bán bảo hộ} & = \frac{\quad}{484.257.870.015} * 6.610.372.959 = 194.227.855 \\ \text{lao động} & \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{CPQLDN phân bổ cho} & \quad 14.228.602.200 \\ \text{hoạt động bán bảo hộ} & = \frac{\quad}{484.257.870.015} * 18.155.918.356 = 533.462.347 \\ \text{lao động} & \end{aligned}$$

Biểu 3.3: Bảng xác định kết quả kinh doanh của hoạt động bán bảo hộ lao động

CÔNG TY TNHH MTV VẬT TƯ VÀ VẬN TẢI ITASCO

BẢNG XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Tên hoạt động: Bán bảo hộ lao động

Năm 2011

Chỉ tiêu	Kỳ này
1. Doanh thu thuần	14.228.602.200
2. Giá vốn hàng bán	13.191.460.689
3. Lợi nhuận gộp	1.037.141.511
4. Chi phí bán hàng	194.227.855
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	533.462.347
6. Lợi nhuận từ việc bán bảo hộ lao động	309.451.309

Ngày ... tháng ... năm ...

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

Qua việc phân bổ hai hoạt động trên, ta có thể thấy được hoạt động bán hàng hóa, vật tư và hoạt động bán bảo hộ lao động đều là hai hoạt động mang lại lợi nhuận cho công ty. Tuy nhiên, ta có lợi nhuận từ bán hàng hóa vật tư mang lại cho công ty là 3.110.966.857 đồng, hoạt động bán bảo hộ lao động đạt lợi nhuận là 309.451.309 đồng. Ta thấy được hoạt động bán hàng hóa, dịch vụ là hoạt động mang lại lợi nhuận cao cho công ty, cụ thể so với hoạt động bán bảo hộ lao động cao hơn 2.801.515.548 đồng, tương đương 905,32% . Từ đó công ty có những biện pháp để đẩy mạnh tiêu thụ, tiết kiệm chi phí một cách hợp lý.

Bên cạnh đó, ta có thể biết được mặt hàng nào của công ty kinh doanh không hiệu quả để đưa ra chiến lược kinh doanh cụ thể

- **Kiến nghị 3: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu những đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ cũng như tình hình tài chính, công ty nên mở TK 139 “Dự phòng phải thu khó đòi”. Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng. Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành và được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp theo định khoản:

Nợ TK 642:

Có TK 139:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, theo thông tư số 228/2009 của Bộ Tài Chính ta có mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm
- Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

Phương pháp hạch toán cụ thể như sau:

- Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

- Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

- Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 138: Phải thu khác

Đồng thời ghi để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ

Nợ TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, KT ghi:

Nợ 111, 112:

Có TK 711: Thu nhập khác

Đồng thời ghi

Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

Ví dụ: Dựa vào bảng kê công nợ của công ty ta thấy, công ty TNHH MTV 790-TCT Đông Bắc nợ công ty số tiền 203.130.000 đồng từ tháng 3 năm 2011, theo hợp đồng kinh tế, hạn phải thanh toán là trong vòng 2 tháng. Đến ngày 14 tháng 5 năm 2011 phải thanh toán tiền cho công ty. Tuy nhiên, đến cuối năm khoản nợ này vẫn chưa được thu hồi. Công ty nên áp dụng theo quy định để trích lập dự phòng phải thu với khoản nợ này theo mức trích lập là 30%.

Kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 642: 60.939.000 (203.130.000 * 30%)

Có TK 139: 60.939.000

- **Kiến nghị 4: Phản ánh phí chuyển tiền vào tài khoản 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Việc hạch toán không đúng tài khoản sẽ dẫn đến việc theo dõi hoạt động kinh doanh không được chính xác của doanh nghiệp. Chính vì vậy, công ty cần sử dụng đúng tài khoản theo chế độ quy định.

Phí chuyển tiền là loại phí thường xuyên phát sinh tại công ty. Khi hạch toán các khoản phí đó kế toán phản ánh vào tất cả khoản chi phí như chi phí bán hàng nếu phí đó dùng để chi trả cho hoạt động liên quan đến bán hàng, chi phí sản xuất chung nếu hoạt động đó liên quan đến hoạt động sản xuất, chi phí quản lý doanh nghiệp nếu hoạt động liên quan đến quản lý.

Kế toán cần sử dụng TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp” để tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán hiện hành về ghi nhận, phản ánh khoản phí chuyển tiền phát sinh trong năm tài chính. Việc sử dụng đúng tài khoản sẽ giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi chi tiết các khoản chi phí, góp phần hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Khi phát sinh khoản phí chuyển tiền công ty tiến hành định khoản:

Nợ TK 642:

Nợ TK 133:

Có TK 112:

Ví dụ 4:(Trang 73) Ngày 21 tháng 12 năm 2011, công ty trả tiền mua hàng theo hóa đơn 0000063 cho công ty TNHH TM thiết bị phụ tùng Ngọc Liên tại ngân hàng TMCP Quân Đội – chi nhánh Bắc Hải số tiền 65.591.240 đồng. Khi chuyển tiền, công ty phải chịu khoản phí chuyển tiền là 10.000 đồng.

Biểu 3.4: Phiếu báo nợ ngân hàng Quân đội

NGAN HANG TMCP QUAN DOI Le Chan (LC)		MST NH:	
PHIEU BAO NO			
Ngày: 21/12/11		GDV: 6978_LCRT1.8__OFS_BROWSERTC	
Ma giao dich: FT11355361029570		Nguyen te: VND	
Tai khoan/ Khach hang		So tien	
Tai khoan No: 2521100552008		Du dau: 3,410,482,037	
VT & VT – ITASCO		Du cuoi: 3,344,878,697	
Tai khoan Co: VND1625009990001		CTIEN DIEN TU HO – KV NGOAI HA NOI	
So tien bang chu:		So tien: 65,591,240	
SAU MUOI LAM TRIEU SAU TRAM LINH		Phi: 10,000	
HAI NGHIN HAI TRAM BON MUOI VND		VAT: 1,000	
		Tong tien: 65,602,240	
Dien giai:		CTY 1TV VT VA VT TRA TIEN MUA HANG (HD: 063)	
KE TOAN VIEN		KIEM SOAT	
		KE TOAN TRUONG	

Căn cứ vào giấy báo nợ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 331: 65.591.240

Nợ TK 641: 10.000

Nợ TK 133: 1.000

Có TK 112: 65.602.240

Kiểm nghị định khoản:

Nợ TK 331: 65.591.240

Nợ TK 642: 10.000

Nợ TK 133: 1.000

Có TK 112: 65.602.240

- ***Kiến nghị 5: Về sổ sách kế toán và phần mềm kế toán công ty áp dụng***

Phần mềm kế toán CADS của công ty được cài đặt theo hình thức nhật ký chứng từ nhưng chỉ in được những nhật ký chứng từ số 1, số 2, số 10 và bảng kê số 1, số 2. Vì vậy, Công ty có thể liên hệ với nhà cung cấp phần mềm để nâng cấp, cài đặt thêm hệ thống sổ sách theo hình thức nhật ký chứng từ để thuận lợi hơn trong quá trình kiểm tra, đối chiếu.

Hoặc công ty có thể sử dụng các phần mềm khác thay thế cho phần mềm để cung cấp đầy đủ hệ thống sổ sách. Các phần mềm áp dụng hình thức nhật ký chứng từ cho phù hợp với doanh nghiệp như VietSun, Unesco, Fast, CNS Accounting...

- Phần mềm kế toán VietSun được áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước với các tính năng: tự động toàn bộ công tác kế toán; cho phép mở thêm nhiều tài khoản chi tiết theo yêu cầu quản lý; tự thiết lập báo cáo theo yêu cầu; tìm kiếm, truy xuất báo cáo theo nhiều tiêu thức lựa chọn; cho phép lựa chọn nhiều khổ giấy in với chiều ngang hoặc chiều dọc: A2, A3, A4, A5; có chức năng duyệt phiếu; quản lý chi tiết vật tư hàng hoá theo: mã hàng, nhóm hàng, nguồn gốc, kho hàng, nhà cung cấp, người mua, vv... ; quản lý tài sản cố định chi tiết theo: mã tài sản, tên tài sản, nguyên giá, giá trị còn lại, hao mòn lũy kế, nguồn hình thành tài sản, vv...; quản lý công nợ chi tiết từng khách hàng ; quản lý chi phí và tính giá thành đến từng đơn hàng, sản phẩm, công trình; tự động sao lưu dữ liệu dự phòng; phân quyền chi tiết cho từng kế toán; bao gồm đầy đủ các loại sổ: sổ cái, sổ chi tiết và sổ tổng hợp các tài khoản; nhật ký chứng từ...

- Với giao diện tiếng Việt thân thiện, đơn giản, dễ sử dụng, phần mềm kế toán Unesco sẽ giúp kế toán xử lý nhanh các nghiệp vụ kế toán như: kế toán vốn bằng tiền, kế toán vật tư hàng hoá, kế toán tài sản cố định, kế toán công nợ, kế toán bán hàng...

- Phần mềm kế toán Fast gồm 14 phân hệ: kế toán tổng hợp, kế toán tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, kế toán bán hàng và công nợ phải thu, kế toán mua hàng và công nợ phải trả, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán CCLĐ,

báo cáo các khoản mục phí, kế toán giá thành sản phẩm sản xuất liên tục, kế toán giá thành sản phẩm sản xuất theo đơn hàng, kế toán giá thành công trình, vụ việc, báo cáo quản trị các trường do người dùng tự định nghĩa, báo cáo thuế, báo cáo phân tích, quản trị.

- Phần mềm CNS có mô hình quản lý luồng công việc và luồng thông tin khoa học với mỗi phân hệ luôn có các chứng từ và các báo cáo tổng quát, chi tiết cụ thể theo từng đối tượng, hợp đồng, sản phẩm... Phần mềm gồm có 9 phân hệ: kế toán vốn bằng tiền, kế toán công nợ phải trả, kế toán công nợ phải thu, kế toán công nợ phải trả phải thu khác, kế toán hàng tồn kho, kế toán TSCĐ, kế toán tổng hợp, kế toán giá thành, phân hệ quản trị hệ thống.

KẾT LUẬN

Việc kinh doanh hàng hoá của doanh nghiệp chính là việc doanh nghiệp làm chiếc cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng với mục đích cuối cùng là lợi nhuận. Một doanh nghiệp muốn đạt được lợi nhuận cao cần cố gắng tăng doanh thu bằng cách tăng sản lượng sản phẩm bán ra không những trong thị trường nội địa mà ngay cả thị trường nước ngoài và giảm thiểu chi phí. Bởi vậy, trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay sự cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco cũng đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Xuất phát từ thực tế tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến góp phần hoàn thiện công tác hạch toán kế toán nói riêng và công tác quản lý nói chung của công ty.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên nội dung của khoá luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô và các cô chú trong phòng tài chính kế toán tại công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco để bài khoá luận của em được đầy đủ và hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Thạc sỹ Trần Thị Thanh Thảo, cảm ơn các cô chú trong phòng tài chính kế toán của công ty cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày...tháng... năm 2012

Sinh viên

Phạm Thị Ngọc Châu

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1- Bộ Tài Chính. 2008. “26 chuẩn mực kế toán Việt Nam”. Hà Nội. NXB Tài chính.
- 2- Bộ Tài Chính. 2006. “Chế độ kế toán doanh nghiệp”. Hà Nội. NXB Thống kê.
- 3- GS.TS. Ngô Thế Chi, TS. Trương Thị Thủy. 2008. “Giáo trình kế toán tài chính”. Hà Nội. NXB Tài chính
- 4- Ts. Phan Đức Dũng. 2008. “Kế toán tài chính”. TP. Hồ Chí Minh. NXB Thống kê.
- 5- PGS.TS. Võ Văn Nhị. 2007. “Kế toán tài chính”. Hà Nội. NXB Tài chính.
- 6- TS. Nguyễn Phú Giang. 2008. “Kế toán dịch vụ”. Hà Nội. NXB Tài chính.
- 7- TS. Trần Quý Liên, TS. Trần Văn Thuận, TS. Phạm Thành Long. 2009. “Nguyên lý kế toán”. Hà Nội. NXB Tài chính.
- 8- Tài liệu sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, bảng cân đối kết quả kinh doanh năm 2011 của Công ty TNHH MTV Vật tư và vận tải Itasco.
- 9- Trang web về kế toán
<http://www.webketoan.vn>

...